

Kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo



TK Thích Giải Hiền dịch

---oOo---

Nguồn

<http://www.tuvienquangduc.com.au/>

Chuyển sang ebook 13-03-2016

Người thực hiện :

Nguyễn Ngọc Thảo - thao.ksd.hng@gmail.com

Nam Thiên - namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phapthihoi.org](http://www.phapthihoi.org)

Mục Lục

LỜI MỞ ĐẦU

CHƯƠNG I: TỰ LUẬN

I - Ý nghĩa của việc học bản kinh này

II - Giải thích tên Kinh

III - Giảng Dịch giả

CHƯƠNG II: CÁCH THỨC NHÌN NHẬN BỐ CỤC MỘT BỘ KINH PHẬT GIÁO

CHƯƠNG III: AI LÀ NGƯỜI SÁNG THỂ?

CHƯƠNG IV: NHÌN RÕ HIỆN TƯỢNG TÂM VẬT

CHƯƠNG V: SỰ KHÁC BIỆT CỦA VẠN VẬT HỮU TÌNH

CHƯƠNG VI: ĐỨC HẠNH CĂN BẢN CỦA HỌC PHẬT

CHƯƠNG VII: MƯỜI HÀNH VI XÂY DỰNG HẠNH PHÚC NHÂN SANH

I - Không sát sanh

II - Không trộm cướp

III - Không tà hạnh

IV - Bất vọng ngữ

V - Bất lưỡng thiệt

- VI - Bất ác khẩu
- VII - Bất ỷ ngữ
- VIII - Bất tham dục
- IX - Bất sân nhuế
- X - Bất tà kiến

CHƯƠNG VIII: CON ĐƯỜNG THÀNH PHẬT

- I - Bồ thí
- II - Trì giới
- III - Nhẫn nhục
- IV - Tinh tấn
- V - Thiền định
- VI - Bát Nhã

CHƯƠNG IX: TINH THẦN CỦA BỒ TÁT

- I - Từ vô lượng
- II - Bi vô lượng
- III - Hỷ vô lượng
- IV - Xả vô lượng

CHƯƠNG X: PHƯƠNG TIỆN ĐỂ NHIẾP HÓA CHÚNG SINH

- I - Bồ thí
- II - Ái ngữ
- III - Đồng sự

CHƯƠNG XI: PHÁP MÔN HƯỚNG ĐẾN GIẢI THOÁT

- I - Tứ Niệm Xứ
- II - Tứ Chánh Cần
- III - Tứ Thần Túc
- IV - Ngũ Căn
- V - Ngũ lực
- VI - Thất Giác Tri
- VII - Bát chánh đạo
- VIII - Chỉ quán
- IX - Phương tiện

CHƯƠNG XII: TỔNG KẾT

PHẦN CHÁNH VĂN

PHẦN DỊCH ÂM

PHẦN DỊCH NGHĨA

---o0o---

LỜI MỞ ĐẦU

Sau khi được chư Tôn Đức lãnh đạo Hội đồng Học Viện Phật Giáo Việt Nam tại Hà Nội giao cho nhiệm vụ đảm trách giảng dạy bộ kinh Thập

Thiền Nghiệp Đạo, chúng con đã cố gắng thu thập tài liệu biên soạn giáo trình cho bộ kinh này.

Vì thời gian biên soạn khá gấp nên chắc chắn nội dung biên soạn chưa được đầy đủ. Nội dung và việc phân định chương tiết cũng không được rõ ràng hợp lý và khoa học lắm. Chúng con chỉ biết đem hết khả năng để biên soạn giáo trình nhằm giúp cho việc giảng dạy đạt được kết quả nhất định.

Mong là trong thời gian giảng dạy chúng con sẽ nhận được sự chỉ dạy thêm của Chư Tôn Thiền Đức, sự góp ý của các bậc thức giả, ý kiến trực tiếp của chư vị tăng ni học viên trong Học viện để giúp cho chúng con chỉnh sửa, bổ sung và hoàn chỉnh hơn giáo trình cho lần tái bản sau.

Minh Đức tịnh xá

Hà Nội, ngày đầu năm 2015

Thích Giải Hiền kẻ thù

---o0o---

KINH THẬP THIÊN NGHIỆP ĐẠO

Bộ Kinh chuyển tải các nội dung chính sau:

1. Tham cứu nhân tố hình thành thế giới.
2. Khảo sát thực chất của hiện tượng tâm vật.
3. Phân tích nguyên lý mạng vận của hữu tình.
4. Phương pháp kiến lập hạnh phúc như sanh.
5. Đức hạnh cơ bản của học Phật.
6. Pháp môn giải thoát phiền não của Tam Thừa Thánh Hiền
7. Bồ cục

---o0o---

CHƯƠNG I: TỰ LUẬN

I - Ý nghĩa của việc học bản kinh này

Nội dung của bộ kinh này nói về những nền tảng căn bản nhất trong việc tu học Phật Pháp. Hay nói cách khác, tu học hết thầy Phật môn, đều lấy nội dung chính của “Thập Thiện Nghiệp Đạo” làm cơ sở.

Ý nghĩa của việc học bộ kinh “Thập Thiện Nghiệp Đạo” chủ yếu gồm:

1. Hiểu rõ nhân quả của cuộc sống

Nhân quả là quy luật của vũ trụ nhân sanh, cũng là nền tảng kiến lập Phật Pháp.

Hệ thống lý luận của Phật Pháp đều lấy nhân quả làm nền tảng. Không chỉ có Phật Pháp như vậy mà Tôn giáo, Triết học, Khoa học ở thế gian đều đề cập đến nhân quả nhưng vì thiếu trí tuệ bát nhã nên không thể nhìn nhân quả một cách thấu triệt toàn diện được.

Khi nói đến nhân quả người ta thường rất dễ liên tưởng đến quan điểm của Túc Mạng Luận như cho rằng vận mệnh đã được sắp đặt an bài, không thể thay đổi. Nhưng dưới quan điểm và cách nhìn của đạo Phật thì đó chỉ là cái nhìn phiến diện. Bởi vì nếu mọi việc đã được sắp đặt không thể thay đổi thì đã phủ nhận hoàn toàn sự nỗ lực của đời sống hiện tại, phủ nhận mọi giá trị của các việc làm trong cuộc sống hiện tại.

Nhân quả luận trong Phật giáo là sự kết hợp của nhân duyên tức là quá trình do nhân chiêu cảm nên quả. Chịu sự tác động của duyên như hạt giống gieo xuống đất còn phải cần đất, ánh sáng, nước... các nhân duyên thành tựu hạt giống mới có thể nảy mầm khai hoa kết quả. Từ đó thấy rằng trong cuộc sống đã trồng nhiều thiện nhân hoặc ác nhân nhưng quá trình từ các nhân đã trồng ấy chiêu cảm thành quả báo còn tùy thuộc vào sự hòa hợp của các duyên nữa.

Cho nên mạng vận tuy có nhân tố đã định nhưng vẫn có thể thông qua nỗ lực trong cuộc sống mà có sự cải biến chứ không như Túc Mạng Luận cho rằng mọi thứ đều đã được sắp đặt không có thể thay đổi. Quan điểm này có nhiều điều không ổn ví như có người đáng lẽ sẽ sống đến 80 tuổi nhưng gặp phải tác động từ nhân tố bên ngoài của cuộc sống nên trong một phút giây nào đó đã nhảy lầu tự tử khi mới có 30 tuổi như vậy có phải là do mạng vận đã sắp đặt rồi hay không? Cũng giống như một đứa trẻ, vốn sẽ khỏe mạnh trưởng thành nhưng do cha mẹ không để tâm chăm sóc, không lo ăn uống đầy đủ làm cho đứa trẻ thiếu dinh dưỡng, dẫn đến bệnh tật như vậy đều có phải do tiền định hay không? Lại như có người suy nghĩ nông nổi, nghe theo kẻ xấu làm điều phạm pháp, thế thì tội ấy cũng do tiền định sẵn sao? Nếu phải thì có chịu hình phạt của pháp luật không? Cho nên nhân quả cơ

giới mà Túc Mạng Luận đề cập chỉ là một phần nào đó của vấn đề nếu lấy một điểm để đại diện cho toàn diện thì sẽ nhiều sai lầm trong kết luận.

Nho gia cũng nói đến nhân quả nhưng chủ yếu là từ hiện thực xã hội và đời sống thực tại để giải thích mà không như nguyên lý nhân quả của đạo Phật xuyên suốt ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai “Trong Luận Ngữ có nói có một vị đệ tử hỏi đến việc sau khi chết, Khổng Tử trả lời: “sinh còn chưa biết nói gì đến chết”. Cho nên khi Nho Gia nói đến vấn đề nhân quả thường chỉ đề cập đến cuộc sống trước mắt, không nói thấu triệt toàn diện được hiện tượng của sinh mạng. cũng vì như thế nên chỉ có thể đem một số vấn đề nhân quả để cho con cháu đời sau như: “tích thiện chi gia, tất hữu dư khánh; tích bất thiện chi gia, tất hữu dư tàn”. Thế nào gọi là “tích thiện chi gia, tất hữu dư khánh” Tức là nói do tiên tổ tích đức nên có được con cháu hiền, thiện. Còn “tích bất thiện chi gia, tất hữu dư tàn” tức là nói do cha mẹ làm nhiều điều bất nghĩa chiêu cảm đến việc sanh ra những con cháu không tốt, không có đạo đức. Điều này có đúng nhưng không hoàn toàn bởi vì trong hiện thực xã hội chúng ta có thể nhìn thấy cha mẹ là những con người đức cao vọng trọng nhưng chưa chắc gia đình đã có được con cháu “hiếu tử hiền tôn”. Ngược lại, cha mẹ là những con người có đạo đức bại hoại cũng chưa chắc con cháu lại là những con người có phẩm tính bất lương. Trong lịch sử như Ngưu Thuấn là những điển hình, Ngưu là vị minh quân hiền triết trong lịch sử, nhưng con là Đan Chu lại là người bất trung, bất nghĩa. Vua Thuấn là bậc thánh hiền lưu danh muôn thuở nhưng cha Cô Tấu lại là người phẩm chất không tốt..... nên thấy rằng nếu chỉ dùng quan hệ huyết thống của cha mẹ để giải thích hiện tượng nhân quả thì có nhiều điều không thể sáng tỏ, vì không hiểu rõ được quy luật nhân quả của tự thân nên mới có những nhận định không vẹn toàn về luật nhân quả.

Khoa học hiện đại cũng nói về nhân quả, nhiều thực nghiệm của khoa học đã ứng dụng luật nhân quả để tạo phước cho nhân loại như việc cải tạo giống lúa nước cũng chính là quá trình cải tạo từ nhân hoặc những kỹ thuật ghép giống cũng chính là những công việc điều chỉnh từ duyên, do đó mới có thể thu hoạch được những kết quả to lớn, khoa học đối với thế giới vật chất bên ngoài đã đạt được những thành tựu to lớn nhưng đối với lĩnh vực tâm linh con người thì con khá sơ khai.

Con người chúng ta cái biết đối với thế giới tâm linh dường như chỉ là những giọt nước ngoài biển khơi, chúng ta có thể dùng các phương pháp của khoa học để quan sát những vì tinh tú trên bầu trời hoặc đo đạc các tầng địa chất nhưng lại hoàn toàn không thể nhìn thấu được tâm linh của mỗi con người. Chúng ta đã sớm có được những phương tiện để kiểm tra thân nhiệt nhưng lại không thể phát minh ra máy móc đo lường phiền não của nội tâm.

Chúng ta sớm đã có được những máy móc y học hiện đại như máy X-Quang, hay máy CT và đầy đủ kỹ thuật để chiếu rọi và chụp cắt các bộ phận trong cơ thể nhưng hoàn toàn không thể chế ra được những dụng cụ để dò tìm các bệnh tật của tâm linh và không thể tìm ra được phiền não đang ẩn tàng nơi nào trong cơ thể mỗi con người. Chúng ta không có phương pháp để đo đạc lại càng không có được những dụng cụ để cắt trừ phiền não. Do vậy trong thời đại khoa học phát triển như hôm nay thì những phiền não và thống khổ của nội tâm con người không hề được giảm thiểu mà ngược lại càng tăng trưởng và phức tạp hơn lên.

Phật Pháp đã giải thích nguyên lý về nhân quả như thế nào? Kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo là một bộ kinh giới thiệu về nhân quả thiện ác và vận mạng nhân sinh. Muốn hiểu được những nội dung mà bộ kinh đề cập trước hết chúng ta cần hiểu rõ thêm vấn đề sau:

a. Tin rằng có thiện có ác, cái gì là thiện? cái gì là ác? Có thể nhiều người cho rằng cái gì có lợi cho mình chính là thiện, còn ngược lại chính là ác. Nhưng nói như vậy thì lấy gì để xác định bởi vì tiêu chuẩn và lập trường của mỗi người khác nhau nên sự xác định về thiện ác của mỗi người cũng khác nhau. Ví như với người cảnh sát kẻ trộm là người ác nhưng ngược lại trong con mắt của kẻ trộm thì cảnh sát lại không phải là người tốt. Cho nên nếu chỉ căn cứ vào lập trường của cá nhân để xác định thiện ác thì phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến sự đối lập. Đối với nội hàm cụ thể của hai khái niệm này, thì trong kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo đã giải thích rất rõ.

b. Tin rằng có nghiệp có báo, nghiệp là những hành vi tư tưởng của tự thân bao gồm: thiện, ác và vô ký (ba loại). Một khi hành vi tạo thiện hoặc ác thì nhất định sẽ chiêu cảm nên quả báo, nếu không rõ nguyên lý này thì thường cho rằng hành vi thiện ác chỉ là trong hiện tại làm xong thì kết thúc cho nên việc xấu chỉ cần khéo che đậy trốn được vòng pháp luật, tức là mọi việc sẽ êm xuôi. Điều này đã khiến cho nhiều người khi phạm tội thì chỉ nghĩ đến việc dùng mọi phương pháp để trốn tội và chạy tội, hoặc vì không tin có nhân quả nghiệp báo, rơi vào đoan kiến nên không sợ bất cứ một điều ác nào, nhưng với quan điểm của Phật Pháp thì những hành vi thiện ác đã tạo tác đều không mất mà tất cả những hành vi đó đều lưu lại những hình ảnh trong nội tâm hoặc sẽ được biến thành những chủng tử được cất giữ trong tàng thức A Lại Gia, cho nên những hành vi đó đều sẽ trở thành những nghiệp nhân khi điều kiện thành thực sẽ tạo thành nghiệp quả. Nên người xưa có nói: “Thiện ác đáo đầu, chung hữu báo; chỉ tranh lai tảo dữ lai trì” có nghĩa là hành vi thiện tất cảm nên quả lạc, hành vi ác chiêu cảm nên quả khổ cái khác nhau chỉ là vấn đề thời gian mà thôi, có thể là thọ báo trong đời

sống hiện tại cũng có thể là ở vị lai hoặc nhiều đời ở vị lai. Ngoài ra những hành vi thiện ác còn đem đến những kết quả ngoại tại không đồng, ví như khi giết hại người khác đối phương sẽ nuôi tâm oán hận chờ thời cơ để báo thù nên một khi nhân duyên thành thực thì sẽ chiêu cảm nên quả báo tương ứng.

c. Tin rằng có đời trước và có đời sau. Cuộc sống của con người chỉ là một thời đoạn trong một quá trình lưu chuyển của dòng sống bất tận, sinh mạng giống như một sợi dây xích gồm các vòng xích nối lại với nhau mà đời sống hiện tại chỉ là một vòng trong chuỗi dây xích ấy, nó nối tiếp với đời sống trước và liên tục với đời sống sau. Sinh mạng cũng giống như dòng nước lưu chuyển giọt trước nối tiếp giọt sau, đời sống hiện tại chỉ là một giọt nước trong dòng nước bất tận.

d. Tin rằng có thánh hiền, có phàm phu. Trong Phật pháp phân sinh mạng của chúng hữu tình thành mười tầng thứ cũng gọi là Thập pháp giới trong đó có bốn quả thánh và sáu quả phàm. Là Thiên, Nhân, A Tu La, Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Súc Sinh gọi là lục phàm. Tứ thánh là Phật, Bồ Tát, Duyên Giác, Thanh Văn. Thập pháp giới là đại diện của mười tầng thứ của sinh mạng hữu tình tuy có cao thấp nhưng không phải không có thay đổi, nghĩa là con người không phải mãi mãi là con người, súc sinh không có nghĩa mãi mãi là súc sinh, theo quan điểm của Phật giáo sinh mạng là do duyên khởi nên có thể thông qua những nỗ lực của tự thân để tiến hành việc cải tạo.

---o0o---

2. Thành tựu quả báo Nhân Thiên

Phật Pháp cho rằng không có bất kỳ một việc gì ở thế gian là ngẫu nhiên mà vạn sự vạn vật đều chịu sự chi phối của định luật nhân quả, theo định luật này mà tồn tại hoặc biến mất. Có người cho rằng trúng vé số không phải là ngẫu nhiên hay sao? Nhìn bề ngoài thì nó như là việc ngẫu nhiên phát sinh, kỳ thực chúng ta không nhìn thấy hết được những nhân tố đằng sau sự ngẫu nhiên đó, không nhìn thấy được toàn bộ nhân duyên phát triển của sự vật bằng quan điểm của Phật giáo trúng số cũng phải là sự tương ứng của phước báo mới có thể có được bởi vì nếu không trồng những nhân duyên tốt thì không gặp được phước báo tốt. Từ trong Phật Pháp mà nói bất luận là thành Phật hay sinh vào cõi trời hoặc làm người, cho đến đọa lạc làm súc sinh, ngạ quỷ đều do nhân duyên tương ứng tác thành. Phật giáo cho rằng: “không có thiên sanh Di Lặc, cũng chẳng có tự nhiên Thích Ca” điều này cho chúng ta biết Bồ Tát Di Lặc không do trời sinh như vậy, Thích Ca Mâu Ni cũng không phải tự nhiên mà thành tựu. Trong kinh Bốn Sinh của đức Phật đã ghi rõ đức Phật Thích Ca đã trồng rất nhiều nhân duyên, trải qua

nhiều kiếp tu hành khổ hạnh mới thành tựu nên đạo quả. Con người cũng vậy do nhân duyên nghiệp báo chiêu cảm, khi sinh ra làm người cũng sinh vào những nơi chốn khác nhau tùy theo y báo chánh báo của mỗi người.

Sinh ra làm người cũng do nhân duyên, nghiệp lực bất đồng tạo nên chủng tộc, xuất thân, tướng mạo, tính tình...các loại sai biệt. Có người sự sự như ý, một đời bình an, có người thì ngược lại nhiều tai nạn cuộc sống khôn khó. Trong xã hội những trường hợp như vậy rất nhiều. Trong một cơ quan, tổ chức, đoàn thể người lãnh đạo chưa chắc đức hạnh đã hơn hẳn cấp dưới, trong một thành phố những người sống ở tầng lớp thấp nhiều khi năng lực lại hơn hẳn người khác. Nếu không hiểu rõ nhân quả sẽ rất dễ phát sinh tâm thái “oán trời trách đất”, oán hận ông trời bất công, oán hờn mạng vận vô lý, đánh mất ý chí của bản thân, mất đi niềm tin vào cuộc sống. Nếu hiểu rõ quy luật nhân quả chúng ta hiểu rõ được rằng mạng vận là do nghiệp lực bất đồng từ đời trước tạo nên. “các hữu nhân duyên tiện mộ nhân”. Một mặt không quá “tiện mộ tha nhân” mặt khác cũng đừng quá tự ti về mình bởi vì mạng vận có thể cải tạo được, quyết định là nơi chính mình. Hôm nay có thể là bậc quý nhân nhưng ngày mai cũng có thể sẽ là kẻ tội nhân. Hôm nay là kẻ ăn mày nhưng ngày sau lại trở thành phú ông. Trong thế gian biến đổi vô thường này tất cả vinh hiển và gian nan, tất cả thuận cảnh và nghịch duyên theo thời gian đều có thể hoán đổi. Chỉ cần chúng ta hiểu rõ thấu triệt nguyên lý nhân quả thì sẽ hiểu được cách thức để thoát kể mạng vận như thế nào, cải tạo nhân sanh ra làm sao?

Nếu muốn kiếp sau tiếp tục làm người hay sanh thiên thì phải biết tu tập ngũ giới, thập thiện. Nội dung của ngũ giới, thập thiện là đồng nhất. Chia thành bát sát sanh, bất thâu đạo, bất tà dâm, bất vọng ngữ. Hòa thượng Thánh Nghiêm trong “Giới luật học cương yếu” ví ngũ giới như là cuốn hộ chiếu để đến cõi trời, cõi người. Có hộ chiếu chúng ta mới có thể đi đến nước khác được, mới có thể đi lại ở các nơi trên thế giới không bị trở ngại. Cũng vậy chúng ta phải thọ trì ngũ giới mới có thể bước lên con đường nhân thiên để sinh lên cõi trời hay tiếp tục làm người.

Đối với người học Phật, nhân đạo rất quan trọng. Trong lục đạo, thiên đạo phước báo lớn nhất như ở cõi trời Dục giới hoàn cảnh tốt đẹp, hưởng lạc vô cùng, không hề có bất cứ nạn tai nào, cảnh giới cõi trời sắc giới thì chúng sanh an hưởng niềm vui thiên định sự hưởng thụ còn hơn cả cõi trời Dục giới. Nhưng Phật Giáo không lấy thiên đường làm đích đến, không lấy việc sanh thiên làm cứu cánh. Đây là điểm đặc sắc khác biệt giữa Phật Giáo và các tôn giáo khác. Các tôn giáo khác đa phần đều lấy Thiên Đàng làm nơi chốn hướng về lý tưởng nhất, lấy sanh thiên làm mục đích của nhân sanh. Nhưng Phật Giáo cho rằng từ góc cạnh thông đạt chân lý và góc độ thành

tự giải thoát mà nhìn thì nhân gian mới là nơi chốn quý nhất “nhơn vị tới thẳng cổ” vì sao? Bởi vì thiên giới quá nhiều điều tốt làm cho thiên nhân vì say đắm hưởng lạc mà quên đi các điều khác. “Bất tri cư an tư nguy”, không biết phát tâm tu hành, hưởng gì thiên giới không phải là nơi lưu trú vĩnh viễn, một khi thiên phước hưởng tận thì vẫn phải đọa lạc.

Còn thế giới Ta Bà nơi chúng ta đang sống tuy nhiều “Thiên tai nhân họa” nhưng do vậy mà kích phát được nguyện vọng “Ly khổ đắc lạc” của chúng ta, từ đó mà tích cực cải thiện hoàn cảnh, cải tạo phẩm chất sinh mạng.

Văn minh mấy nghìn năm của nhân loại cũng do nghiên cứu nhận thức, cải tạo thế giới mà nên. Trong quá trình nghiên cứu bền bỉ không ngừng nghỉ mới có thể phát hiện chân lý, tìm ra con đường giải thoát. Cho nên Đức Thích Ca tu hành ở nhân gian mà chứng quả, không chỉ Đức Phật Thích Ca như vậy, Chư Phật Thế Tôn cũng xuất hiện ở thế gian, không ai thành Phật ở trên trời. Từ ý nghĩa đó thấy rằng nhân đạo là nơi quan trọng, nơi mấu chốt trong lục đạo.

Chúng sanh lưu chuyển trong lục đạo bất luận là sanh thiên hay đọa lạc đều lấy cõi người làm trạm trung chuyển, mấu chốt là phải biết giữ gìn thân mạng, dùng thân mạng có được này để tinh tấn tu tập phục vụ cho công cuộc cải thiện sinh mạng ở tương lai. Thọ giữ ngũ giới thập thiện là tiền đề quan trọng để thành tựu quả báo nhân thiên, cũng là quy phạm căn bản để hoàn thiện nhân cách, chỉ có nghiêm mật, phụng hành thì đời sau mới đủ tư cách ở cõi người, tiếp tục tu hành tiến đến con đường thành Phật, bằng không sẽ đánh mất cơ hội làm người. Cũng như đã thi đậu vào học viện có đủ tư cách làm học tăng rồi nhưng nếu vi phạm thanh quy, quy chế của nhà trường thì sẽ phải bị đuổi học. Có thể nói tuân thủ ngũ giới, thập thiện là điều kiện bảo đảm cho chúng ta tiếp tục được làm người vậy.

---o0o---

3. An Định Xã Hội

Từ cổ chí kim, xã hội của con người chúng ta luôn trong trạng thái động loạn, điều phá hoại sự an định xã hội to lớn nhất đó là chiến tranh. Lật giở trang sử của nhân loại có thể nói là cả một bộ sử chiến tranh. Nhìn vào lịch sử Trung Quốc từ Xuân Thu Chiến Quốc, đến Hán Sở tranh hùng, Tam Quốc đến Tây Tấn, Đông Tấn, Thập Lục Quốc, Nam Bắc Triều, Tùy Đường, Tống, Liêu, Tây Hạ, Kim, Nguyên, Minh, Thanh mỗi lần thay đổi triều chính đều là các cuộc chiến tranh. Không chỉ Trung Quốc mà lịch sử các nước thế giới đều như vậy. Cho đến ngày nay, chiến tranh, xung đột vẫn không ngừng xảy ra trong khắp nơi trên thế giới, dù là “thái bình thịnh trị” thì án mạng

vẫn cứ xảy ra trong đời sống hàng ngày, có thể đạt được cuộc sống “tối không đóng cửa, đường không sợ rớt mất đồ quý” hay không? Cho nên nói tuyệt đối an ninh trong một phạm vi to lớn là điều không thể có được.

Xã hội con người đã tồn tại nhân tố nào làm cho xã hội bất an như vậy? tựu trung đều từ sát, đạo, dâm, vọng mà ra. Sát bao gồm chiến tranh, bạo lực và đồ sát chúng sanh. Giết người, phóng hỏa đều là sát, giết lợn, giết dê cũng là sát sanh. Đạo không chỉ là trộm cướp, khoét vách, đào tường tất cả hành vi lấy của người khác làm của mình... đều là trộm cắp. Dâm gồm tà hạnh, hành vi bất chính. Vọng gồm những ngôn từ lừa dối để hại người lợi mình. Tất cả mọi hành vi phạm tội đều từ bốn điều trên mà ra. Còn sát, đạo, dâm, vọng từ đâu mà ra? Có người cho đó là từ vấn đề giáo dục, vấn đề đạo đức của dân chúng, vấn đề chế độ xã hội. Đương nhiên cũng có một phần từ các vấn đề đó mà ra nhưng đó không phải là điều căn bản, vấn đề căn nguyên là từ nơi nhân tâm. Nội tâm tham, sân, si, phiền não còn chưa được giải quyết thì xã hội con người khó thực hiện được sự hài hòa và an định.

Tâm tham dẫn đến chiến tranh để chiếm hữu đất đai, lợi ích của người khác. Trong thời kỳ hòa bình tâm tham cũng dẫn đến hiện tượng “mưu tài hại mạng” đến bạn bè, người thân cũng vì tài lợi mà mưu hại lẫn nhau. Tâm tham cũng dẫn đến hành vi trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ. Vì tham tiền háms bạc mà giết người cướp của, chiếm đoạt tài sản của người khác, vì tham dục mà có hành vi ngoại tình. Vì tham mà lừa người, vì háms lợi mà nói dối, vì lừa tình mà nói dối, cho đến mua bán trẻ em, mua bán ma túy, trốn thuế buôn lậu, sản xuất mua bán hàng giả, các hành vi bất ổn xã hội đều từ tâm tham mà ra.

Cũng như tâm tham, tâm sân cũng làm khởi phát hành vi sát, đạo, dâm, vọng. Các cuộc chiến tranh từ xưa đến nay không ít cũng từ tâm sân phát khởi. Bởi vì nhiều đời kết trái oán thù nên oan oan tương báo, “thế bất lưỡng lập” nên sinh ra xung đột và bạo lực giữa người với người. Cũng vì sân hận mà đánh mất lý trí, vác dao chém tới, quyết tranh sống chết, ngoài ra vì tâm sân mà dẫn tới khởi nghiệp trộm cắp, vì sanh tâm đố kỵ trước thành tựu sự nghiệp của người mà rắp tâm chiếm đoạt hoặc vì sân hận mà sanh tâm tà hạnh như theo đuổi không được thì tìm cách bức hại. Cũng do tâm sân mà sanh vọng ngữ vì không thích họ nên che dấu sự thật, bịa điều để gây sự cản trở cho người.

Cho đến ngu si còn gọi là vô minh đều là căn nguyên của mọi vấn đề. Vì vô minh mà sanh tham giận phát sinh vô số phiền não. Phật Giáo gọi tham sân si là tam độc, là ba gốc họa to lớn làm nguy hại đến sự an định xã hội và đời sống tâm linh của nhân loại. Tham, sân, si tồn tại ngày nào thì xã

hội không an lạc ngày ấy. Nên muốn cải thiện đạo đức xã hội phải bắt tay từ việc cải thiện nhân tâm. Đó cũng chính là điều Nho gia đã nói “Chánh tâm, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ” “Lễ Ký Đại Học” nói: “Cổ chi dục minh, minh đức ưu thiên hạ giả. Tiên trị quốc; dục trị kỳ quốc giả, tiên tề kỳ gia, dục tề kỳ gia giả, tiên tu kỳ thân, dục tu kỳ gia giả, tiên chánh kỳ Tâm” cho thấy căn bản của việc cải tạo thế giới đều phải từ việc hoàn thiện cá thể mỗi người, với việc hoàn thiện tâm phải bắt đầu từ tâm hạnh thì mới có thể tiến hành cải tạo mạng vận một cách triệt để, mới có thể nói đến tạo phúc xã hội, lợi ích đại chúng.

Kinh Phật ghi chép Chuyển Luân Thánh Vương bậc hiền minh nhất ở thế gian khi chấp chính đều lấy thập thiện để trị vì quốc gia, làm cho nhân dân an trụ trong thập thiện đạo mới có thể làm cho thiên hạ thái bình hài hòa, nhân dân an cư lạc nghiệp. Kỳ thật, bất luận ở thời đại nào, bất luận ở hoàn cảnh nào chỉ cần có một người biết tu tập ngũ giới thập thiện thì xã hội thêm được một nhân tố an định, có hai người tu ngũ giới thập thiện thì xã hội có hai nhân tố an định, càng nhiều người tu ngũ giới thập thiện thì xã hội càng nhiều nhân tố an định. Nếu người người biết tu ngũ giới thập thiện thì thế giới này là Nhân Gian Tịnh Độ, là Thế Giới Cực Lạc.

---o0o---

4. Cơ sở tam thừa Phật pháp

Từ học Phật đến thành Phật chủ yếu gồm ba thừa: Nhân Thiên thừa, Thanh Văn thừa, Bồ Tát thừa, cũng gọi là ngũ thừa gồm: Nhân thừa, Thiên thừa, Thanh Văn thừa, Duyên Giác thừa, Bồ Tát thừa. Thừa có nghĩa là chuyên tải khiến cho hành nhân đạt đến quả địa, chúng ta học Phật thông qua việc tu tập các pháp môn tương ứng từ bờ sanh tử đến bờ Niết Bàn cuối cùng thành tựu Phật quả. Muốn được tiếp tục làm người hay sanh thiên thì phụng hành pháp môn Nhân Thiên thừa. Muốn giải thoát phiền não thành tựu A La Hán quả phải phụng hành pháp môn giải thoát đạo. Muốn thành tựu vô thượng Bồ Đề, phổ độ chúng sinh, phải phụng hành pháp môn Bồ Tát thừa. Học Phật cũng vậy đều phải bắt đầu từ ngũ giới thập thiện chỉ có hoàn bị đức hạnh nhân thiên mới đủ tư cách để bước lên một tầng thang mới. Đây cũng là điều cơ bản nhất của việc tu học Phật Pháp. Điều đáng tiếc là nhiều người học Phật đã không chú trọng đến việc này. Đọc thấy kinh điển Đại thừa phê phán hành giả Thanh Văn, không hiểu rõ là Đức Phật đối tánh nói pháp mà xem thường Thanh Văn thừa, khởi tâm khinh mạn, nói đến nhân thiên thừa càng sinh tâm khinh miệt, kết quả sẽ ra sao? Không có cơ sở nền tảng của Nhân Thiên thừa, Thanh Văn thừa các pháp môn thậm thâm đại thừa cũng sẽ là lầu các trong hư không, chỉ có thể nhìn mà không thể đến được.

Có nhiều người học Phật tự cho mình ở trình độ cao chỉ đọc các kinh Đại thừa Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Lăng Nghiêm. Nhưng trong đời sống hàng ngày lại không ứng dụng chút nào. Khi khởi phiền não thì vẫn cứ là phiền não. Khi đau khổ cũng vẫn đau khổ. Những kinh điển đọc qua cũng chỉ là đánh trận trên giấy chẳng có được chút ít tác dụng gì. Nguyên do vì sao? Cũng đều do chúng ta bỏ qua những điều căn bản nhất trong việc học Phật. Chưa trải qua quá trình tu tập trọn vẹn Nhân Thiên thừa, Thanh Văn thừa, chúng ta sẽ không hiểu được cách thức đem những điều giáo lý áp dụng triệt để vào trong tâm hạnh, không biết làm sao để từng bước phát triển tâm ly dục, phát khởi Bồ Đề tâm nếu không có những tâm hạnh cơ sở ấy thì dù có học pháp môn to lớn hơn nữa cũng không có tác dụng gì.

Bất luận tu tập pháp môn gì điều đầu tiên là nơi sự phát tâm. Do phát tâm mà quyết định địa vị trong tam thừa Phật pháp của các pháp môn tu tập. Từ ý nghĩa này mà thấy rằng tuy ngũ giới thập thiện là nội dung tu tập của Nhân thiên thừa nhưng nếu chúng ta dùng tâm xuất ly, dùng kiến địa của Thanh Văn thừa để tu tập thì ngũ giới, thập thiện vẫn có thể thành tựu nên tư lương của đạo giải thoát. Nếu chúng ta lấy tâm Bồ Đề và kiến địa Bồ Tát để tu tập thì ngũ giới, thập thiện cũng có thể thành tựu tư lương của Bồ Tát đạo, trở thành tư lương của vô thượng Phật quả.

Trong thực tế nhiều người học pháp đại thừa nhưng lại phát tâm tiểu thừa tìm cầu an lạc cá nhân, chưa từng phát tâm xuất ly, đây là hiện tượng rất phổ biến hiện nay của con người học Phật cũng là điều làm cho nhiều người trong tu tập không có sự tương ứng, là chướng ngại chủ yếu làm cho sự tu tập không có tiến bộ muốn xoay chuyển vấn đề này cần phải bắt tay vào việc phụng hành ngũ giới thập thiện, trên cơ sở này mà phát tâm xuất ly, tâm Bồ Đề. Nên có thể thấy rằng ngũ giới, thập thiện tuy rất phổ thông nhưng là nền tảng căn bản không thể xem nhẹ trong quá trình tu học Phật Pháp.

---o0o---

5. Tư lương của vãng sinh Tịnh Độ

Từ đời Đường, đời Tống cho đến nay pháp môn Di Đà Tịnh Độ phát triển trong Phật Giáo Hán truyền, đặc biệt trong những năm gần đây pháp môn này càng thịnh hành hơn trong các nước theo Phật Giáo Hán truyền Bắc tông. Đối với việc tu tập pháp môn Tịnh Độ có những điểm cần đề cập sau.

Một là: Nhiều người tu Tịnh Độ lập luận rằng chỉ cần niệm một câu A Di Đà Phật là đủ không chú trọng đến việc Văn Tư kinh điển Đại thừa, thậm chí cho rằng văn tư kinh điển đối lập với niệm Phật, sẽ ảnh hưởng đến một pháp chuyên nhất. Đối với những Phật tử tuổi cao không có năng lực và

không đủ thời gian học hỏi giáo lý nếu có thể tín tâm cụ túc, tinh tấn niệm Phật là điều rất đáng tán thán. Nhưng nếu đem nhận định này truyền đạt cho tất cả những người học Phật thì không thích hợp. Nếu tất cả đệ tử Phật đều đem “Tam tạng 12 bộ kinh” dành cho người khác ngộ thì việc hoằng dương Phật pháp sẽ gặp ảnh hưởng lớn thậm chí là sẽ thụt lùi.

Thật ra pháp môn Tịnh Độ cũng rất chú trọng kinh giáo. Kinh Quán Vô Lượng Thọ trong Tịnh Độ Ngũ Kinh Đức Phật đã dạy “Người muốn sinh vào nước này phải tu tam phước. Một là hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, từ tâm bất sát, tu tập thiện nghiệp. Hai là thọ trì tam quy, cụ túc chúng giới, không phạm uy nghi. Ba là phát Bồ Đề Tâm, thâm tín nhân quả, đọc tụng Đại thừa, khuyến tấn hành giả. Ba việc như vậy, gọi là tịnh nghiệp.

Ở điểm thứ ba “đọc tụng Đại thừa” là tịnh nghiệp phải tu.

Hai là: Một số người niệm Phật cầu sự vãng sinh cho cá nhân không quan tâm đến xã hội, không yêu thương chúng sinh nếu phát tâm tu hành như vậy thì dù có vãng sinh cũng chỉ ở hạ phẩm. Như trước đã đề cập trong ba tịnh nghiệp phát Bồ Đề tâm cũng là một tịnh nghiệp. chính vì như vậy nên “Phổ Hiền Hạnh Nguyên Phẩm” là kinh lấy phát Bồ Đề tâm làm hạt nhân cũng được liệt trong “Tịnh Độ ngũ kinh” “Hạnh Nguyên Phẩm” là kinh ai cũng biết, cũng là kinh quan trọng dạy người học Phật làm sao tu tập phát Bồ Đề tâm. Người tu pháp môn Tịnh Độ nếu có thể nhất tâm cầu sinh Tịnh Độ đem tâm lượng mở rộng như ngài Phổ Hiền Bồ Tát đến tận hư không biến pháp giới chúng sinh không phải chỉ vì an lạc của cá nhân mà niệm Phật càng phải vì phổ độ chúng sinh mà niệm Phật, còn vì sau khi thành tựu hồi nhập Ta Bà cứu độ chúng sinh mà niệm Phật. Nên việc phát tâm đó sẽ tạo nên sức mạnh rất lớn, đến khi lâm chung sẽ đưa chúng ta đến thẳng Phật quốc. Như trong “Hạnh Nguyên Phẩm” đã nói: “Duy thứ nguyện vương, bất tương xả ly, ư nhất thiết thời, dẫn đạo kỳ tiền, nhất sát na trung, tức đắc vãng sanh Cực Lạc Thế Giới”. Không những như vậy mà càng có thể “mông Phật thọ ký, đắc thọ ký dĩ, kinh ư vô số bá thiên vạn ức nha do tha kiếp, phổ ư thập phương bất khả thuyết thế giới, dĩ trí tuệ lực, kỳ chúng sanh tâm nhi vi lợi ích”. Phát tâm lớn bao nhiêu thành tựu trong tương lai sẽ lớn bấy nhiêu.

Ba là: Một số chỉ chú trọng đến thời khóa niệm Phật cho rằng niệm tụng, lễ lạy mới là công phu mà xem nhẹ việc tu hành trong đời sống hàng ngày, xem nhẹ việc điều chỉnh tâm hạnh bên trong cũng như cử chỉ, hành vi, ngôn ngữ.

Chúng ta đã biết pháp môn Tịnh Độ chú trọng tác dụng của tín cao hơn các tông phái khác, nhưng không phải coi tín là duy nhất. Còn cần phải cùng thành tựu cả nguyện và hạnh. Bởi vì tu hành là sự cải tạo chính thể của

cả sinh mệnh mà không phải là chỉ trong thời khóa mấy tiếng đồng hồ. Trong kinh A Di Đà, Đức Phật đã nói rõ với chúng ta “không thể dùng chút ít thiện căn phước đức nhân duyên mà được sanh về nước đó” chính là nói chỉ có đầy đủ phước đức và thiện căn tương ứng mới có đủ tư cách sanh về Tây Phương, được cùng các bậc thiện nhơn hội tụ một chỗ. Bằng nếu không đầy đủ tố chất sanh mạng tốt đẹp thì cũng khó mà niệm tốt được một câu “A Di Đà Phật”.

---o0o---

II - Giải thích tên Kinh

Phật thuyết 佛說 nói rõ bộ kinh do chính Đức Phật giảng thuyết.

業 [Nghệp] là hành vi

道 [Đạo] là nguyên lý

Kinh Phật không phải đều do chính Kim khẩu của Đức Thế Tôn tuyên thuyết. Trong Đại Trí Độ Luận nói “Kinh thông ngũ nhơn” là ngoài Đức Phật còn có Đệ tử Phật, Tiên nhơn, chư thiên, hóa thân (Phật, Bồ Tát hoặc La hán ẩn kỳ bản tướng, thị hiện chủng chủng hình tướng nhị vị thuyết pháp).

十善業道 thập thiện nghiệp đạo là tư tưởng chủ đề của bộ kinh

Tức bộ kinh nói đến thập chủng thiện hạnh và các nguyên lý tương quan. Trong đó hành vi của thân thể có: Không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm. Hành vi ngôn ngữ có: Không nói dối, không nói hai chiều, không nói lời thô ác, không nói thêu dệt. Hành vi tư tưởng có: Không tham dục, không sân hận, không tà kiến.

Kinh Phạm ngữ “Tu Đa La”. Hán dịch “Khế kinh”

Khế có hai ý nghĩa khế lý và khế cơ. Khế lý là khế hợp chư pháp thực tướng, khế hợp chân lý vũ trụ nhân sanh. Khế cơ là khế hợp căn cơ bất đồng của chúng sanh.

Nếu Pháp không đối cơ thì có là giáo pháp viên mãn thế nào cũng khó đạt được hiệu quả giáo hóa phải có. Cho nên Đức Phật trong quá trình 49 năm hoằng pháp đã đối với căn cơ bất đồng của chúng sanh ứng cơ thiết giáo diễn thuyết chủng chủng giáo pháp.

---o0o---

III - Giảng Dịch giả

Dịch giả của Kinh Phật Thuyết Thập Thiện nghiệp Đạo là Vu Điền Tam Tạng pháp sư Thật Xoa Nan Đà.

Vu Điền: địa danh, hiện nay thuộc khu tự trị Tân Cương.

Tam Tạng pháp sư là Cao Tăng tinh thông Kinh, Luật, Luận.

Thật Xoa Nan Đà là dịch âm từ Phạn ngữ, nghĩa là Học Hỷ.

Ngài Huyền Trang chế định ngũ bất phiên là:

- Tôn trọng bất phiên
- Thuận cổ bất phiên
- Đa nghĩa bất phiên
- Bí mật bất phiên
- Thứ phương sở vô bất phiên

Pháp sư Thật Xoa Nan Đà nhận lời mời của Sứ giả nhà Đường đem theo Kinh Hoa Nghiêm đến Trung Hoa vào năm Chánh Thánh Nguyên niên (năm 695). Tại Lạc Dương, Nội Diên Đại Biển Không Tự dịch lại kinh Hoa Nghiêm gồm 80 cuốn. Sau đó tại Cung Tam Dương Lạc Dương dịch lại Đại Thừa Nhập Lăng Nghiêm kinh gồm 7 quyển., và các kinh luận như “Nhập Như Lai Trí Đức Bất Tư Nghị Kinh”, “Như Lai Bất Tư Nghị Cảnh giới Kinh”. “Phổ Hiền Bồ Tát Sở Thuyết Kinh”, “Văn Thù Sư Lợi Thọ Ký Kinh”, “Hữu Nhiêu Phật Thập Công Đức Kinh”. Theo ghi chép của “Khai Nguyên lục” Ngài đã dịch 19 bộ Kinh gồm 107 quyển, một đóng góp to lớn cho việc hoằng dương Phật Pháp ở Trung Quốc.

---o0o---

CHƯƠNG II: CÁCH THỨC NHÌN NHẬN BỐ CỤC MỘT BỘ KINH PHẬT GIÁO

[Nhu Thị ngã văn Nhất Thời Phật tại Ta Kiệt La Long Cung, dữ bát thiên Đại Tỳ Kheo chúng, tam vạn nhị thiên Bồ Tát Ma Ha Tát câu]

Nhu thị ngã văn mở đầu của bộ kinh là một trong lục chủng chúng tín.

Ngã: A Nan tôn giả

Văn: là đích thân, chính tai được nghe.

Nghĩa là Bộ kinh “Thập Thiện Nghiệp Đạo” cho chính A Nan (tôi) được nghe từ nơi Phật tuyên thuyết.

Nhu thị: tín thành tựu

Ngã văn: văn thành tựu

Nhất thời: thời thành tựu

Phật: chủ thành tựu

Long Cung Ta Kiệt La: xứ thành tựu Bát thiên... chúng thành tựu.

Một hàm ý khác của như thị là biểu tín. Tín tức là tín ngưỡng, là đệ tử Phật tiếp nhận học tập một bộ kinh điển đều phải lấy tín làm cơ sở. Có tín ngưỡng mới nhận được lợi ích của Phật Pháp, “Tín vi đạo nguyên công đức mẫu, trưởng dưỡng nhất thiết chư thiện căn”. Quá trình tu tập trải qua 4 tầng thứ là “Tín, Giải, Hành, Chứng”. Trên cơ sở của tín học tập thì có thể gia tăng lý giải. Từ nơi lý giải được thâm sâu mà tín ngưỡng càng thăng hoa. “Hữu tín vô trí trưởng ngu si” nhưng “Hữu trí vô tín tăng ngã mạn” hai câu này nói rõ quan hệ giữa tín và giải. Nếu chỉ dừng ở tín ngưỡng mà không chú trọng đến văn tự, thiếu mắt chánh kiến sẽ dễ rớt vào mê tín. “Hữu trí vô tín” trí này không phải là trí tuệ Bát nhã, mà là thế trí biện thông thường đem kinh điển xem thành nghiên cứu học thuật nên sẽ sanh ra vấn đề: tuy rằng trước thuật ngày càng nhiều, danh tiếng ngày càng lớn nhưng không biết chú trọng điều chỉnh tâm hạnh nên chìm đắm danh vọng, tăng trưởng ngã mạn. Có được cơ sở của tín, giải còn phải tiếp tục ứng dụng tu hành để thể nghiệm sâu hơn về Phật Pháp để chỉ đạo cho việc tu tập, việc tu hành không ngừng thâm sâu thì mới có được sự thể chứng, có được thành tựu. Bộ Kinh là sự ghi chép về một kỳ Pháp hội.

---o0o---

CHƯƠNG III: AI LÀ NGƯỜI SÁNG THẾ?

[Nhĩ thời Thế Tôn cáo Long Vương ngôn: Nhất thiết chúng sanh tâm tưởng dị cố, tạo nghiệp diệc dị, do thị cố hữu chư thú luân chuyển. Long Vương nhữ kiến thử hội cập đại hải trung, hình sắc chủng loại các biệt phủ da? Như thị nhất thiết, mị bất do tâm, tạo thiện bất thiện, thân nghiệp, ngữ nghiệp, ý nghiệp sở trí].

Đoạn kinh này giải đáp cho chúng ta vấn đề ai là đáng sáng thế?

Từ xưa đến nay tất cả tôn giáo, triết học đều rất quan tâm đến vấn đề khởi nguyên của thế giới đều đi tìm thế giới bắt đầu từ đâu? Ai là người tạo ra? Truy tìm ai là người quyết định mọi họa phúc, kiết hung ở thế gian vì không tìm được đáp án cứu cánh cuối cùng đều qui kết cho thần. Cho rằng thần quyết định hết tất cả mọi việc. Khởi đầu hình hành đa thần luận cho rằng thế gian do nhiều vị thần quản lý sắp đặt, mỗi người giữ một trọng trách như thần gió, thần mưa, thần mặt trời,... Sau đó phát triển thành nhị thần

luận đem thần linh chia thành hai nhóm là thiện thần và ác thần. Thiện thần quyết định mọi việc thiện ở thế gian, ác thần quyết định ác nghiệp của thế gian. Tiếp nữa nhị thần luận phát triển thành nhất thần luận đây cũng là tôn giáo có nhiều người theo nhất hiện nay. Nhất thần luận cho rằng trong vũ trụ tồn tại một vị thần tối cao, chi phối tất cả, do vị thần này sáng tạo thế giới và quyết định hết thảy. Con người và vạn vật là do thượng đế trong 7 ngày sáng tạo ra. Đạo Hồi cho rằng thánh Ala sáng tạo ra mọi vật trong trời đất và nhân gian. Bà La Môn giáo (Ấn Độ giáo) lấy Đại Phạm Thiên (Brahma) làm thần sáng tạo ra trời đất đồng thời dùng các bộ phận trong cơ thể để tạo ra các đẳng cấp chủng tộc.

Ngược lại với quan điểm của hữu thần luận là vô thần luận, cho rằng thế giới không phải do thần tạo ra, mọi thứ đều là ngẫu nhiên.

Ngoài ra còn có hai quan điểm triết học khác là duy vật và duy tâm. Thuyết duy vật cho rằng thế giới tồn tại những nguyên tố vật chất cơ bản không thay đổi làm cơ sở phát sanh ra vạn vật, chủ trương từ vật chất sanh ra ý thức. Còn thuyết duy tâm cho rằng thế giới có nguyên tố tinh thần cơ bản bất biến và vạn vật khởi nguồn từ nguyên tố tinh thần ấy, cho rằng do tinh thần sanh ra vật chất.

Phật giáo không phải hữu thần luận cũng không phải vô thần luận. Phật giáo cũng không tán đồng với chủ trương của thuyết duy vật và thuyết duy tâm.

Phật Pháp nhìn thế giới như thế nào? Đoạn kinh văn trên chính là đáp án của Phật Pháp về ai là đấng sáng thế.

“Nhĩ thời thế tôn cáo Long Vương ngôn”. Lúc này, Đức Thế Tôn nói với Long Vương. Từ đây bắt đầu đi vào nội dung của kinh văn. Đoạn trước đã nói tham dự pháp hội này có bát thiên Đại Tỳ Kheo chúng, tam vạn nhị thiên đại Bồ tát chúng. Vì sao đức Phật chỉ nói với Long Vương? Bởi vì mỗi một bộ Kinh đều có một đương cơ giả. Có những bộ kinh đương cơ giả là ngài Xá Lợi Phất, cũng có kinh là Bồ tát Quán Thế Âm. Bộ kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo lấy Long Vương làm đương cơ giả. Đức Phật tuy nói với Long Vương nhưng đồng thời cũng là nói với tất cả đệ tử Thanh Văn, Bồ Tát trong pháp hội, cũng có ý nghĩa là nói với tất cả người tu học bộ kinh này ở đời sau trong đó có chúng ta.

[Nhất thiết chúng sanh]. Chúng sanh có hai dạng là do ngũ uẩn hòa hợp và do trải qua sanh tử tạo nên. Phật Pháp chia thế giới thành hai loại là hữu tình thế giới và vô tình thế giới. Hữu tình thế giới gồm con người và tất cả động vật, vô tình thế giới là sơn hà đại địa. Trong thập pháp giới trừ Phật, chín giới hữu tình đều là chúng sanh.

[Tâm tưởng dị cố, tạo nghiệp diệc dị]: “Tâm tưởng” tức là tư tưởng của ý thức tâm vương. Chúng sanh nhân vì quan niệm tư tưởng và phương thức tư duy không giống nhau mà tạo nghiệp thiên sai vạn biệt rồi không ngừng luân chuyển trong sáu đường lục đạo. Nhìn từ quan điểm của Phật pháp, sự khác biệt của vạn sự vạn vật ở thế gian không do thần quyết định, cũng không do vật chất hay tinh thần phát sinh, càng không phải ngẫu nhiên xuất hiện, tất cả đều do nơi tâm niệm sai biệt của chúng sanh. Bài kệ Kinh Hoa nghiêm đã chỉ rõ nguyên lý này “Nhược nhơn dục liễu tri, tam thế nhất thiết Phật, ưng quán pháp giới tánh, nhất thiết duy tâm tạo”. Bất luận là Phật Bồ Tát, La Hán thánh giả, chư thiên, loài người, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh tìm sâu căn nguyên đều quyết định bởi tâm niệm và nghiệp lực khác biệt của chúng hữu hình. Đây cũng như trong kinh A Hàm đã nói “Tâm chủng chủng cố, sắc chủng chủng”. Vì tâm có nhiều loại sai biệt nên hiển hiện ra thế giới mới có thay đổi sai khác không đồng.

Nhìn từ xã hội loài người, sự khác biệt to lớn giữa văn hóa đông tây căn nguyên cũng từ nơi sự khác biệt về phương thức tư duy, mà phương thức tư duy cũng được quyết định bởi tư tưởng và quan niệm của nội tâm, người có tín ngưỡng, người không tín ngưỡng dù có chịu ảnh hưởng của hoàn cảnh môi trường nhưng nguồn gốc vẫn từ nơi tâm của chúng ta. Bởi vì “tâm tưởng dị cố” nên tín ngưỡng sai khác, con đường sống khác, phương thức sống khác, đam mê khác, khuynh hướng giá trị cũng khác. Tất cả sai biệt này đều nơi “tâm tưởng dị cố”. Nói chung thế giới hết thảy sai biệt đều bắt nguồn từ tâm niệm sai biệt của con người.

Từ nơi tâm niệm sai biệt đến thế giới sai biệt còn cần có sự tác động của nghiệp. Nghiệp là hành vi của thân - khẩu - ý, vì quan niệm và suy tư không đồng nên dẫn đến hành vi cũng sai khác. Trong Phật giáo chia hành vi của chúng sanh thành 3 loại là hành vi thiện, hành vi ác và hành vi vô ký. Một hành vi sau khi thực hiện sự ảnh hưởng của nó không phải sẽ mất đi khi việc làm kết thúc mà trong thực tế mỗi một loại hành vi sẽ tạo thành một kinh nghiệm sống tương ứng được cất giữ trong A Lại Da Thức gọi là chủng tử và sẽ tiếp tục dẫn phát nên hành vi mới. Do vậy, “chủng tử sanh hiện hành, hiện hành huân chủng tử” (種子生現行, 現行熏種子). Sanh mạng là như vậy do nghiệp lực tích lũy từ vô thủy kiếp thúc đẩy mà sanh sanh lưu chuyển không ngừng. Nghiệp lực có tác dụng quan trọng trong dòng sống bất tận của chúng ta, nghiệp lực cũng là sức mạnh thúc đẩy và duy trì dòng sanh mạng. Theo thuộc tính của hành vi, Phật giáo chia nghiệp lực thành Thiện nghiệp và Ác nghiệp. Căn cứ vào việc thọ báo hay không thọ báo mà phân thành Định nghiệp và Bất định nghiệp. Căn cứ vào sự khác biệt của thọ báo mà chia ra Dẫn nghiệp và Mãn nghiệp.

a. Định nghiệp và bất định nghiệp

Định nghiệp được y cứ vào thời gian và mức độ nặng nhẹ của thọ báo, ngược lại là bất định nghiệp. Làm thế nào để phân định nghiệp lực thuộc về định nghiệp hay bất định nghiệp? Chủ yếu dựa vào hai điều. Một là động cơ hành vi thuộc cố ý hay vô ý, nếu cố ý tạo tác thì là định nghiệp còn vô ý gây ra thuộc về bất định nghiệp. Nếu tạo ra bất định nghiệp thì trong tương lai có thể thọ báo mà cũng có thể là không, có thể là thọ báo nặng mà cũng có thể là thọ báo nhẹ.

Thứ hai là y cứ vào sự đối trị. Nếu sau khi tạo nghiệp mà biết ăn năn sám hối thì dù tạo định nghiệp nhưng vẫn có thể được thay đổi, trở thành bất định nghiệp. Cũng như khi gây tội nếu biết thành khẩn xin lỗi hoặc thành tâm nhận sai, bồi thường thì có thể đối phương sẽ không còn oán hận mà đạt được hòa giải, bãi nại... Phật giáo đề xướng pháp môn sám hối để tiêu trừ nghiệp chướng và nghịch duyên.

b. Cộng nghiệp và biệt nghiệp

Cộng nghiệp là chỉ cho những nghiệp nhận được hình thành từ những hành vi tương đồng sẽ chiêu cảm nên những quả báo giống nhau. Ví như cùng sống chung trong một thành phố chịu sự ô nhiễm không khí, kẹt xe, khí hậu khắc nghiệt... giống nhau.

Biệt nghiệp là chỉ cho nghiệp nhân cá biệt không giống nhau như sức khỏe của mọi người khác nhau, diện mạo khác nhau, điều kiện vật chất cuộc sống khác nhau đều do biệt nghiệp chiêu cảm nên.

c. Dẫn nghiệp và mãn nghiệp

Dẫn nghiệp là tổng thể quả báo của nghiệp lực chiêu cảm nên. Sanh mạng của hữu tình trong quá trình tiếp diễn sanh về cõi trời, tiếp tục làm người hoặc đọa lạc địa ngục, sanh vào súc sanh đều do dẫn nghiệp quyết định cũng như hỏa tiễn đẩy vệ tinh vậy.

Mãn nghiệp là quả báo sai biệt của nghiệp lực chiêu cảm nên. Như cùng làm người tuổi thọ không đồng, giàu nghèo có khác... Cũng là chó mèo những có con lưu linh xó chợ đầu đường không có ai nuôi, bới rác tìm cơm, còn sợ bị người bắt thịt, ngược lại có con thì được chủ cưng chủ bế, đủ loại thức ăn, chăm sóc tắm rửa... Tất cả sai biệt đều do mãn nghiệp bất đồng tạo nên.

Do chúng sanh tâm niệm sai biệt dẫn đến hành vi sai biệt tạo nên thế giới sai biệt.

---o0o---

CHƯƠNG IV: NHÌN RÕ HIỆN TƯỢNG TÂM VẬT

[Nhi tâm vô sắc bất khả kiến thủ, đản thị hư vọng chư pháp tập khởi, tất cánh vô chủ, vô ngã ngã sở. Tuy các tùy nghiệp sở hiện bất đồng, nhi thật u trung vô hữu tác giả. Cố nhất thiết pháp giai bất tư nghi, tự tánh như huyễn]

Hiện tượng sai biệt ở thế gian bao gồm hai phương diện tinh thần và vật chất. Còn đối với hiện tượng tâm và vật, phải nhìn nhận ra sao? Nhiều nỗi thống khổ của con người đều do không thể nhận thức chính xác về thế giới, do nhận thức sai lầm mà dẫn đến hành vi sai lạc đưa đến chấp trước, phiền não. Chúng ta muốn thoát khỏi thống khổ trong đời, đầu tiên phải lấy chánh kiến của Phật Pháp để nhìn thấu thế gian xây dựng nên nhân sanh quan chính xác.

[Nhi tâm vô sắc bất khả kiến thủ]. Như trước đã nói thế giới là do nơi tâm niệm của chúng ta mà ra. Vậy tâm là gì? Trong Kinh nói “Tâm vô sắc”. Trong Phật Giáo gọi hiện tượng vật chất là sắc. Bởi vì con người nhận biết hiện tượng vật chất chủ yếu thông qua hình sắc (hình trạng) và hiển sắc (nhan sắc). Nếu không có hình trạng và nhan sắc thì không thể nhận biết được hiện tượng vật chất.

Tâm thì vô sắc vừa không có nhan sắc, vừa không có thể tích, không có một thực tại cố thể, không có hình trạng nhìn không thấy mà sờ cũng không được nên gọi “bất khả kiến thủ”.

[Đản thị hư vọng chư pháp tập khởi]. Đây là cách nhìn riêng biệt của Phật Pháp đối với tâm. Các tôn giáo khác và triết học khi nói đến tâm thường liên kết với linh hồn và cho đó là chủ thể của tâm gọi là “linh hồn” hay gọi là “thần ngã”, cho rằng vạn vật trong sự biến đổi vẫn có cái bất biến là linh hồn, là thần ngã chi phối. Với quan điểm của Phật Pháp, tâm “thị hư vọng chư pháp tập khởi”, không phải là cố định bất biến, lấy cái nhìn thấu triệt của trí tuệ Phật Pháp thế giới phàm phu là do vọng tưởng cấu thành, mê hoặc hiển hiện.

Phật Pháp nói đến vọng tưởng là những cái nghĩ cái nhìn không nhận thức được chân thật, không thông đạt với chân lý đều là vọng tưởng.

Nếu quan niệm chính xác thì có thể “khí ác dương thiện” làm cho sanh mệnh được chuyển y, nhân cách được nâng cao. Nếu quan niệm sai lạc, có thể sẽ bỏ thiện dương ác làm cho tố chất sinh mệnh không ngừng đọa lạc. Tu học Phật Pháp có thể giúp chúng ta xây dựng quan niệm chân chính, vứt bỏ

nhận thức sai lầm, nhờ đó cải tiến hành vi của tự thân, khiến đời sống được tịnh hóa, nên gọi sinh mệnh là “chư pháp tập khởi”.

[Tất cánh vô chủ, vô ngã ngã sở]. “Ngã” là thuật ngữ mang các nội hàm: thường, nhất, bất biến, chủ thể.

Thường là vĩnh hằng; Nhất là độc lập; Bất biến là cố định không thay đổi; Chủ thể là có thể chi phối tất cả. Tất cả ý nghĩa này nằm trong “ngã”. Thực ra không có cái gì rời khỏi điều kiện và kinh nghiệm mà tồn tại được. Sinh mệnh không phải là cố định bất biến và không có tự tính nên mới có thể “Phóng hạ đồ đao, lập địa thành Phật”.

Bởi vì tâm thái vô thường biến hóa nên thấy rõ là nó là vô chủ, vô ngã cũng vô ngã sở. Vô ngã là đặc điểm khác biệt lớn của Phật giáo với các tôn giáo khác.

Ngoại đạo nhận định về ngã gồm hai tầng thứ nội hàm chính: Một là Thượng đế, thiên thần là “đại Ngã” cũng gọi là “thần Ngã” chi phối tất cả vũ trụ. Hai là linh hồn gọi là “tiểu ngã” chi phối cuộc sống con người. Phật Pháp lấy trí tuệ duyên khởi quán sát vũ trụ thấy rằng không tồn tại vị thần linh chi phối vũ trụ, cũng không tồn tại linh hồn chi phối sinh mệnh tức “tất cánh vô chủ, vô ngã ngã sở”.

[Tuy các tùy nghiệp sở hiện bất đồng, nhi thật ư trung vô hữu tác giả]. Nhìn đến thế giới vật chất, Đức Phật dạy, hết thảy hiện tượng vũ trụ nhân sanh tuy tùy vào cảnh giới tư tưởng và nghiệp lực bất đồng của mỗi chúng sanh mà hiển hiện nhưng trong thực tế vạn pháp ở thế gian không có người sáng tạo, không có một người không dựa vào điều kiện mà chi phối được.

[Cố nhất thiết pháp giai bất tư nghi, tự tánh như huyễn]. Tự tánh là một thể thực tại chân tướng thật của vạn pháp ở thế gian, không như chúng ta nghĩ là một thực thể độc lập tồn tại bất biến. Như con người mới đầu không biết mộng cảnh là giả nên khi nằm mộng sẽ thấy kinh sợ lấy sự cầu đảo để hóa giải. Đứa trẻ không biết người trong kính là giả nên khi nhìn thấy những gì trong kính thường bắt, thường cười, cho đó là thật. Con người hiện tại biết mộng cảnh hư giả vẫn xem vạn pháp thế gian là thực hữu, xem địa vị, tài sản là thực có. Vì xem là thực có nên muốn có được, nên để tâm đến danh lợi được mất, để tâm mong sức khỏe sống lâu, hy vọng sự nghiệp vĩnh hằng, gia đình vĩnh hằng. Tam khổ trong Phật giáo có đề cập đến “hành khổ” tức là sự vô thường biến hóa đem đến điều thống khổ. Vô thường vốn là quy luật của vũ trụ, nhân sanh không phải là nhân khổ. Với các bậc thánh giải thoát hành khổ không đem đến khổ đau.

Chúng sanh vì không nhận thức chính xác thế giới nhìn vạn vật đều vĩnh hằng khi vô thường đến thống khổ như bóng với hình. Tâm kinh nói “ngũ uẩn giai không” là để bạt trừ chúng sanh chấp trước thật hữu. Là người học Phật phải nhìn thấy thiếu sót trong nhận thức hiện hữu, không lấy cảm quan mà nhận thức thế giới, cũng không quá tin vọng tưởng của mình, nhìn ra cho được tự tánh như huyền của các pháp.

---o0o---

CHƯƠNG V: SỰ KHÁC BIỆT CỦA VẠN VẬT HỮU TÌNH

[Trí giả tri dĩ, ung tu thiện nghiệp, dĩ thị sở sanh uẩn, xứ, giới đẳng, giai tất đoan chánh, kiến giả vô yểm.

Long Vương! Nhữ quán Phật thân, từng bá thiên ức phước đức sở sanh, chư tướng trang nghiêm, quan minh hiển diện, tế chư đại chúng, thiết vô lượng ức tự tại Phạm Vương tất bất phục hiện, kỳ hữu chiêm ngưỡng Như Lai thân giả, mạc bất mục huyền.

Nhữ hựu quán thử chư Đại Bồ Tát diệu sắc nghiêm tịnh, nhất thiết giai do tu tập thiện nghiệp phước đức nhi sanh.

Hữu chư thiên long bát bộ chúng đẳng, đại oai thế giả, diệc nhân thiện nghiệp phước đức sở sanh.

Kim đại hải chung, sở hữu chúng sanh, hình sắc thô bỉ, hoặc đại hoặc tiểu, giai do tự tâm chủng chủng tướng niệm tác thân ngữ ý chư bất thiện nghiệp, thị cố tùy nghiệp, các tự thọ báo.

Như kim đương ung như thị tu học, diệc linh chúng sanh liễu đạt nhân quả, tu tập thiện nghiệp. Nhữ đương ư thử chánh kiến bất động, vật phục đọa tai, đoạn trường kiến trung! Ư chư phước điền hoan hỷ kính dưỡng, thị cố nhữ đẳng diệc đắc nhân thiên tôn kính cúng dường]

Đoạn kinh văn đề cập đến sự sai biệt của mạng vạn hữu tình và nghiệp lực.

[Trí giả tri dĩ, ung tu thiện nghiệp] Trí giả: tức là người có trí tuệ. Trí tuệ này là năng lực quan sát chân tướng của chư pháp, chỉ cho chúng ta nhìn thấu rõ chân tướng của vũ trụ nhân sanh. Nếu không thì chỉ là tri thức phân biệt của thế gian và như vậy không gọi là Trí giả. Cho nên học tập Phật Pháp không nhằm mục đích tăng trưởng trí thức mà nhằm hiểu giải chân tướng sanh mạng, hiểu tri nhân quả nguyên lý. Hiểu rõ như vậy tất sẽ chiêu cảm nên quả như vậy chỉ có tu thập thiện nghiệp mới có thể nâng cao đời sống sanh mệnh.

[Dĩ thị sở sanh uẩn xứ giới đẳng, giai tất đoan chánh, Kiến giả vô yểm] Hiện thể đã trông thiện nghiệp trong tương lai mới chiêu cảm nên thân tâm và

hoàn cảnh ngoại tại thanh tịnh trang nghiêm khiến cho mọi người thấy hình, nghe tiếng đều sanh tâm hoan hỷ, không sanh chán ghét.

Uẩn, Xứ, Giới là các phạm trù quy nạp và giải thích của Phật giáo với thế giới. Hiện tượng của thế gian tuy có sai biệt nhưng từ góc độ khảo sát của Phật giáo đều không ngoài ngũ uẩn, thập nhị xứ, thập bát giới hoặc ngũ uẩn, lục xứ, lục giới. Ngũ uẩn là sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Sắc: hiện tượng vật chất, thọ, tưởng, hành, thức: hiện tượng tinh thần phân tích rõ ràng các loại tâm lý. Vạn pháp thế gian cũng không ngoài hiện tượng vật chất và hiện tượng tinh thần.

Thập nhị xứ tức lục căn và lục trần. Lục căn chỉ cho sinh lý mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Là sáu con đường dẫn để chúng hữu tình nhận thức thế giới. Chúng ta nhận biết thế giới bên ngoài chủ yếu thông qua các phương diện là mắt nhìn, tai nghe, mũi ngửi, lưỡi nếm, thân xúc chạm, ý tư duy, chúng ta nhận thức thế giới và trình độ nhận thức thế nào đều từ nơi lục căn. Nếu mắt mù thì mất đi sự nhận thức về thế giới màu sắc, tai điếc thì mất đi sự nhận thức về thế giới âm thanh, lục căn cũng như sáu chiếc máy nhận thức thế giới của chúng ta, nếu máy chính xác thì sự nhận thức sẽ sâu sắc rõ ràng, nếu máy móc thô sơ thì sự nhận thức sẽ mơ hồ nông cạn. Tu hành chính là việc tiến hành gia công đối với sáu chiếc máy đó để từ đó quan sát chân thật thế giới. Lục trần là thế giới nhận thức của lục căn gồm sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Mắt nhìn sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân tiếp xúc hoàn cảnh, ý tư duy pháp trần. Lục căn, lục trần là năng nhận thức và sở nhận thức thế giới sanh ra lục thức tạo nên tư duy thế giới.

Giới thập bát giới tức lục căn, lục trần, lục thức.

Trong đó lục căn: thế giới sinh lý, lục trần: thế giới vật lý, lục thức: thế giới tâm lý. Thế giới không ngoài ba phương diện là sanh lý, vật lý, tâm lý. Chúng ta có được thế giới như thế nào chủ yếu là từ nơi hành vi và nhận thức. Hành vi ra sao sẽ chiêu cảm nên thế giới như vậy. Năng lực nhận thức thế nào thì sẽ có trình độ nhận thức thế giới thế ấy. vì vậy, Phật giáo cho rằng cải tạo và nâng cao năng lực nhận thức là tiền đề để cải tạo thế giới.

[Long Vương! Nhữ quán Phật thân] Từ đoạn kinh văn này Đức Phật căn cứ vào hiện trạng tại Pháp hội đưa ra những ví dụ để nói rõ nghiệp lực ảnh hưởng đến con người và sinh mạng.

Đầu tiên lấy hình ảnh Phật thân làm ví dụ. Đối với tất cả chúng sanh Đức Phật là trang nghiêm thù thắng nhất, phước đức cao tột độ. Phật có tam thân là Pháp thân, Báo thân, Ứng thân. Pháp thân là thân pháp tánh chân như mà tất cả chư Phật đều chứng đắc, Pháp thân không có tướng trạng. Báo thân là thân pháp lạc nội chứng tự thọ dụng của chư Phật khi chứng đắc phước trí

viên mãn hiện ra có tám vạn bốn nghìn tướng hảo, thanh tịnh trang nghiêm là Chư Phật, vì chư Đại Bồ Tát mà thị hiện thì người thường không thấy được. Ứng thân là thân ứng hóa là Đức Phật vì chúng nhị thừa và phàm phu thị hiện ra thân vàng cao tưng sáu như con người nhưng đầy đủ 32 tướng đại tưng phu, 80 vẻ đẹp tướng hảo viên mãn thanh tịnh trang nghiêm.

[Thiết vô lượng ức, Tự tại Phạm Vương, tất bất phục hiện] Phạm Vương là thiên chủ của cõi trời sắc giới nhị thiên còn gọi là Đại Phạm Thiên, Đại Tự tại thiên. Người Ấn Độ cho rằng Đại Phạm Thiên là vị thần chí cao vô thượng của thế gian, mạng vận của con người cũng do Đại Phạm Thiên quyết định. Tuy Phạm Vương phước báo vô lượng, có thể phóng hào quang to lớn nhưng khi Đức Phật phóng quang thì vô lượng ức Phạm Thiên phóng ra hào quang cũng không sáng bằng, cũng giống như bao nhiêu ánh sáng của đèn cũng mất tác dụng dưới ánh sáng mặt trời.

[Kỳ hữu chiêm ngưỡng Như Lai thân giả, mạc bất mục huyền] Nếu người nào nhìn thấy hào quang ấy đều được chiếu rọi dưới vàng hào quang ấy.

[Như hữu quán thử chư Đại Bồ Tát, diệu sắc trang nghiêm, nhất thiết giai do tu tập thiện nghiệp phước đức như sanh] Đức Phật tiếp tục nói với Long Vương rằng ông xem chư Đại Bồ Tát Văn Thù, Quán Âm, Phổ Hiền phước đức, trí tuệ của các vị tuy không bằng Phật nhưng cũng rất thanh tịnh, trang nghiêm, khiến cho người thấy đều sanh cung kính, các vị không phải sanh ra vốn được như vậy, tướng mạo viên mãn phải do tu tập thiện nghiệp, tích tập phước đức mới thành tựu được như vậy. Thiện nghiệp ở đây phạm vi rất rộng không chỉ có thập thiện nghiệp mà bao gồm tất cả pháp môn tu tập trong ngũ thừa gồm 37 phẩm trợ đạo, lục độ, tứ nhiếp. Chỉ từ nơi tu tập tất cả thiện nghiệp chư Đại Bồ Tát mới thành tựu phước đức trang nghiêm như vậy.

[Hữu chư Thiên Long Bát Bộ chúng đẳng, đại uy thế giả, diệt nhân thiện nghiệp phước đức sở sanh]. Thiên Long Bát Bộ gồm Thiên Nhân, Long Vương, Dạ Xoa, A Tu La, Ca Lâu La, Càn Thát Bà, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già cũng có uy đức thế lực rất lớn, cũng đều do tu tập bố thí, trồng nhiều thiện nhân trong đời quá khứ.

[Kim đại hải trung sở hữu chúng sanh, hình sắc thô bỉ, hoặc đại hoặc tiểu, giai do tự tâm chủng chủng tướng niệm, tác thân ngữ ý chư bất thiện nghiệp] nhìn thấy tướng hảo trang nghiêm của Chư Phật Bồ Tát, uy đức của Thiên Long Bát Bộ rồi nhìn lại trong biển cả “binh tôm tướng cá” hình sắc bất đồng đều cho khởi tâm động niệm của chúng sanh mà ra. Cũng do ba nghiệp thân khẩu ý tạo nghiệp ác nên đọa ác đạo, hình dạng xấu xí, tướng mạo không trang nghiêm.

[Thị cố tùy nghiệp, cát tự thọ báo] thông qua quán sát đối với các loài chúng sanh từ tướng hảo trang nghiêm của chư Phật, Bồ Tát đến hình tướng quái dị của “binh tôm tướng cá” chúng ta có thể nhận ra rằng chúng sanh đều thù theo nghiệp lực mà dẫn đến quả báo như vậy, nhân như vậy quả sẽ như vậy.

[Nhữ kim đương ưng như thị tu học, diệc linh chúng sanh liễu đạt nhân quả, tu tập thiện nghiệp] Đây là lời Đức Phật khuyến dạy đến tất cả mọi chúng sanh. Từ đó về sau từ nơi nhân địa mà bắt đầu cải tạo đời sống. Đồng thời cũng khuyên bảo chúng sanh thân tín nhân quả tu tập thiện nghiệp. Thiện nghiệp ở đây không phải chỉ là thập thiện mà bao hàm tất cả mọi hành vi tự lợi, lợi tha.

[Nhữ đương ư thử, chánh kiến bất động] Đối với sự chân thật bất hư của nhân quả phải xác tín vô nghi không lay động, không rơi vào đoán kiến hay thường kiến.

[Vật phục đọa tại đoán thường kiến trung] Chánh kiến của Phật Pháp là trung đạo kiến xa lìa đoán kiến và thường kiến. Đoán kiến là không tin có nhân quả cho rằng người chết như đèn tắt, điều thiện ác đã làm theo sinh mạng kết thúc cũng mất đi. Thường kiến thì cho thế gian tồn tại bất kiến, người mãi mãi là người, heo mãi là heo. Nhân quả của Túc Mạng Luận thuộc về thường kiến. Cái nhìn nhân quả của Phật giáo được xây dựng trên cơ sở duyên khởi là biện chứng chứ không phải là hình như thượng.

[ư chư phước điền, hoan hỷ kính dưỡng] Sau khi hiểu rõ nhân quả nên dùng tâm hoan hỷ để trồng cây ruộng phước của mình. Phước điền có ba loại sau:

- Kính điền: đối với Tam bảo cung kính cúng dường
- Ân điền: với cha mẹ, cùng những người có ân với mình phải cung kính cúng dường.
- Bi điền: Sanh tâm bi mẫn đối với người nghèo khó ở thế gian, tích cực giúp đỡ họ.

Đối với ba loại phước điền trên, chúng ta phải sanh tâm hoan hỷ gieo trồng, cung kính cúng dường.

[Thị cố nhữ đẳng diệc đắc thiên nhân tôn kính cúng dường] Nếu làm được như thế, thì có thể tăng trưởng phước báo, uy đức từ đó mà được thế nhân tôn trọng kính ngưỡng như Chư Phật, Bồ Tát vậy.

Thông qua việc học tập đoạn kinh văn trên. Chúng ta cơ bản có thể hiểu được cái nhìn về vũ trụ nhân sanh của Phật giáo, hiểu được chỗ khác biệt giữa Phật giáo và các tôn giáo khác. Trọng tâm của “nhân quả quán” của Phật pháp là luân lý về nghiệp báo luân hồi điều này chỉ Phật giáo mới có.

So với thuyết do thần sáng tạo của các tôn giáo khác thuyết nghiệp báo của Phật giáo có bốn đặc điểm sau:

1. Thuyết nghiệp lực cho chúng ta biết mạng vận vốn từ tự lực mà không do tha lực, do hành vi của bản thân quyết định không phải do sức mạnh của thần linh bên ngoài chi phối.

2. Mọi người đều bình đẳng trước nghiệp lực. Thần giáo cho rằng con người là do thần sinh ra và sắp đặt sẵn sự sai biệt như vậy và không phải ai cũng được thần sủng ái. Như Bà La Môn, Sát Đế Lợi, Phệ Xá, Thủ Đà La. Sinh ra đã có sự cao quý, thấp hèn bất đồng. Dưới cái nhìn của Phật giáo sanh mạng khởi điểm tuy có cao thấp bất đồng nhưng đều do tự mình tạo ra, là do nghiệp lực nhiều đời quyết định mà không phải do trời định.

3. Bởi vì sanh mạng có thể cải đổi nên tương lai vẫn luôn sáng lạng. Nếu như chúng ta tin sâu nhân quả thì sẽ tinh tấn chỉ ác hành thiện làm cho sinh mạng trong tương lai hướng về nơi ánh quang minh. Thần giáo cho rằng sau khi sanh lên trời rồi thì vĩnh viễn ở đó hưởng phước, đọa xuống địa ngục rồi thì mãi mãi mắc đọa ở đó không bao giờ thoát ra được. Từ cái nhìn của Phật giáo thì dù sanh lên thiên đường hay đọa xuống địa ngục đều là tạm thời. Phước thiên hưởng hết vẫn có thể bị đọa lạc, chúng sanh đọa ở địa ngục khi nghiệp báo tận. Chỉ cần biết tu tập thiện hạnh vẫn có thể được vãng sanh Cực Lạc, cho đến giải thoát sanh tử cho nên nói theo quan điểm của Phật Giáo thì mạng vận nắm bắt trong tay của mỗi người mà không phải là điều đã thành bất biến.

4. Nhân quả bất hư, thiện ác hữu báo. Nhìn từ góc độ nhân quả thì nghiệp không làm không có, nghiệp tạo rồi không mất. Nghiệp lực không tạo thì không thể chiêu cảm nên quả báo được, nghiệp lực đã tạo nếu không dùng được phương pháp đối trị đoạn trừ thì nhất định sẽ chiêu cảm nên quả báo chỉ khác là thời gian đến sớm và đến chậm mà thôi.

---o0o---

CHƯƠNG VI: ĐỨC HẠNH CĂN BẢN CỦA HỌC PHẬT

[Long Vương đương tri: Bồ Tát hữu nhất pháp, năng đoạn nhất thiết chủ ác đạo khổ. Hà đẳng vi nhất? Vị ư trú dạ, thường niệm tư duy, quán sát thiện pháp, linh chư thiện pháp niệm niệm tăng trưởng, bất dung hào phân bất thiện gián tạp. Thị tức năng linh chư ác vĩnh đoạn, thiện pháp viên mãn, thượng đắc thân cận chư Phật Bồ Tát cập dư thánh chúng. Ngôn thiện pháp giả, vị Nhân Thiên thân, Thanh Văn, Bồ Đề, Độc Giác Bồ Đề, Vô Thượng Bồ Đề, giai y thử pháp, dĩ vi căn bản nhi đắc thành tựu, có danh thiện pháp. Thử pháp tức thị thập thiện nghiệp đạo. Hà đẳng vi thập? Vị

năng vĩnh ly sát sanh, thù đạo, tà hạnh, vọng ngữ, lường thiệt, ác khẩu, ý ngữ, tham dục, sân nhuế, tà kiến]

[Long Vương đương tri, Bồ Tát hữu nhất pháp, năng đoạn nhất thiết chư ác đạo khổ] Đức Phật nói cho Long Vương biết đối với người tu tập Bồ Tát đạo có một pháp môn có thể đoạn trừ tất cả nỗi khổ của ác đạo.

“Chư ác đạo” chỉ cho tam ác đạo. Phật Giáo cho rằng nơi chốn sanh tồn của chúng hữu tình chủ yếu có lục đạo là: Thiên, Nhân, A Tu La, Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh. Trong đó Thiên Nhân, A Tu La thuộc tam thiện đạo, súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục là tam ác đạo vì hoàn cảnh nơi ấy thật là hiểm ác, chúng sanh ở đó phải chịu vô lượng khổ sở, sống lại chết đi liên tục không ngừng.

[Hà đẳng vi nhất? Vị u trú dạ thường niệm tư duy, quán sát thiện pháp] Nỗi khổ trong đường ác đạo làm cho người người phải sợ. Chúng ta phải tu pháp môn gì để lìa xa ác đạo, đoạn trừ chư khổ? Đó chính là phải ức niệm, tư duy, quán sát thiện pháp. Bất luận là ngày hay đêm đều phải giờ giờ nhớ nghĩ không được quên sót. Trong quá trình học Phật kiểm soát niệm khởi vô cùng quan trọng đó là điểm mấu chốt của việc tu hành. Sự sai biệt của thế gian, của nhân sanh cho đến việc luân chuyển sanh tử của chúng sanh căn nguyên đều ở nơi chỗ này. Cũng chính là ở đoạn kinh trước đã nói “tâm tướng dị cố” vì do tâm niệm sai biệt dẫn đến hành vi sai biệt nên chỗ sanh xứ tồn tại của hữu tình cũng từ đó mà sai biệt cho nên nói “Nhất thiết thiện ác nghiệp báo, Phạm thánh chi biệt, vô tất tại u tâm niệm sai biệt” Vậy nhìn từ góc độ khác tuy tâm niệm của chúng sanh thiên sai vạn biệt nhưng tựu trung cũng chỉ là sắc, thanh, hương, vị, xúc pháp, chỉ là y, thực, trụ, hành, chỉ là danh lợi tiền tài, chỉ là nhân ngã thị phi. Chúng ta tựu quán sát mỗi khởi tâm động niệm của chính mình thì sẽ thấy rằng tất cả mọi hoạt động đều không vượt khỏi các phương diện ấy. Học Phật tu hành là phải luyện tập và cải tạo tâm niệm của mình. Phật và chúng sanh khác nhau là ở chỗ này. Lục tổ Đàn kinh nói “Tiền niệm mê tức chúng sanh, hậu niệm ngộ tức Phật” từ thiên nhơn đạo sư viên mãn bi trí nhị đức đến chúng sanh muôn loại trong lục đạo nhìn thấy đều có sự khác biệt nhưng điểm quan trọng mấu chốt của sự sai khác này, cũng chính là sự sai khác giữa Mê và Ngộ.

[Linh chư thiện pháp, niệm niệm tăng trưởng, bất dung hào phân bất thiện gián tập] Bởi tâm chúng ta luôn tương ứng với thiện pháp nên làm cho thiện pháp ngày một lớn mạnh và ngược lại cũng làm cho phiền não, tham, sân, si, các loại dục vọng cũng sẽ giảm đi. Đến cuối cùng không còn một tâm bất thiện tạp nhiễm nào nữa. Chúng ta có thể quán sát thống kê xem

trong tâm niệm của chính mình mỗi một giờ trải qua có bao nhiêu niệm khởi tương ứng với phiền não tham, sân, si có bao nhiêu niệm khởi khế hợp với các thiện pháp giới, định, tuệ, từ, bi, hỷ, xả. Nếu thường quán sát sự biến chuyển của niệm đầu thì sẽ sớm phát hiện được phiền não ngay từ khi chớm phát sanh để khắc chế sự phát triển của nó. Thông qua thời gian dài trường kỳ luyện tập làm cho các niệm thiện không ngừng tăng trưởng cuối cùng đạt đến niệm niệm tương tục, và hiệu quả

[Bất dung hào phân, bất thiện gián tập]

[Thị tức năng linh chư ác vĩnh đoạn, thiện pháp viên mãn, thường đắc thân cận Chư Phật Bồ Tát cập dư thánh chúng] Khi tâm niệm thường hằng tương ứng với Phật Pháp, ác niệm theo đó tự nhiên tiêu trừ và được hằng phục, làm cho thiện pháp được viên mãn, thời thường thân cận chư Phật Bồ Tát và các vị thánh hiền.

[Ngôn thiện pháp giả: Vị Nhân Thiên thân, Thanh Văn Bồ Đề, Độc Giác Bồ Đề, Vô Thượng Bồ Đề, giai y dĩ thử pháp dĩ vi căn bản nhi đắc thành tựu, cố danh thiện pháp] Chúng ta đã nói đến thiện pháp rất nhiều lần, vậy thiện pháp là gì? Đoạn kinh văn đã định nghĩa thiện pháp một cách đơn giản là thiện pháp được xác định chủ yếu từ nơi quả báo chiêu cảm nên để xác định hành vi thuộc về thiện hay ác phạm những hành vi khiến cho chúng ta thành tựu quả báo nhân thiên và quả vị tam thừa thì đều thuộc về thiện pháp cũng chính là hành vi làm cho đời sau tiếp tục làm người, sanh về cõi trời, thành tựu quả Thanh Văn, A La Hán, thành tựu quả Độc Giác Bích Chi Phật, hoặc thành tựu viên mãn quả vị Bồ Đề. Ngược lại các pháp làm cho chúng ta đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh đều thuộc về ác pháp.

Trong Thành Duy Thức Luận cũng có định nghĩa về Thiện Pháp là: “Năng vi thứ thể tha thể thuận ích cố danh vi thiện” là từ tiêu chuẩn lợi ích trước mắt và lâu dài để đo lường về thiện ác. Hành vi thiện không chỉ đem lại lợi ích cho hiện tại mà đồng thời cũng có lợi ích ở tương lai. Một số hành vi tuy có thể đem đến khoái lạc trước mắt, nhưng có hại trong tương lai thì không thể gọi đó là thiện pháp được. Ví như ăn một bữa tiệc đầy sơn hào mỹ vị có thể là rất vui vẻ lúc ấy nhưng chẳng được lợi lạc gì ở tương lai thì không thuộc về thiện pháp nếu vì đó mà còn tạo ra các nghiệp sát nữa thì thuộc về phạm vi của ác pháp. Cho nên nói thiện pháp phải từ lương thể (đời này, đời sau) để lý giải. Như việc bố thí để giúp đỡ người khác trước mắt thì có thể thành tựu thiện tâm của bản thân. Đồng thời, hành động đó không những có lợi ích cho đời sống hiện tại mà còn đem lại kết quả tốt cho đời sống vị lai. Những hành vi này đều thuộc về thiện pháp.

[Thử pháp tức thị thập thiện nghiệp đạo. Hà đẵng vi thập? Vị năng vĩnh ly sát sanh, thâm đạo, tà hạnh, vọng ngữ, lường thiệt, ác khẩu, ý ngữ, tham dục, sân nhuế, tà kiến] Cái gì là thập thiện pháp? Đó chính là phải triệt để vĩnh ly sát sanh, thâm đạo, tà dâm, vọng ngữ, lường thiệt, ác khẩu, ý ngữ, tham dục, sân nhuế, tà kiến. Ở đây mấu chốt là ở chỗ phải “Vĩnh ly” nghĩa là phải vĩnh viễn không làm. Trong cuộc sống tu tập biết “Vĩnh ly” là điều khó nhưng phải thực hiện cho được vì đó là đức hạnh căn bản của người học Phật.

Tuy bộ kinh nhấn mạnh về “Thập thiện nghiệp đạo” nhưng không có nghĩa là ngoài thập thiện ra không còn có thiện pháp nào khác nữa. Thật ra, tất cả các hành vi tương ứng với Bồ Đề đạo thì đều là thiện pháp như Lục Độ, Tứ nhiếp, Tứ vô lượng tâm, Phổ Hiền Bồ Tát thập nguyện vương...đều là thiện pháp.

---o0o---

CHƯƠNG VII: MƯỜI HÀNH VI XÂY DỰNG HẠNH PHÚC NHÂN SANH

I - Không sát sanh

[Long Vương! Nhược ly sát sanh, tức đắc thành tựu thập ly não pháp. Hà đẵng vi thập? Nhất, u chúng sanh, phổ thí vô úy; Nhi thường u chúng sanh khởi đại từ tâm; Tam, vĩnh đoạn nhất thiết sân nhuế tập khí. Tứ, thân thường vô bệnh. Ngũ, thọ mạng trường viễn. Lục, hằng vi phi nhơn chi sở thủ hệ. Thất, thường vô ác mộng, tâm giác khoái lạc. Bát, diệt trừ oán kết, chúng oán tự giải. Cửu, vô ác đạo bố. Thập, mạng chung sanh thiên. Thị vi thập. Nhược năng hồi hướng A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề giả, hậu thành phật thời, đắc Phật tùy tâm tự tại thọ mạng.] Đoạn kinh giới thiệu về lợi ích của không sát sinh. Trước khi giới thiệu lợi ích giới sát cần tìm hiểu rõ thế nào là sát sinh. Nhiều người đối với nội hàm của sát sinh không thể lý giải chính xác, hoặc cho rằng, động vật sanh ra là để cho con người ăn cho nên việc ăn thịt động vật là điều hiển nhiên, không có gì đáng phải suy tư cả, hoặc lại cho rằng cây cỏ cùng có sinh mệnh, nên ăn chay cũng là sát sanh, nên nếu không sát sanh để ăn thì con người làm sao mà sống. Quan điểm này có sai lệch, không chính xác.

Từ quan điểm của Phật, trâu, bò, dê, lợn. cũng như con người đều là chúng sanh trong lục đạo, chỉ khác nhau ở tầng thứ sanh mạng, nếu đời này chúng ta không biết chỉ ác hành thiện, không trông nhân thiện, không tu nhân thiên

thừa thì kiếp sau vẫn có thể bị đọa vào đường súc sanh. Phật giáo đem sanh mạng có cảm giác, có tư duy, có tình thức liệt vào hữu tình chúng sanh, còn cây cỏ thực vật liệt vào vô tình chúng sanh. Hành vi làm thương hại đến hữu tình sinh mạng đều thuộc về sát sinh.

Một vấn đề cần đề cập khác nữa là người học Phật có phải ăn chay không? Vấn đề này tuy trong ngũ giới không quy định rõ. Nhưng trong ngũ giới và thập thiện giới thì giới sát luôn đứng hàng đầu. Nếu biết dùng tâm bình đẳng để nhìn chúng sanh thì mới căn bản đoạn nghiệp sát được. Còn khi đã là Phật Giáo Bắc Tông thì nhất định phải ăn chay vì đó là truyền thống được truyền thừa từ nghìn đời. Còn đối với Phật giáo nam Tông thì ăn ngũ tịnh nhục. Không bảo giết, không thấy giết, không nghe giết, con vật tự chết, động vật khác ăn còn sót lại.

Sát sinh được định nghĩa là hành vi ác tâm đoạn trừ sanh mệnh hữu tình, và hội đủ bốn điều sau thì sẽ tạo thành sát nghiệp.

1. Cố ý sát sanh là cố tâm sát hại chúng sanh, không phải là ngộ sát.
2. Sát tha hữu tình, giết hại sinh mạng chúng hữu tình khác.
3. Biết rõ mà cố phạm, biết rõ đó là sinh mệnh cũng giống con người tham sống sợ chết, có ý thức bảo vệ mạng sống nhưng vẫn tiến hành sát hại.
4. Chế tạo các dụng cụ sát sanh như vũ khí, bẫy, lồng, lưới câu, lưới đánh...

[Long Vương! Nhược ly sát sinh, tức đắc thành tựu thập ly não ác, hà đẳng vi thập] Phật bảo Long Vương nếu viễn ly các hành vi sát sinh trên thì có thể thành tựu mười loại thiện pháp viễn ly phiền não cũng chính là đạt được mười loại kết quả an vui, hạnh phúc của nhân sanh. Mười kết quả ấy là:

1. “Nhất ưu chư chúng sanh phổ thí vô úy”: Không sát sanh chính là vô úy thí cho chúng sanh. Tức đem đến cho chúng sanh cảm giác an toàn. Người thích sát sinh sẽ đem đến cảm giác lo sợ không chỉ con người mà cho cả động vật nữa. Đạo Phật nhận định thọ trì ngũ giới cũng chính là thực hành năm loại bố thí. Không sát sanh, thì chúng sanh không sợ bị thương hại mạng sống. Không trộm cắp, chúng sanh không sợ bị trộm cướp tài sản, Không tà dâm chúng sanh không sợ bị cưỡng bức, hạnh phúc gia đình không sợ bị phá hoại, Không vọng ngữ, chúng sanh không sợ bị lừa gạt, Không uống rượu chúng sanh không sợ bị kết bạn với những người tham nhậu, bất tín. Cho nên trì giới không phải chỉ là tiêu cực chỉ ác mà còn là phương thức hành thiện.

2. “Nhị thường ư chúng sanh khởi đại bi tâm” Không sát sanh tức là đối với tất cả chúng sanh thường hành từ bi. Vì sao con người sát sanh bởi vì thiếu lòng từ bi nên đã nhẫn tâm sát hại mạng sống của người, của vật.

3. “ Tam, vĩnh đoạn nhất thiết sân nhuế tập khí” không sát sanh có thể đoạn trừ hết thảy sân tâm và tập khí. Các khí trong tâm tánh của mỗi người không phải do thiên sanh như vậy mà do quá trình lưu chuyển của sanh mệnh tích tập nên. Người quen sát sinh thường có lòng sân rất nặng đối với chúng sanh thiếu sự đồng tình, thiếu lòng bao dung, thiếu sự nhẫn nại.

4. “Tứ thân thường vô bệnh” Không sát sinh sẽ có được sức khỏe dồi dào, thiện báo không bệnh, không tai.

5. “Ngũ thọ mạng trường viễn” Không sát sinh chiêu cảm thiện báo trường thọ. Tục ngữ nói “仁者寿” nhân giả thọ, người hiền sống lâu. (Kinh tử dụ câu chuyện “Cứu đàn kiến”).

6. “Lục hằng vi phi nhơn chi sở thủ hộ” Người không sát sinh được Thiên Long Bát Bộ hộ trì. Trong vũ trụ ngoài loài người động vật mất thường chúng ta nhìn thấy được còn có các tầng thứ sanh mạng khác nữa, Thiên Long Bát Bộ là một trong những tầng thứ sanh mạng ấy, thường thưởng thiện phạt ác, bảo hộ người quảng hành thiện sự, đạo đức cao thượng. Trong quyển 20 Kinh Trường A hàm nói “Tu hành thiện pháp, kiến chánh tín hành, Cù thập thiện nghiệp, như thị nhất nhơn hữu bách thiên thân hộ”

7. Thất thường vô ác mộng tâm giác khoái lạc” Người không sát sinh có được giấc ngủ an ổn tường hòa không có nỗi lo, và ác mộng vì không có điều lo âu khuấy tất trong lòng, sống rất đàng hoàng ung dung tự tại.

8. “Bát, diệt trừ oán kết chúng oán tự giải” người giữ được giới sát sẽ lần lần hóa giải và diệt trừ được các oán hận. Vì tàn sát sẽ đem đến cừ hận không đội trời chung.

9. “Cửu, vô ác đạo báo” Không sát sanh thì không trồng nhân đọa ba ác đạo địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh nên không có nỗi lo sợ tội nghiệp luân lạc ác đạo.

10. “Thập mạng chung sanh thiên” Giữ giới sát sẽ được sanh lên cõi trời hưởng lạc phước báo.

[Thị vi thập, nhược năng hồi hướng A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề giả, hậu thành Phật thời, đắc Phật tùy tâm tự tại thọ mạng] nếu đem công đức tu tập thập thiện hồi hướng vô thượng Phật quả. Như trên đã nói, nếu

không sát sanh thì bất kể đối với sự tu dưỡng của tự thân hay sự phát triển sanh mạng ở tương lai đều có lợi ích rất lớn.

---o0o---

II - Không trộm cướp

[Phục thứ Long Vương, nhược ly thâm đạo, tức đắc thập chủng khả bảo tín pháp. Hà đẳng vi thập? Nhất giả, tư tài doanh tích, vương, tặc, thủy hỏa cập phi ái tử, bất năng tán diệt. Nhị đa nhân ái niệm. Tam, nhân bất khi phụ. Tứ, thập phương tán mỹ. Ngũ, bất ưu tổn hại. Lục, thiện danh lưu bố. Thất, xử chúng vô úy. Bát, tài mệnh sắc lực an lạc, biện tài cụ túc vô khuyết. Cửu, thường hoài thí ý. Thập, mạng chung sanh thiên. Thị vi thập. Nhược năng hồi hướng A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề giả, hậu thành Phật thời, đắc chứng thanh tịnh đại Bồ Đề trí]. Đoạn kinh văn giới thiệu mười lợi ích của không trộm cướp.

Thâm đạo là không cho mà lấy, là giới thứ 02 trong 05 giới. Phạm chiếm làm của mình những vật mà chủ nhân chưa cho đều thuộc về trộm cướp, như: lừa gạt, cưỡng đoạt, trộm cắp, cướp, chiếm đoạt... Phải đầy đủ 05 điều kiện sau mới tạo thành nghiệp lực của trộm cướp. Một cố ý khởi tâm trộm, hữu ý trộm cướp mà không phải là vô tâm, hai đồ đạc thuộc của người khác mà không phải của chính mình, nếu lấy đồ của chính mình không còn gọi là trộm cướp nữa, ba biết rõ là của người khác vẫn rắp tâm chiếm đoạt đây chính là hành vi lừa gạt. Bốn đã có động cơ và sự sắp đặt kế hoạch trộm cướp từ trước như kế hoạch thực hiện, cương lĩnh hành động. Năm không phải lấy nhầm. Đủ năm điều kiện trên sẽ tạo nên nghiệp trộm cướp.

[Phục thứ, Long Vương! Nhược ly thâm đạo, tức đắc thập chủng khả bảo tín pháp. Hà đẳng vi thập?] Phật nói Long Vương rằng nếu xa rời hành vi trộm cướp sẽ đạt được mười loại kết quả cuộc sống được người tin tưởng.

1. “Nhất, tư tài doanh tích, vương tặc thủy hỏa cập phi ái tử bất năng tán diệt”. Xa rời hành vi trộm cướp có thể làm cho tài sản không ngừng thêm lớn và cả đời được an toàn thọ hưởng không gặp sự biến động ngoài ý muốn, không bị quốc vương, kẻ cướp, nước lụt, hỏa hoạn, con cháu hư đốn xâm hại. Thế gian người giàu có nhiều của cải tuy nhiều nhưng giữ vững được tài sản ấy thật không dễ, nhiều người tiền kho bạc bể nhưng rồi cũng trắng tay thậm chí phải đi ăn xin. Kinh Phật cho rằng tài phú là “của năm nhà”.

2. “Nhị, đa nhân ái niệm”. Xa rời hành vi trộm cướp khiến chúng ta được nhiều người hoan nghênh quý mến.

3. “Tam, Nhơn bất khi phụ”. Xa rời hành vi trộm cướp sẽ không bị mọi người khinh khi, ruồng bỏ. Nếu không sẽ đánh mất lòng tin nhiệm của mọi người, tự nhiên cũng sẽ không được xã hội chấp nhận, muốn tìm một việc làm kiếm sống cũng khó.

4. “Tứ, thập phương tán mỹ”. Xa rời hành vi trộm cướp được mọi người ca ngợi. Xã hội hiện nay tuy nhiều hành vi bất chánh nhưng lương tri và đạo đức truyền thống vẫn còn tồn tại, trong lòng mọi người vẫn còn đó những chuẩn mực đạo đức tương ứng nên việc tốt vẫn luôn được tán thưởng, người tốt vẫn luôn được kính trọng.

5. “Ngũ, bất ưu tổn hại”. Xa lìa hành vi trộm cướp, kiếm tiền bằng con đường hợp pháp, tâm hồn an nhiên tự tại để hưởng phúc giàu sang không phải lo âu sợ hãi đúng như người xưa đã nói “Không làm việc sai trái, nửa đêm không thức giấc vì sợ quỉ gọi cửa”.

6. “Lục, thiện danh lưu bố”. Xa rời hành vi trộm cướp danh tốt sẽ lưu truyền khắp nơi. Danh dự tuy không phải là cái có thật nhưng danh tiếng tốt xấu cũng ảnh hưởng đến hạnh phúc nhơn sanh. Có tiếng thơm sẽ được mọi người ái kính.

7. “Thất, xứ chúng vô úy”. Xa rời hành vi trộm cướp dù đến bất cứ nơi đâu cũng đường đường chính chính.

8. “Bát, tài, mệnh, sắc, lực an lạc, biện tài cụ túc vô khuyết”. Xa rời hành vi trộm cướp, nên tài phú tăng trưởng sức khỏe trường thọ, môi trường sống tốt đẹp và biện tài vô ngại.

9. “Cửu, thường hoài thí ý”. Xa rời hành vi trộm cướp nên luôn có tâm bố thí đối với chúng sanh, nhân cách đặc trưng của con người là do quá trình tích lũy lâu dài mà có, hành vi tạo thành thói quen, nên khi khởi ý trộm cướp tức là muốn chiếm đoạt của người làm của mình thì khó có tâm bố thí được. Chỉ khi từ bỏ hành vi trộm cướp thì mới có thể nuôi lớn được tâm từ bi hỷ xả, sẵn lòng đem tiền của giúp cho người cần giúp.

10. “Thập, mệnh chung sanh thiên”. Xa rời hành vi trộm cướp, bố thí trì giới, mạng chung sẽ được sanh về cõi trời Dục giới hưởng thọ thiên phúc.

[Nhược năng hồi hướng A Nậu Đa La Tam miệu Tam Bồ Đề giả Hậu thành Phật thời, đắc chứng thanh tịnh đại bồ đề trí]

Như trên đã nói mười công đức lợi ích trong đời sống hiện tại, và lợi ích ở kiếp sau của hành vi thiện không trộm cướp. Nếu biết đem công đức ấy hồi

hướng vô thượng Phật quả, chính là lấy Bồ đề tâm để thực hiện tịnh giới không trộm cướp, thì khi thành Phật sẽ chứng đắc trí tuệ Bồ đề thanh tịnh không ô nhiễm.

---o0o---

III - Không tà hạnh

[Phục thứ Long Vương! Nhược ly tà hạnh, tức đắc tứ chủng tối sở tán pháp. Hà đẳng vi tứ? Nhất, chư căn điều thuận. Nhị viễn ly huyên trạo. Tam, thể sở xưng tán. Tứ, thể mặc năng xâm. Thị vi tứ. Nhược năng hồi hướng A Nậu Đa La Tam Miêu Tam Bồ Đề giả, hậu

thành Phật thời, đắc Phật trượng phu ản mật tàng tướng] Tà hạnh là mối quan hệ nam nữ không được pháp luật của đất nước và đạo đức xã hội thừa nhận còn gọi là tà tâm. Tà hạnh chủ yếu do bốn nhân tố cấu thành. Một phi cảnh, hành vi tà dâm nam nữ ngoài quan hệ vợ chồng được pháp luật công nhận đều thuộc về tà dâm. Hai phi đạo, hành vi giao cấu không bằng bộ phận sinh dục thông thường mà bằng bộ phận khác cũng thuộc về tà dâm. Ba phi thời, quan hệ khi có mang thai, khi giữ giới... đều thuộc về tà dâm. Bốn phi xứ, những nơi tôn nghiêm chùa viện, Phật tháp... mà quan hệ đều thuộc về tà dâm.

[Phục thứ, Long Vương! Nhược ly tà hạnh, tức đắc tứ chủng trí sở tán pháp. Hà đẳng vi tứ?] Đức Phật bảo Long Vương: Nếu viễn ly tà dâm thì sẽ được bốn loại lợi ích được người trí xưng tán ca ngợi là:

1. “Nhất, chư căn điều thuận”. Chư căn tức là lục căn: nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn, ý căn. Nếu tà dâm quá độ sẽ khiến cho lục căn bất điều, các vua chúa ngày xưa thường quá dâm độ nên thường yếu mạng. Xã hội ngày nay cũng vì tà dâm tạo nên bao bệnh thời đại uy hiếp an lạc xã hội và cuộc sống loài người.

2. “Nhị, viễn ly huyên trạo”. Huyên trạo ở đây là chỉ cho sự bất an trong tâm lý vì tà hạnh đã dẫn đến ngoại tình và hành vi bất chánh nên trong lòng luôn phiền muộn âu lo không thể yên tịnh được, làm việc không tập trung. Tà hạnh trong thời đại xem nhẹ công dung tiết hạnh và dễ dãi trong tình dục hiện nay đã gây nên bao vấn đề xã hội, bao nhiêu gia đình đổ vỡ, tạo ra bao nhiêu trẻ em có vấn đề dễ phạm tội trong xã hội. Chỉ khi viễn ly tà hạnh nội tâm mới an bình, yên ổn tự tại được.

3. “Tam, thể sở xưng tán”. Người tâm tà vạy làm việc tà hạnh người người khinh rẻ, viễn ly tà hạnh phẩm hạnh đoan chánh, tác phong đàng hoàng sẽ được người đời khen ngưỡng.

4. “Tứ, thê mạc năng xâm”. Người làm tà hạnh vì xâm phạm đến hạnh phúc người khác nên đã trồng nhân xấu nên thường lo sợ việc ấy lại đến với mình, lo sợ vợ hay chồng mình cũng không đoan chánh. Lo sợ vợ mình cũng bị người khác xâm hại... Nếu không trồng nhân ấy thì sẽ không lúc nào vợ mình ngoại tình hay bị người khác xâm hại.

[Nhược năng hồi hướng A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề giả, Hậu thành Phật thời đắc Phật tượng phu ản mật tàng tướng]. Người phát tâm hồi hướng công đức ấy đến đạo quả Bồ Đề thì sau khi thành Phật sẽ có được tướng tốt thứ 32 của Phật chính là tướng mã Âm tàng.

---o0o---

IV - Bất vọng ngữ

[Phục thứ, Long Vương! Nhược ly vọng ngữ tức đắc bát chủng thiên sở tán pháp. Hà đẳng vi bát? Nhất, khẩu thường thanh tịnh ưu bát hoa hương. Nhị, vi chư thê gian chi sở tín phục. Tam, phát ngôn thành chứng , nhân thiên kính ái. Tứ, thường dĩ ái ngữ, an ủi chúng sanh. Ngũ, đắc thắng ý lạc, tam nghiệp thanh tịnh. Lục, ngôn vô ngộ thất tâm thường hoan hỷ. Thất, phát ngôn tôn trọng, nhân thiên phụng hành. Bát, trí tuệ thù thắng, vô năng chế phục, thị vi bát. Nhược năng hồi hướng A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề giả, hậu thành Phật thời, tức đắc Như Lai chân thật ngữ].

Vọng ngữ là lời nói không chân thật. Trong Phật Giáo vọng ngữ lại có đại vọng ngữ, tiểu vọng ngữ, phương tiện vọng ngữ. Đại vọng ngữ là tuy chưa chứng đắc thánh quả nhưng vì lợi dưỡng, danh tiếng... mà mạo xưng mình đã chứng đắc. Phương tiện vọng ngữ tức vì cứu độ, giúp đỡ, an ủi chúng sanh mà đành phải nói sai với sự thật nhưng phải trên nguyên tắc là vì chúng sanh chứ không phải vì lợi ích của bản thân. Còn lại các hình thức nói sai sự thật khác đều thuộc tiểu vọng ngữ.

Vọng ngữ ngoài sự khác biệt về thuộc tính ra, lại còn khác biệt về phương thức như dùng lời gian dối lừa người, dùng văn tự bóp méo sự thật, hoặc bôi nhọ, hoặc ám chỉ để đưa đến sự nhận biết sai lạc, hoặc mượn lời người khác để đạt được mục đích lừa dối. Bất kể là dùng hình thức nào nếu có ý để đạt được mục đích lừa gạt người khác đều là vọng ngữ.

Nghiệp vọng ngữ được xác lập khi hội đủ bốn yếu tố sau:

1. Dùng lời nói sai với sự thật để lừa dối đối phương, như thấy nói không thấy, nghe nói không nghe.

2. Đối phương phải nghe hiểu được lời mình nói. Nếu đối phương ngôn ngữ bất đồng không hiểu được lời nói thì không tạo nên nghiệp vọng ngữ.
3. Phải cố tâm lừa gạt nếu chỉ là sự truyền đạt thông tin sai lạc mà không có tâm lừa dối thì cũng không tạo nên nghiệp vọng ngữ.
4. Đối phương tiếp nhận lời nói của mình và tin đó là sự thật thì mới tạo thành nghiệp vọng ngữ.

[Phục thứ Long Vương! Nhược ly vọng ngữ, tức đắc bát chủng thiên sở tán pháp. Hà đẳng vi bát?]. Đức Phật bảo Long Vương nếu xa lìa vọng ngữ sẽ thành tựu tám loại thiện pháp trời người xưng tán là:

1. “Nhất, khẩu thường thanh tịnh ưu bát hoa hương”. Ưu bát hoa sen xanh. Người xa rời vọng ngữ miệng thường có mùi thơm thuần tịnh của hoa sen xanh. Còn người vọng ngữ miệng sẽ hôi thối khiến người khó gần gũi.
2. “Nhi, vi chư thế gian chi sở tín phục”. Người không vọng ngữ sẽ được mọi người tin tưởng. Con người sống với nhau cần nhất là sự thành thật không điêu ngoa, phải giữ tròn chữ tín mới có thể xây dựng được niềm tin với mọi người.
3. “Tam, phát ngôn thành chứng, nhân thiên kính ái”. Người không vọng ngữ được trời người tôn trọng, kính quý. Người nói một đường làm một ngã sẽ không được người khác tín phục.
4. “Tứ, thường dĩ ái ngữ, an ủy chúng sanh”. Ái ngữ là lời nói được nói ra từ lòng thương yêu thật sự. Người xa rời vọng ngữ mới có thể thường dùng tâm yêu thương để an ủy chúng sanh vì họ luôn nói lời thành thật, lợi tha, luôn nghĩ đến người khác mà nói.
5. “Ngũ, đắc thắng ý lạc, tam nghiệp thanh tịnh”. Thắng là thù thắng, ý lạc là tâm thái và thói quen. Người không vọng ngữ thì có được tâm thái cùng thói quen tốt. Vì vọng ngữ là nhân của hư vọng nên sẽ xa rời con đường chân thật, đánh mất sự thanh tịnh và thù thắng ý lạc.
6. “Lục, ngôn vô ngộ thất, tâm thường hoan hỷ”. Người không vọng ngữ thường có thể nói rõ suy tư của mình một cách trực tiếp rõ ràng khiến cho người nghe dễ dàng lĩnh hội được ý kiến của mình và sanh tâm hoan hỷ.

7. “Thất, phát ngôn tôn trọng, nhân thiên phụng hành”. Người không vọng ngữ lời nói luôn được mọi người tôn trọng, hoan hỷ tiếp nhận và theo đó để thực hiện vì lời nói của họ luôn có uy tín với người khác.
8. “Bát, trí tuệ thù thắng, vô năng chế phục”. Người không vọng ngữ vì trông nhân chân thật nên thành tựu được trí tuệ thù thắng, biện tài vô ngại, chế phục được các loại tà thuyết.

[Thị vi bát, nhược năng hồi hướng A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề giả, hậu thành Phật thời, tức đặc Như Lai chân thật ngữ]

Trên đây là tám loại thiện báo mà người xa rời vọng ngữ sẽ có được. Nếu dùng Bồ Đề tâm giữ giới không vọng ngữ rồi đem tất cả công đức giữ giới ấy hồi hướng về Phật quả trong tương lai khi viên mãn vô thượng Bồ Đề thì sẽ thành tựu chân thật ngữ như chư Phật.

---o0o---

V - Bất lương thiệt

[Phục thứ, Long Vương! Nhược ly lưỡng thiệt, tức đặc ngũ chủng bất khả hoại pháp. Hà đẳng vi ngữ? Nhất, đặc bất hoại thân, vô năng hại cố. Nhị, đặc bất hoại quyền thuộc, vô năng bạt cố. Tam, đặc bất hoại tín, thuận bản nghiệp cố. Tứ, đặc bất hoại pháp hành, sở tu kiên cố cố. Ngũ, đặc bất hoại thiện tri thức, bất cuống hoặc cố. Thị vi ngữ, nhược năng hồi hướng A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề giả, hậu thành Phật thời, đặc chánh quyền thuộc, chư ma ngoại đạo bất năng trở hoại]

Lưỡng thiệt là những lời nói tạo điều thị phi, gây sự ly gián phá hoại sự đoàn kết, hòa hợp giữa mọi người và đoàn thể. Như tới người A nói chuyện người B, để tạo sự mâu thuẫn giữa hai người, tạo sự nghi vấn thậm chí dẫn đến sự tranh đấu giữa họ để đạt được mục đích không thể cho người khác biết của mình, cũng có người chỉ vì tính nhiều chuyện của mình mà tạo nên sự mâu thuẫn, thị phi làm tổn người mà cũng chẳng lợi gì cho mình.

Tạo nghiệp lưỡng thiệt phải hội đủ bốn yếu tố sau:

1. Thông qua kích bác, chia rẽ, ly gián để phá hoại mối giao hảo của người khác.
2. Tạo nên lời nói mâu thuẫn.
3. Đối phương hiểu rõ được lời mình nói.
4. Đối phương hoàn toàn tin vào lời mình nói.

[Nhược lý lưỡng thiệt đắc ngũ chủng bất khả hoại pháp, hà đẳng vi ngũ]. Lưỡng thiệt sẽ phá vỡ mối quan hệ hòa hợp giữa người với người. Ngược lại không lưỡng thiệt sẽ đem đến lợi ích cho tha nhân và thành tựu nên quả lành là những gì chúng ta làm không bị người khác phá hoại. Đức Phật bảo với Long Vương rằng xa lìa lưỡng thiệt sẽ có được năm thiện pháp bất hủy hoại là:

1. “Nhất, đắc bất hoại thân, vô năng hoại cố”. Người không hai lưỡi có thể được sức khỏe và trường thọ không bị quả báo bị người hãm hại hoạnh tử.
2. “Nhi, đắc bất hoại quyến thuộc, vô năng bạt cố”. Quyến thuộc gồm lục thân cha, mẹ, anh chị em, vợ chồng, con cái bao gồm cả những học trò, môn đệ. Trong cuộc sống có được quyến thuộc hòa thuận là điều không dễ. Người không lưỡng thiệt sẽ có được mối quan hệ hòa mục, gia đình hòa hợp, bạn bè thân thiết, đồng sự tương thân.
3. “Tam, đắc bất hoại tín, thuận bốn nghiệp cố”. Người không hai lưỡi trên con đường tâm linh chọn lựa tín ngưỡng sẽ gặp nhiều thuận duyên không bị chướng ngại, bị cản trở từ người thân, hay bị sự dẫn dụ của ngoại đạo làm lung lạc niềm tin tín ngưỡng tâm linh.
4. “Tứ, đắc bất hoại pháp hành, sở tu kiến cố cố”. Người không hai lưỡi trên chặng đường tu tập sẽ gặp nhiều nhân duyên thù thắng, việc chọn lựa pháp môn tu tập cũng được thuận lợi không bị chướng duyên ảnh hưởng cho đến khi thành tựu.
5. “Ngũ, đắc bất hoại thiện tri thức, bất cuồng hoặc cố”. Người không lưỡng thiệt vì không bao giờ lừa người nên trong quá trình học Phật sẽ gặp được Thiện tri thức giúp đỡ, hướng dẫn nên việc tu tập sẽ được viên mãn hơn.

[Thị vi ngũ. Nhược năng hồi hướng A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề giả, hậu thành Phật thời, đắc chánh quyến thuộc, chư Ma ngoại đạo bất năng trở hại]. Nếu dùng Bồ đề tâm để tu bất lưỡng thiệt còn đem công đức lợi ích đó hồi hướng về vô lượng Phật quả, trong tương lai sau khi thành Phật sẽ được quảng đại vô biên quyến thuộc giúp đỡ hoằng pháp, khiến cho ma quỷ và ngoại đạo có tâm muốn hại cũng không làm được.

---o0o---

VI - Bất ác khẩu

[Phục thứ, Long Vương! Nhược ly ác khẩu, tức đắc thành tựu bát chủng tịnh nghiệp. Hà đẳng vi bát? Nhất ngôn bất quai độ, nhị ngôn giai lợi ích, tam ngôn tất khế lý, tứ ngôn từ mỹ diệu, ngũ ngôn khả thừa lĩnh, lục ngôn tắc tín dụng, thất ngôn vô khả cơ, bát ngôn tận ái lạc. Thị vi bát. Nhược năng hồi hướng A Nậu Đa La Tam miệu Tam Bồ Đề giả, hậu thành Phật thời, cụ túc Như Lai phạm âm thanh tướng].

Đoạn kinh văn giới thiệu tám loại lợi ích mà người không ác khẩu có được. Ác khẩu còn gọi là lời thô ác. Những lời nói nhằm phỉ báng, công kích, chê bai, bói móc làm tổn hại người khác đều thuộc phạm trù ác khẩu.

Nghiệp ác khẩu được tạo thành khi hội đủ bốn yếu tố sau:

1. Dụng tâm làm thương hại đến người khác, nếu không ác ý thì dù có dùng ngôn từ không hay nhưng đối phương chỉ cho rằng đó là lời chê cười thôi thì không tạo thành nghiệp ác khẩu.
2. Nói lời phi ái ngữ, lời thô mắng không có tâm từ bi để thương hại đến người khác.
3. Đối phương nghe và hiểu được.
4. Đối phương tiếp nhận trọn vẹn.

[Phục thứ, Long Vương! Nhược ly ác khẩu, tức đắc thành tựu bát chủng tịnh nghiệp. Hà đẳng vi bát]. Phật Bảo Long Vương nếu người xa lìa hành vi ác khẩu có thể thành tựu tám loại thiện nghiệp thanh tịnh:

1. “Nhất, ngôn bất quai độ”. Người không ác khẩu hiểu được nghệ thuật ăn nói nên mỗi một lời nói ra đều rất hợp thời, hợp lúc. Điều này rất quan trọng, nếu không có được năng lực này thì sẽ gặp nhiều trắc trở, người có năng lực ấy tự nhiên sẽ khiến người khác muốn giao tiếp với mình.
2. “Nhị, ngôn giai lợi ích”. Người không ác khẩu luôn đem tâm yêu thương, lòng từ bi để giao tiếp với người. Lời nói luôn nhu hòa thân thiết. Tất cả những gì nói ra đều vì lợi ích cho người. Lời nói thô ác như lưỡi đao trong miệng. Trong thực tế dùng lời nói để giết người nhiều khi còn hơn cả đao súng, vì đao súng chỉ làm đau ở thân thể, còn lời nói tạo nên nội thương trong tâm hồn, nhiều khi rất khó hàn gắn chữa lành.
3. “Tam, ngôn tất khế lý”. Người không ác khẩu mọi lời nói đều hợp tình, hợp lý, hợp với tư cách.

4. “Tứ, ngôn từ mỹ diệu”. Người không ác khẩu lời nói luôn xuất phát từ tình thương và lòng từ bi nên âm thanh nhu hòa uyển chuyển, ngôn từ cũng mỹ diệu khiến động lòng người, làm cho người nghe sanh tâm hoan hỉ.
5. “Ngũ, ngôn khả thừa lĩnh”. Người không ác khẩu tất cả lời nói đều được đối phương lãnh hội, tiếp nhận.
6. “Lục, ngôn tắc tín dụng”. Người không ác khẩu lời nói luôn xuất phát từ trạng thái bình tâm định tĩnh, tự nhiên sẽ khiến cho lời nói tràn đầy niềm tin, làm cho người nghe tin tưởng không sanh hoài nghi.
7. “Thất, ngôn vô khả cơ”. Cơ tức là trong ngôn từ xuất hiện những lỗ hổng làm cho người khác chê cười. Người không ác khẩu lời nói thường rất cẩn thận, có lý có tình, khó bị người khác bắt bẻ.
8. “Bát, ngôn tận ái lạc”. Người không ác khẩu tất cả lời nói đều khiến người nghe cảm thấy dễ chịu, sanh lòng hoan hỉ, khiến người thích nghe.

[Thị vi bát. Nhược năng hồi hướng A Nậu Đa La Tam miệu Tam Bồ Đề giả, hậu thành Phật thời, cụ túc Như Lai phạm âm thanh tướng]. Phạm âm thanh tướng là một trong ba mươi hai tướng tốt của Phật, chỉ cho âm thanh của Phật có năm tướng thanh tịnh là chính chực, hòa nhã, rõ ràng, tròn đầy, vang xa. Đó là tám loại lợi ích mà người xa lìa ác khẩu có được. Nếu biết đem tất cả công đức ấy hồi hướng vô thượng Phật quả thì sau khi thành Phật sẽ đầy đủ tướng phạm âm vi diệu viên mãn như chư Phật.

---o0o---

VII - Bất ý ngữ

[Phục thứ, Long Vương! Nhược ly ý ngữ, tức đắc thành tựu tam chủng quyết định. Hà đẳng vi tam? Nhất, định vi trí nhân sở ái; nhị, định năng dĩ trí như thật đáp vấn; tam, định ưu nhân thiên uy đức tối thắng, vô hữu hư vọng. Thị vi tam. Nhược năng hồi hướng A Nậu Đa La Tam miệu Tam Bồ Đề giả, hậu thành Phật thời, tức đắc Như Lai chư sở thọ ký, giai bất đường quyên].

Ý ngữ còn gọi là tạp uế ngữ, tức là những lời nói nhiễm ô, còn gọi là vô nghĩa ngữ, chỉ cho những lời tán gẫu vô nghĩa. Những lời nói này không có ích lợi gì cho việc tu tâm dưỡng tính, thậm chí còn đem đến những ảnh hưởng không tốt, làm tăng trưởng sự phiền não vô minh của chúng ta.

Nghiệp ý ngữ được tạo nên khi hội đủ hai yếu tố sau:

1. Có tâm nhiễm ô. Khi nói lời ý ngữ thường được kiến lập trên nền tảng của tâm nhiễm ô, mang theo tâm tham, tâm sân và những trạng thái tâm lý không tốt.
2. Lời nói không có ý nghĩa. Trong cuộc sống có vô vàn những lời nói không có ý nghĩa như những bản tình ca sướt mướt bi lụy, những lời tán gẫu chuyện nam bắc đông tây, những tà luận tà kiến đi ngược lại với chính kiến đều thuộc về phạm trù ý ngữ.

[Phục thứ, Long Vương! Nhược ly ý ngữ, tức đắc thành tựu tam chủng quyết định]. Đức Phật bảo Long Vương nếu trong quá trình tu tập có thể xa lìa ý ngữ thì sẽ thành tựu ba loại lợi ích quyết định.

1. “Nhất, định vi trí nhân sở ái”. Người không ý ngữ những lời nói đều có ích cho cuộc sống, đều có ích cho việc cải thiện đời sống, không nói những điều vô nghĩa, cho nên sẽ được người trí ưa thích.
2. “Nhi, định năng dĩ trí như thật đáp vấn”. Người không ý ngữ đối với những vấn đề mà người khác nêu ra đều có thể dùng trí tuệ trả lời một cách như thật.
3. “Tam, định ư nhân thiên uy đức tối thắng, vô hữu hư vọng”. Người không ý ngữ bất kể là ở thiên đường hay trong nhân gian đều có đầy đủ uy đức, được người kính trọng yêu mến.

[Thị vi tam. Nhược năng hồi hướng A Nậu Đa La Tam miệu Tam Bồ Đề giả, hậu thành Phật thời, tức đắc Như Lai chư sở thọ ký, giai bất đường quyên]. Trên đây là ba loại công đức mà người không ý ngữ có được. Nếu trên cơ sở của phát Bồ Đề tâm mà tu tập không ý ngữ thì trong tương lai sau khi thành Phật bởi do công đức của không ý ngữ mới có thể như Phật mà thọ ký cho chúng sinh. Thọ ký là lời dự ngôn mà Đức Phật nói với những chúng sinh phát đại tâm lớn như trải qua thời gian bao lâu, ở tại chỗ nào sẽ được thành Phật.

---o0o---

VIII - Bất tham dục

[Phục thứ, Long Vương! Nhược ly tham dục, tức đắc thành tựu ngũ chủng tự tại. Hà đẳng vi ngữ? Nhất, tam nghiệp tự tại, chư căn cụ túc cố; nhị, tài vật tự tại, nhất thiết oán tặc bất năng đoạt cố; tam, phước đức tự tại, tùy tâm sở dục vật giai bị cố; tứ, vương vị tự tại, trân kì diệu vật giai phụng hiến cố; ngũ, sở hoạch chi vật, quá bản sở cầu bách bội thù thắng, do ư tích thời, bất xan tật cố. Thị vi ngữ. Nhược năng hồi hướng A Nậu Đa La Tam miệu

Tam Bồ Đề giả, hậu thành Phật thời, tam giới đặc tôn, giai cộng kính dưỡng].

Tham dục là một trong ba độc làm tổn hại đến thân tâm của chúng hữu tình, ngoài tham dục còn có sân hận và si mê. Tất cả phiền não đều nơi đây mà phát sinh, cũng là ba hình thức biểu hiện của ba loại phiền não gọi là căn bản phiền não. Phiền tức là ưu, não tức là loạn, vì phiền não làm ưu loạn sự bình tĩnh của nội tâm chúng ta, khiến cho chúng ta không được yên ổn. Còn gọi là tam bất thiện căn, tức là ba loại nhân được phát sinh từ pháp bất thiện.

Tham dục chủ yếu được biểu hiện ở tham trước và chiếm hữu. Là phạm phu thường có sự biểu hiện của ý muốn chiếm hữu rất mãnh liệt, không chỉ là sự chiếm hữu về bốn phương diện ăn, mặc, ở, đi lại mà còn muốn chiếm hữu trên phương diện địa vị, danh lợi, chiếm hữu các loại hưởng lạc trên thế gian. Sự chiếm hữu này xuất phát từ nơi tâm tham trước, biểu hiện rõ nhất nơi thân thể của chúng ta. Từ khi chúng ta có mặt ở đời, hầu như luôn bận rộn cho nhu cầu ăn, mặc, ở, ngủ của bản thân mà lao công nhọc trí.

Trong Phật giáo còn đề cập đến ngũ dục, đó là tài, sắc, danh, thực, thù và sắc, thanh, hương, vị, xúc. Sắc dục là ham muốn của mắt thấy đối với đối tượng như phong cảnh, người đẹp. Thanh dục tức là ham muốn của lỗ tai đối với âm thanh như lời xưng tán hoặc âm nhạc. Hương dục là sự ham muốn của lỗ mũi đối với khí vị. Vị dục là ham muốn của lưỡi khi nếm các vị. Xúc dục là sự tiếp thọ của thân thể đối với hoàn cảnh. Trong đời sống con người thường say đắm và truy cầu trong ngũ dục. Tuy ăn, mặc, ở, đi lại đều là nhu cầu tất yếu của cuộc sống nhưng lòng ham muốn thường không có điểm dừng. Khi những nhu cầu thiết yếu căn bản đã được đầy đủ, chúng ta lại muốn đến các điều kiện cao cấp hơn, mặc đẹp hơn, sang hơn, ở rộng hơn, hào hoa hơn và cứ như vậy, con người say đắm trong những ham muốn không ngừng ấy.

Sự ham muốn về ngũ dục của mỗi người lại khác nhau, có người nặng về tiền tài, lại có người ham mê sắc đẹp, người khác lại say đắm với danh vọng, tiếng tăm, có người lại mê ăn, người khác thì mê ngủ. Nhưng ngũ dục vốn không phải hoàn toàn sanh ra đã có sẵn mà phần nhiều được nuôi dưỡng lớn mạnh từ trong cuộc sống hằng ngày.

[Phục thứ, Long Vương! Nhược ly tham dục, tức đắc thành tựu ngũ chủng tự tại. Hà đẳng vi ngũ?]. Phật bảo Long Vương nếu rời xa tham dục thì có thể thành tựu được năm loại tự tại. Thế nào gọi là tự tại? Đó chính là tâm tưởng sự thành, không vướng không bận. Thông thường người ta cho rằng hạnh phúc đều đặt cơ sở trên dục vọng, khi dục vọng được đáp ứng đầy đủ thì sẽ cảm thấy khoái lạc hạnh phúc, nếu không được đầy đủ thì sẽ cảm

thấy đau khổ thất lạc. Đó chính là bị ngũ dục ràng buộc làm cho đời sống không được tự tại.

1. “Nhất, tam nghiệp tự tại, chư căn cụ túc cố”. Ba nghiệp là thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp. Chư căn là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý lục căn. Người không tham dục sẽ có được thanh tâm tráng kiện, thanh tịnh, làm cho tam nghiệp được tự tại, vô ngại và có được quả báo các căn đầy đủ.
2. “Nhị, tài vật tự tại, nhất thiết oán tặc, bất năng đoạt cố”. Nhất thiết oán tặc là chỉ cho lũ lụt, hỏa hoạn, giặc cướp, con cháu bất hiếu và chính quyền tàn bạo, đó chính là năm dạng tai họa to lớn đối với con người. Người không tham dục thường hoan hỉ làm thiện bố thí, trồng nhiều phước điền, sẽ có quả báo của cải đầy đủ, không bị oán gia trái chủ cướp đoạt hoặc hủy hoại.
3. “Tam, phước đức tự tại, tùy tâm sở dục, vật giai bị cố”. Người không tham dục thường hằng thí xả, nên chiêu cảm thiện báo phước đức tự tại, muốn gì được nấy. Phước báo nhìn từ góc độ tu tập của Phật giáo có các nội hàm sau như đầy đủ thời gian để tu tập, không lo phiền về mưu kế sinh nhai và gặp được thiện tri thức. Còn trong “Thượng thư” gọi phước báo là ngũ phước, tức “nhất viết thọ, nhị viết phú, tam viết khương ninh, tứ viết du hảo đức, ngũ viết khảo trung mạng”.
4. “Tứ, vương vị tự tại, chân kì diệu vật, giai phụng hiến cố”. Người không tham dục sẽ có được vương vị và quan chức cao, được các chư hầu, quan địa phương cùng các nước lân cận dâng tặng các công phẩm tinh mỹ.
5. “Ngũ, sở hoạch chi vật, quá bốn sở cầu bách bội thù thắng, do ư tích thời, bất xan tất cố”. Người không tham dục trong đời vị lai sẽ được thiện báo tâm tưởng sự thành, cái mình có được thường gấp trăm ngàn lần điều mình mong. Nếu chúng ta muốn có được cuộc sống khoái lạc tự tại thì phải đầy đủ phước báo, nhưng phước báo là do chúng ta không ngừng gieo trồng, nhân thiên lộ thượng, tu phước vi tiên.

Trong kinh có nói: “tu huệ bất tu phước, La Hán thác không báo; tu phước bất tu huệ, hương tượng quả anh lạc”. Trong Phật giáo phước huệ phải song tu thì mới có thể viên thành Phật quả.

[Thị vi ngũ. Nhược năng hồi hướng A Nậu Đa La Tam miệu Tam Bồ Đề giả, hậu thành Phật thời, tam giới đặc tôn, giai cộng kính dưỡng]. Nếu

biết đem đức hạnh của bất tham dục hồi hướng về vô thượng Phật quả thì sau khi thành Phật sẽ được chúng sinh trong tam giới kính trọng.

---o0o---

IX - Bất sân nhuế

[Phục thứ, Long Vương! Nhược ly sân nhuế, tức đắc bát chủng hỷ duyệt tâm pháp. Hà đẳng vi bát? Nhất, vô tôn não tâm; nhị, vô sân nhuế tâm; tam, vô tránh tụng tâm; tứ, nhu hòa chất trực tâm; ngũ, đắc thắng giả từ tâm; lục, thường tác lợi ích, an chúng sanh tâm; thất, thân tướng đoan nghiêm, chúng cộng tôn kính; bát, dĩ hòa nhẫn cố, tốc sanh phạm thế. Thị vi bát. Nhược năng hồi hướng A Nậu Đa La Tam miệu Tam Bồ Đề giả, hậu thành Phật thời, đắc vô ngại tâm, oán giả vô yểm].

Sân nhuế cũng là một trong tam độc. Tác dụng của nó ngược với tham dục. Tham dục tức là chiếm hữu cái mình muốn, còn sân nhuế thì phá bỏ cái mình không ưa. Phần nộ là hình thức biểu hiện của sân nhuế như một lời nói không thích hợp tạo nên sự tranh chấp, đôi khi dẫn đến sự thù hận làm ảnh hưởng rất lớn đến tâm linh của mỗi người. Nên sự thù hận thường đem đến tổn hại to lớn nhất là cho chính mình. Nếu đem điều ấy đến với người khác thì sẽ tạo nên sự tổn hại cho tha nhân.

Lòng đố kỵ cũng là một hình thức biểu hiện của sân nhuế. Không vui với thành tựu của người khác nên tìm cách cản trở. Đối trị với phiền não này, Phật giáo dạy phải lấy tâm tùy hỷ, tức là vui với sự thành tựu của người khác, tùy hỷ với công đức của người khác.

[Phục thứ, Long Vương! Nhược ly sân nhuế, tức đắc bát chủng hỷ duyệt tâm pháp. Hà đẳng vi bát?] Phật bảo Long Vương nếu rời xa sân nhuế thì sẽ được sự an ổn thân tâm, sự định tĩnh và tán tâm hỷ duyệt.

1. “Nhất, vô tôn não tâm”. Người không sân nhuế sẽ không bị tâm tôn não.
2. “Nhị, vô sân nhuế tâm”. Người không sân nhuế đứng trước mọi nghịch cảnh luôn có được tâm nhu hòa nhẫn nhục, lấy lòng từ bi để đối mặt với tất cả mọi nghịch cảnh.
3. “Tam, vô tránh tụng tâm”. Người không sân nhuế sẽ hóa giải được tất cả mọi công kích từ bên ngoài, dù bị người sỉ nhục mắng nhiếc vẫn không sanh tâm sân hận.
4. “Tứ, nhu hòa chất trực tâm”. Người không sân nhuế trong nội tâm thường luôn xuất lòng từ bi an tường, lời nói cũng nhu hòa hiền hậu, làm cho người nghe cảm thấy dễ chịu.

5. “Ngũ, đắc thánh giả từ tâm”. Người không sân nhuế từng bước sẽ bồi dưỡng cho mình tâm thái từ bi như các bậc thánh hiền, gần với cảnh giới của chư Phật Bồ Tát.
6. “Lục, thường tác lợi ích, an chúng sinh tâm”. Người không sân nhuế lòng đầy từ tâm, thường nghĩ đến làm thế nào để đem lại lợi ích cho hết chúng sinh, khiến cho chúng sinh đều được an lạc.
7. “Thất, thân tướng đoan nghiêm, chúng cộng tôn kính”. Người không sân nhuế bởi vì tâm thái điều hòa nên có được tướng mạo từ bi đoan trang, được chúng sinh tôn kính.
8. “Bát, dĩ hòa nhẫn cố tốc sanh phạm thế”. Người không sân nhuế có đủ đức hạnh từ bi nhu hòa nhẫn nhục, đó cũng chính là uy đức của Phạm Thiên. Phạm có ý nghĩa là thanh tịnh, chỉ cho chư thiên ở sắc giới xa lìa dâm dục, trong đó vị thiên chủ của cõi trời sơ thiên chính là Đại Phạm Thiên.

[Thị vi bát. Nhược năng hồi hướng A Nậu Đa La Tam miệu Tam Bồ Đề giả, hậu thành Phật thời, đắc vô ngại tâm, oán giả vô yểm]. Nếu lấy công đức của sự tu tập không sân nhuế hồi hướng về vô thượng Phật quả thì trong tương lai sau khi thành Phật sẽ được tâm vô chướng ngại, khiến cho người thấy đều sanh tâm hoan hỉ không oán ghét.

---o0o---

X - Bất tà kiến

[Phục thứ, Long Vương! Nhược ly tà kiến, tức đắc thành tựu thập công đức pháp. Hà đẳng vi thập? Nhất, đắc chân thiện ý lạc, chân thiện đẳng lữ; nhị, thâm tín nhân quả, ninh xả thân mạng chung bất tác ác; tam, duy quy y Phật, phi dư thiên đẳng; tứ, trực tâm chánh kiến, vĩnh ly nhất thiết kiết hung nghi vọng; ngũ, thường sanh nhân thiên, bất cánh ác đạo; lục, vô lượng phước tuệ, chuyển chuyển tăng trưởng; thất, vĩnh ly tà đạo, hành ưu thánh đạo; bát, bất khởi thân kiến, xả chư ác nghiệp; cửu, trú vô ngại kiến; thập, bất đọa chư nạn. Thị vi thập. Nhược năng hồi hướng A Nậu Đa La Tam miệu Tam Bồ Đề giả, hậu thành Phật thời, tất chứng nhất thiết Phật pháp, thành tựu tự tại thần thông].

Tà kiến tức là nhận thức sai lầm về vũ trụ và nhân sanh. Kiến tức là nhận thức và cái nhìn. Tà kiến là ngược lại với chánh kiến, đó là một hình thức biểu hiện của vô minh. Nhận thức sai lạc với chân thật của vũ trụ, nhân sanh làm trở ngại cho sự tu hành giải thoát, cản trở mục đích hoàn thiện nhân

cách. Ngược lại, nếu nhận thức tương ứng với chân lý và tương ứng với việc tu hành giải thoát thì đều thuộc về chánh kiến.

Trong đời sống hiện thực, tà tri và tà kiến đặc biệt thịnh hành. Nhiều người nhìn không thấy được đời sống ở quá khứ và vị lai nên đã không tin vào nhân quả, cho rằng người chết như đèn tắt, không có cái gì là báo ứng, cũng chẳng có luân hồi. Đây chính là tà kiến của rất nhiều tôn giáo, lại cho rằng người do thần linh sáng tạo, sau khi chết một là được sanh lên trời hưởng phước vĩnh viễn, hai là phải đọa xuống địa ngục vạn kiếp bất phục. Phật giáo cho đây đều là tà kiến. Cũng có nhiều người phủ định thánh hiền, không tin trong thế gian có sự khác biệt giữa người thánh và kẻ phàm, cho rằng trong cuộc sống dù làm thiện hay làm ác, chỉ cần khi nhắm mắt chôn xuống đất thì tất cả đều không còn. Đời sống con người dù có để lại điều chi đi chăng nữa, khi chết đều chỉ là không. Phật giáo cho đây cũng là tà kiến. Lại cũng có người cho rằng cuộc đời ngắn ngủi nên phải tranh thủ để mà hưởng lạc, có quyền có chức không biết hưởng thụ thì thật uổng phí, người không vì mình hưởng thọ hành lạc trời tru đất diệt, cũng là tà kiến. Tất cả đều vì không hiểu rõ được nhân quả của ba đời. Chúng ta nếu muốn được giải thoát, điều đầu tiên là phải xây dựng chánh kiến để diệt trừ vô minh. Nếu vô minh được diệt trừ tận gốc thì tà kiến cũng không còn, bởi vì vô minh chính là cội gốc của tà kiến. Người học Phật phải từ văn, tư, tu để làm nền tảng nhưng nhiều người đã bỏ qua yếu tố căn bản này.

Văn chính là sự học rộng, nghe nhiều và không ngừng tăng trưởng cả chiều rộng lẫn chiều sâu. Bởi vì như vậy mới có thể thâm nhập nghĩa lý sâu xa của Phật Pháp. Không phải chỉ học mà còn phải thông qua con đường tư duy về kinh giáo để đem quan điểm của Phật Pháp thành quan điểm của tự thân và quán sát nó với các hiện tượng của thế gian, từ đó để chỉ đạo hành vi của bản thân. Tu tập như vậy mới phát sinh hiệu quả. Cho nên yếu tố then chốt của việc tu học chính là xây dựng chánh kiến và xa rời tà kiến.

[Phục thứ, Long Vương! Nhược ly tà kiến, tức đắc thành tựu thập công đức pháp. Hà đẳng vi thập?]. Đức Phật bảo Long Vương nếu xa rời được tà kiến thì sẽ thành tựu được mười thiện pháp.

1. “Nhất, đắc chân thiện ý lạc, chân thiện đẳng lữ”. Ý lạc tức là ý nguyện của đời sống. Người không tà kiến sẽ có được ý nguyện tương ứng với chân lý đạo đức, trên con đường học Phật sẽ gặp được bạn tốt thầy hiền.
2. “Nhị, thâm tín nhân quả, ninh xả thân mạng, chung bất tác ác”. Người có đầy đủ chánh kiến thì phải tin sâu nhân quả. Tin ở đây không có nghĩa rằng tin thì có mà không tin thì không như những

nhận thức thông thường. Cũng không phải là tin một cách cuồng tín cho đến mê tín mà xuất phát

từ nội tâm để tin, không có bất kỳ một sự nghi hoặc nào cũng như yếu tố tâm lý nào, mà là niềm tin kiên định cho dù đứng trước cái chết vẫn không lay động, tuyệt không làm bất cứ điều ác nào vì cuộc sống hiện tại chỉ là một thời đoạn trong dòng chảy sinh mệnh bất tận. Chết không có nghĩa là hết, mà sẽ là tiếp tục cho một cuộc sống mới.

3. “Tam, duy quy y Phật, phi dư thiên đẳng”. Người có chánh kiến sẽ có được niềm tin vững chắc, quy y nơi Tam Bảo sẽ được giải thoát khỏi phiền não và khổ đau. Một khi đã quy y thì suốt trọn đời không có nghi hoặc, cũng không do dự tìm kiếm.
4. “Tứ, trực tâm chánh kiến, vĩnh ly nhất thiết kiết hung nghi vọng”. Người đủ chánh kiến sẽ nhìn thấu triệt vạn tượng của thế gian, đối với họa phước kiết hung của cuộc đời vì hiểu rõ được nhân quả nên không có bất cứ hoài nghi nào, tin tưởng vững chắc vào những nhân thiện ác đã gieo trồng sẽ chiêu cảm nên quả báo. Vì tin sâu vào nhân quả nên dù phải đối mặt với bất cứ điều gì cũng坦然 nhiên để nhận thọ mà không oán trời trách đất.
5. “Ngũ, thường sanh nhân thiên, bất cánh ác đạo”. Người có đủ chánh kiến vì tin sâu vào nhân quả nên không mắc tình làm ác, đồng thời vì tin vào hành thiện tất có lạc quả, tạo ác sẽ bị quả khổ nên tích cực chỉ ác hành thiện. Bởi vì khi đã không trồng nhân ác thì tự nhiên sẽ không bị đọa vào ác đạo. Bởi vì trồng sâu nhân thiện, nỗ lực tu tập ngũ giới thập thiện nên sẽ tiếp tục được sanh làm người hoặc sanh về thiên quốc.
6. “Lục, vô lượng phước tuệ, chuyển chuyển tăng trưởng”. Người đủ chánh kiến dùng Phật Pháp để dẫn đạo cho đời sống cá nhân, rộng kết thiện duyên, cần trồng phước báo thì sẽ được phước đức vô lượng, đồng thời lấy chánh kiến để chỉ đạo việc tu hành nên có thể điều chỉnh được quan niệm, khai mở trí tuệ vì có chánh kiến nên phước đức và trí tuệ sẽ không ngừng tăng trưởng đến khi viên mãn.
7. “Thất, vĩnh ly tà đạo, hành u thánh đạo”. Người đủ chánh kiến tinh cần tu tập bát chánh đạo, tự nhiên sẽ xa rời tà đạo.
8. “Bát, bất khởi thân kiến, xả chư ác nghiệp”. Thân kiến tức là ngã kiến, chấp sắc thân là ngã, là một trong ngũ kiến gồm có thân kiến,

biên kiến, tà kiến, kiến thủ kiến, giới cấm thủ kiến. Người đủ chánh kiến sẽ hiểu rõ được duyên khởi vô thường

vô ngã, dùng đó để quán sát tu tập nên sẽ đoạn trừ được ngã chấp, xa lìa hết thảy mọi ác hạnh.

9. “Cửu, trú vô ngại kiến”. Người đủ chánh kiến sẽ dùng chánh kiến để chỉ đạo việc tu trì chỉ quán, thông qua thiền định để thăng hoa sự nhận thức đối với chánh kiến, khởi phát trí tuệ bát nhã như thật thông đạt chân tướng của vũ trụ nhân sanh.

10. “Thập, bất đọa chur nạn”. Người đủ chánh kiến vì chỉ ác hành hiện nên sẽ không bị đọa lạc vào trong chur nạn. Chur nạn tức là tam đồ bát nạn, tức là 1. Địa ngục, 2. Ngã quỷ, 3. Súc sanh, 4. Bắc Câu Lư Châu, nơi này chỉ có hưởng lạc, không có khổ nạn nên sẽ không biết tu tập, 6. Đui mù, câm điếc, 7. Thế trí biện không (tri thức của thế gian cũng sẽ làm chướng ngại đối với việc tu tập), 8. Phật tiền Phật hậu (sanh vào thời không gặp được Phật)

[Thị vi thập. Nhược năng hồi hướng A Nậu Đa La Tam miệu Tam Bồ Đề giả, hậu thành Phật thời, tất chứng nhất thiết Phật Pháp, thành tựu tự tại thần thông]. Nếu đem công đức thiện quả không tà kiến hồi hướng Phật quả vô thượng thì khi thành Phật sẽ chứng được chư pháp thập tướng, thành tựu được thần thông vô ngại. Chúng ta sở dĩ không thể chứng đắc được chân đế của vũ trụ nhân sanh là vì sự chướng ngại của kiến hoặc trên con đường tu tập. Hai chướng ngại kiến hoặc và tu hoặc sẽ làm trở ngại trên con đường tu chứng. Kiến hoặc tức là sự sai lầm về nhận thức làm chướng ngại cho sự nhận thức của chúng ta về vũ trụ nhân sanh và chướng ngại cho sự chứng đắc về chân lí.

[Thành tựu tự tại thần thông]. Viễn ly tà kiến không những có thể chứng đắc được thật tướng của chư pháp mà còn có thể chứng đắc được thần thông tự tại vô ngại, đạt được sự giải thoát tự do triệt để. Từ quan điểm của Phật Pháp, tự do được thể hiện trên hai phương diện, một là tâm giải thoát không có bất cứ phiền não nào, đó là sự tự do của nội tại tâm linh; hai là tuệ giải thoát, tức là thấu triệt được thật tướng của vũ trụ nhân sinh, đó chính là tự do trong tư tưởng nhận thức. Từ trên ý nghĩa này, thấy rằng nếu như con người vẫn còn phiền não nội tâm thì không thể nói đến sự tự do chân chánh được.

Từ những lợi ích của việc tu tập thập thiện nghiệp đạo, chúng ta thấy rằng tu tập thập thiện sẽ đem đến lợi ích trong đời sống, không những là hạnh phúc trong đời sống hiện tại mà bao gồm cả hạnh phúc trong đời sống vị lai.

Ngược lại, nếu không tu thiện nghiệp mà tạo ác nghiệp thì đó chính là căn nguyên của mọi đau khổ trong đời sống nhân sanh.

---o0o---

CHƯƠNG VIII: CON ĐƯỜNG THÀNH PHẬT

[Nhĩ thời Thế Tôn phục cáo Long vương ngôn: Nhược hữu Bồ-Tát y thủ thiện nghiệp, u tu đạo thời, năng ly sát hại nhi hành bố thí cố. Thường phú tài bảo, vô năng xâm đoạt, trường thọ vô yếu, bất vi nhất thiết oán tặc tổn hại. Ly bất dữ thủ nhi hành thí cố, thường phú tài bảo, vô năng xâm đoạt, tối thắng vô tỷ, tất năng bị tập chư Phật Pháp tạng. Ly phi phạm hạnh nhi hành thí cố, thường phú tài bảo, vô năng xâm đoạt, kỳ gia trình thuận, mẫu cập thê tử, vô hữu năng dĩ dục tâm thị giả Ly hư cuồng ngữ nhi hành thí cố, thường phú tài bảo, vô năng xâm đoạt, ly chúng hủy báng, nhiếp trì chánh pháp, như kỳ thệ nguyện, sở tác tất quả. Ly ly gián ngữ nhi hành thí cố, thường phú tài bảo, vô năng xâm đoạt, quyên thuộc hòa mục, đồng nhất chí lạc, hằng vô quai tránh. Ly thô ác ngữ nhi hành thí cố, thường phú tài bảo, vô năng xâm đoạt, nhất thiết chúng hội hoan hỷ quy y, ngôn giai tín thọ, vô vi cự giả. Ly vô nghĩa ngữ nhi hành thí cố, thường phú tài bảo, vô năng xâm đoạt, ngôn bất hư thiết, nhân giai kính thọ, năng thiện phương tiện, đoạn chư nghi hoặc. Ly tham cầu tâm nhi hành thí cố, thường phú tài bảo, vô năng xâm đoạt, nhất thiết sở hữu, tất dĩ huệ xả, tín giải kiên cố, cụ đại oai lực. Ly phần nộ tâm nhi hành thí cố, thường phú tài bảo, vô năng xâm đoạt, tốc tự thành tựu vô ngại tâm trí, chư căn nghiêm hảo kiến giai kính ái. Ly tà đảo tâm nhi hành thí cố, thường phú tài bảo, vô năng xâm đoạt, hằng sanh chánh kiến, kính tín chi gia, kiến Phật, văn pháp, cúng dường chúng tăng, thường bất vong thất đại Bồ-đề tâm. Thị vi đại sĩ tu Bồ-Tát đạo thời, hành Thập thiện nghiệp, dĩ thí trang nghiêm sở hoạch đại lợi].

Nếu muốn thành Phật phải thông qua con đường tu tập Bồ Tát đạo, đó chính là pháp môn Lục Độ. Nhìn từ thực tiễn của vạn hạnh Lục Độ thì thập thiện nghiệp đạo chính là nền tảng rất quan trọng.

---o0o---

I - Bố thí

Lục Độ lấy bố thí làm đầu. Bố thí thường gọi là thí xả, bao gồm tài thí, pháp thí, vô úy thí.

Tài thí tức là bố thí về của cải, bao gồm tiền tài và các phương tiện về ăn, mặc, ở, đi lại, gọi là ngoại tài thí và nội tài thí, tức là sinh mạng.

Đối với người khác mà nói, bố thí là sự đáp ứng tương ứng về giúp đỡ, còn đối với bản thân mà nói, bố thí chủ yếu là con đường để tu tập, tăng trưởng lòng từ bi, là sự điều chỉnh về tâm hạnh. Do vậy chỉ cần chúng ta có tâm, bất luận điều kiện kinh tế như thế nào thì đều có thể rộng tu thực hành bố thí. Trong kinh Phật dạy: bần cùng bố thí nan. Thật ra người có tiền thì có thể dùng tiền để bố thí, người không có tiền vẫn có thể phát tâm tùy hỷ với việc bố thí. Ngoài ra phương thức bố thí cũng có nhiều cách, như dùng nụ cười để cho người niềm vui cũng là bố thí, dành thời gian để chia sẻ, giúp đỡ cũng thuộc về bố thí. Mặt khác, nhường đường cho nhau khi giao thông cũng là một hình thức bố thí, tạo cho người sự tiện lợi cũng là làm việc bố thí mà không cần đến tiền tài. Cho nên có thể nói bất cứ giờ phút nào trong cuộc sống đều có thể tu tập hạnh bố thí. Pháp thí có hai dạng, một là dùng Phật Pháp để giúp người giải thoát khổ đau, hai là dạy cho người kỹ năng kiếm sống cũng thuộc về pháp thí.

Vô úy thí tức là cho người niềm tin, sự an ủi, lời khuyên, sự động viên đều thuộc về vô úy thí.

Nếu tu tập bố thí sẽ có được những điều lợi ích:

- 1.** Bố thí có thể khắc chế được sự keo kiệt. Thông thường người đời thường có lòng yêu mến quý trọng đối với những tài vật mà mình có được, không muốn chia sẻ với người khác. Dù cho là cái mình không cần nữa nhưng khi đem cho người khác thì lại cảm thấy nó rất quan trọng nên không thể xả thí được. Nếu không khắc chế thì tâm keo kiệt mỗi ngày mỗi lớn và sẽ trở thành một tập khí kiên cố. Phương pháp đối trị tốt nhất đó chính là bố thí.
- 2.** Bố thí có thể khắc chế sự tham chấp. Người có lòng tham nặng nề thời nhìn cái gì cũng thấy tốt, cái gì cũng không nỡ xả bỏ, chúng ta tu tập bố thí đồng thời cũng là đang khắc chế tâm tham trước đối với tài vật. Nếu thường làm việc bố thí thì tâm tham trước tự nhiên cũng theo đó mà được giảm nhẹ.
- 3.** Bố thí có thể tăng trưởng phước đức. Trên con đường nhân thiên tu phước là việc hàng đầu. Phước đức từ đâu đến, đó chính là từ nơi việc thực hành bố thí. Cũng như người nông dân mùa xuân gieo mạ, mùa thu gặt hái, chúng ta chỉ cần biết thường tu tập, thường gieo trồng nhân thiện, vun bồi ruộng phước thì sẽ thu hoạch được phước đức.
- 4.** Bố thí có thể đem sự giàu có từ đời này tiếp nối sang đời sau. Mạng sống là vô thường, cho nên nhiều người lấy việc hưởng lạc làm tôn

chỉ, có tiền thì chỉ nghĩ đến việc thụ hưởng ăn chơi vì sợ rằng sau khi mất đi sẽ không được hưởng thụ nữa. Thật ra bố thí có thể quyết định được việc tiếp nối sự giàu có của chúng ta, cũng giống như việc đầu tư, nếu biết chọn những hạng mục mà đầu tư tốt thì sẽ kiếm được tiền bạc, làm cho tài sản ngày thêm tăng trưởng. Phước báo cũng vậy, cũng giống như chúng ta biết tích trữ tài khoản ở ngân hàng thì việc bố thí cũng chính là phương thức đầu tư tích trữ phước báo cho chúng ta ở đời sống. Nhờ nghiệp nhân tốt ấy mà sự giàu có vẫn được tiếp nối trong đời vị lai.

Chúng ta không những thực hành bố thí mà còn phải biết kịp thời bố thí. Trong đời sống của chúng ta, ngọn lửa vô thường không ngừng cháy đốt, ngọn gió vô thường cũng không ngừng thổi, vạn vật đều chịu sự chi phối của quy luật vô thường. Mỗi ngày qua đi là chúng ta bước gần đến với cái chết. Mạng sống kéo dài bao lâu không ai có thể làm chủ được. Nên trong quá trình tiếp diễn của cuộc sống, sinh mạng chỉ nơi một hơi thở mà thôi. Dù cho tài sản có nhiều đi chăng nữa, khi nhắm mắt xuôi tay cũng hoàn không. Cho nên khi chúng ta còn đang mạnh khỏe thì phải biết nỗ lực tu tập, thực hành bố thí, cứu tế người nghèo, hiếu dưỡng cha mẹ, cúng dường Tam Bảo. Nếu hiện tại không biết tích cực đầu tư thì sẽ đánh mất đi thời cơ tốt đẹp. Do vậy dùng đồng tiền như thế nào, đó chính là trí tuệ của mỗi người. Trong kinh thập thiện nghiệp đạo tuy có nói đến tứ nhiếp, tứ vô lượng tâm, ba mươi bảy phẩm trợ đạo, nhưng nói rõ hơn hết về bố thí và thập thiện nghiệp, để thấy được rằng sự quan trọng của bố thí trong lộ trình tu học Phật Pháp.

[Nhĩ thời Thế Tôn phục cáo Long vương ngôn: Nhược hữu Bồ-Tát y thủ thiện nghiệp, u tu đạo thời, năng ly sát hại nhi hành bố thí cố. Thường phú tài bảo, vô năng xâm đoạt, trường thọ vô yếu, bất vi nhất thiết oán tặc tổn hại]. Đức Phật bảo Long Vương, đối với hành giả tu tập Bồ Tát đạo thường hành bố thí nhưng tiền tài có được để đem bố thí đó chính là tiền tài không kiếm được từ các nghề nghiệp sát sinh mà ra thì sẽ được chiêu cảm nên quả báo trường thọ phú quý, không bị người khác chiếm đoạt, cũng không bị đoản mệnh chết yếu, càng không bị oán gia, trái chủ, giặc cướp xâm hại.

[Ly bất dữ thủ nhi hành thí cố, thường phú tài bảo, vô năng xâm đoạt, tởi thắng vô tỷ, tất năng bị tập chư Phật Pháp tạng]. Bất dữ thủ tức là không trộm cắp, bao gồm cả việc không trốn thuế. Nếu dùng phương pháp kinh doanh hợp pháp để kiếm tiền làm việc bố thí sẽ chiêu cảm nên phước báo đại phú đại quý, của cải giàu có hơn hẳn người khác, đồng thời cũng sẽ giữ vững được sự giàu sang, không bị Chính quyền, giặc cướp, con bất hiếu, lũ lụt và hỏa hoạn làm xâm tổn.

[Ly phi phạm hạnh nhi hành thí cố, thường phú tài bảo, vô năng xâm đoạt, kỳ gia trinh thuận, mẫu cập thê tử, vô hữu năng dĩ dục tâm thị giả]. Phi phạm hạnh tức tà dâm, nếu rời xa tà dâm mà thực hành bố thí một mặt có thể bảo hộ được sự giàu có bền bỉ, không bị người chiếm đoạt, mặt khác có được gia đình bình an mỹ mãn, mọi việc như ý. Những người nữ trong gia đình sẽ không bị người khác dùng tâm tà vạy để chiếm hữu.

[Ly hư cuống ngữ nhi hành thí cố, thường phú tài bảo, vô năng xâm đoạt, ly chúng hủy báng, nhiếp trì chánh pháp, như kỳ thệ nguyện, sở tác tất quả]. Hư cuống ngữ tức vọng ngữ, nếu xa rời hư vọng, dùng những ngôn ngữ chân thật chánh đáng, không dùng thủ đoạn lừa gạt để có được tài sản chánh đáng rồi đem bố thí thì hiện đời không những giàu có mà còn có được danh tiếng, uy đức tốt đẹp, không ai có thể hủy báng được.

[Ly ly gián ngữ nhi hành thí cố, thường phú tài bảo, vô năng xâm đoạt, quyền thuộc hòa mục, đồng nhất chí lạc, hằng vô quai tránh]. Ly gián ngữ tức là những ngôn từ thị phi. Nếu dựa vào tri thức, năng lực của mình để kiếm tiền, xa rời sự thị phi mà tu tập bố thí, có thể chiêu cảm nên phước báo tài sản không ngừng tăng trưởng, không ai chiếm đoạt, lại có được gia đình êm ấm hòa thuận, đồng chí đồng hướng, không bao giờ có sự tranh chấp, bất ổn trong gia đình.

[Ly thô ác ngữ nhi hành thí cố, thường phú tài bảo, vô năng xâm đoạt, nhất thiết chúng hội hoan hỷ quy y, ngôn giai tín thọ, vô vi cự giả]. Thô ác ngữ tức là những lời nói thô bạo, cục cằn hung dữ, khiến người không vui. Nếu rời xa thô ác ngữ để tu tập bố thí thì không những duy trì được sự giàu sang mà còn có thể xây dựng nên uy tín, danh vọng trong quần chúng, được nhiều người tin tưởng quý mến.

[Ly vô nghĩa ngữ nhi hành thí cố, thường phú tài bảo, vô năng xâm đoạt, ngôn bất hư thiết, nhân giai kính thọ, năng thiện phương tiện, đoạn chư nghi hoặc]. Vô nghĩa ngữ tức ý ngữ, những lời nói xuất phát từ tâm nhiễm ô sẽ khiến người phiền não và cũng sẽ ảnh hưởng đến nội tâm của chính mình. Nếu xa rời ý ngữ mà thực hành bố thí thì sẽ chiêu cảm nên thiện báo giàu có, đồng thời cũng có được danh tiếng tốt đẹp, lời mình nói ra sẽ dễ dàng được người tiếp nhận và làm theo, ngoài ra cũng có được một năng lực và phương tiện giáo hóa tốt, có thể giải đáp được tất cả mọi nghi hoặc của người.

[Ly tham cầu tâm nhi hành thí cố, thường phú tài bảo, vô năng xâm đoạt, nhất thiết sở hữu, tất dĩ huệ xả, tín giải kiên cố, cụ đại oai lực]. Nếu dùng tâm không tham cầu để thực hành bố thí sẽ chiêu cảm nên phước báo tài sản không ngừng tăng trưởng. Bởi vì không có tâm tham nên tài sản có nhiều cũng không muốn tích trữ mà tiếp tục thực hành nghiệp bố thí rộng lớn

hơn, nên có thể làm cho phước báo và của cải ngày một tăng trưởng, tiếp nối từ đời này đến đời sau. Vì tin sâu vào đạo lý nhân quả nên lại càng làm cho thực lực kinh tế không ngừng lớn mạnh, uy tín trong xã hội cũng không ngừng được nâng cao.

[Ly phần nộ tâm nhi hành thí cố, thường phú tài bảo, vô năng xâm đoạt, tốc tự thành tựu vô ngại tâm trí, chư căn nghiêm hảo kiến giai kính ái]. Phần nộ tâm tức sân tâm. Nếu rời xa tâm sân hận mà thực hành bố thí sẽ chiêu cảm nên phước báo tài sản to lớn, đồng thời vì tâm địa nhu hòa tự tại vô ngại nên sẽ có được thiện phước tướng hảo trang nghiêm.

[Ly tà đảo tâm nhi hành thí cố, thường phú tài bảo, vô năng xâm đoạt, hằng sanh chánh kiến, kính tín chi gia, kiến Phật, văn pháp, cúng dường chúng tăng, thường bất vong thất đại Bồ-đề tâm]. Tà đảo tâm tức là những quan điểm sai lầm, tà kiến. Nếu xa rời tà kiến, đem nhận thức và phát tâm chánh trực để tu tập bố thí, không những chiêu cảm nên phước báo giàu có mà còn được sanh vào những gia đình có sự tín ngưỡng kiên thành đầy đủ chánh kiến. Chỉ có như vậy mới có đủ nhân duyên để thấy Phật, nghe Pháp và cúng dường chúng tăng, và cũng nhờ vậy mà phát tâm dũng mãnh trên con đường tu tập, đời đời kiếp kiếp không đánh mất Bồ Đề tâm.

[Thị vi đại sĩ tu Bồ-Tát đạo thời, hành Thập thiện nghiệp, dĩ thí trang nghiêm sở hoạch đại lợi]. Đại sĩ tức là Bồ Tát, người có thể thực hành trên cầu Phật đạo, hạ hóa chúng sinh. Bồ Tát trên lộ trình hành Bồ Tát đạo lấy thập thiện nghiệp để thực hành bố thí nên đạt được lợi ích to lớn.

Do vậy, có thể thấy rằng bất kể là thực hành Lục Độ, Tứ Nhiếp, Tứ Vô Lượng Tâm, ba mươi bảy phẩm trợ đạo đều không thể xa rời căn bản thập thiện. Có như vậy mới có được thiện báo vẹn toàn, đạt được cuộc sống mỹ mãn hạnh phúc.

---o0o---

II - Trì giới

[Nhu thị Long vương, cử yếu ngôn chi, hành thập thiện đạo, dĩ giới trang nghiêm cố, năng sanh nhất thiết Phật Pháp nghĩa lợi, mãn túc đại nguyện]. Trì giới là độ thứ hai trong Lục Độ, là con đường đạt đến giải thoát, cũng là căn bản quan trọng trong việc học Phật. Con đường tu học Phật Pháp không ngoài tam học là: giới, định, tuệ, cũng gọi là tam vô lậu học. Đó chính là ba pháp môn căn bản giải thoát phiền não. Trong đó lấy giới làm đầu, giới chia ra có Thanh Văn giới, Bồ Tát giới, giới cho người tại gia và giới của người xuất gia.

Thanh Văn giới bao gồm thất chúng biệt giải thuyết giới, thất chúng là Ưu bà tặc, Ưu bà di hai chúng tại gia và năm chúng xuất gia gồm Sa di, Sa di ni, Thức Xoa Ma Na Ni, Tỳ kheo, Tỳ kheo ni. Còn gọi là biệt giải thuyết giới hay biệt biệt giải thuyết, có nghĩa là giữ được một phần giới nào thì đắc được một phần giải thoát nấy. Tất cả các giới luật đều lấy ngũ giới làm căn bản. Khi giữ các điều giới thì đều có phân rõ tính quan trọng và nặng nhẹ, có thể sám hối và không thể sám hối. Đối với người cư sĩ tại gia, ngoài ngũ giới ra còn có bát quan trai giới để cho cư sĩ tại gia học hạnh xuất gia một ngày một đêm. Ngoài ra còn có Bồ Tát giới dành cho cả chúng xuất gia lẫn người tại gia.

---o0o---

III - Nhẫn nhục

[Nhẫn nhục trang nghiêm cố, đắc Phật viên âm, cụ chúng tướng hảo]. Nhẫn nhục là độ thứ ba trong Lục Độ. Nhẫn nhục là sự an nhiên tự tại trước những nghịch cảnh truy bức. Trong con mắt của nhiều người thường xem nhẫn nhục là biểu hiện của vô năng, nhu nhược, thậm chí cho rằng là không có khí phách. Nho gia có nói “Sĩ khả sát bất khả nhục”, tức là thà mất sinh mạng chứ không chịu mất sự tôn nghiêm, và cho rằng nhẫn nhục là làm mất đi sự tôn nghiêm ấy. Kỳ thực, người có đủ sức nhẫn nhục thì nhất định có đầy đủ một tấm lòng bao dung to lớn, đầy đủ một sức mạnh của nhân cách. Bởi vì có lòng bao dung mới có thể đối mặt với tất cả mọi điều khảo nghiệm, cũng giống như nước biển tiếp nhận hết thủy dòng nước của vạn sông. Có sức mạnh của nhẫn nhục nên mới có thể an nhiên tự tại trước mọi sự đả kích, giống như núi cao bất động trước gió thổi, mưa tuôn.

Nếu muốn thành tựu sự nghiệp thì phải bồi dưỡng được cho mình sức nhẫn nhục, nếu không rất khó thành tựu được đại nghiệp.

---o0o---

IV - Tinh tấn

[Tinh tấn trang nghiêm cố, năng phá ma oán, nhập Phật Pháp tạng]. Tinh tấn là độ thứ tư trong Lục Độ, chính là sự nỗ lực siêng năng không lười biếng. Trong cuộc sống, thành công không phải từ trên trời rơi xuống mà do nỗ lực mới có thể đạt thành. Muốn sự nghiệp học vấn được thành tựu thì phải nỗ lực học hành. Muốn sự nghiệp kinh doanh được thành tựu thì phải nỗ lực làm việc. Tất cả thành công đều phải có sự trả giá nhất định, huống gì là chúng ta muốn thành tựu sự nghiệp Phật Đà, cứu độ chúng sinh thì càng phải tinh tấn hơn nữa mới có thể đạt được mục đích.

Có phải tất cả mọi sự nỗ lực đều thuộc về phạm trù tinh tấn hay không? Không hẳn như vậy. Tinh tấn trong Phật Pháp có một nội hàm nhất định, đó chính là hành vi bỏ ác tu thiện.

[Tinh tấn trang nghiêm cố, năng phá ma oán, nhập Phật Pháp tạng]. Nếu tinh tấn nỗ lực trên cơ sở của thập thiện nghiệp thì có thể phá trừ được các loại ma chướng để thâm nhập vào Phật Pháp thâm diệu. Ma không chỉ là thiên ma ngoại đạo mà bao gồm cả phiền não ma, sanh tử ma.

---o0o---

V - Thiên định

[Định trang nghiêm cố, năng sanh niệm, tuệ, tầm, quý, khinh an]. Định tức là thiên định. Nhiều người sơ học thường đem thiên định và thiên tông nhập lại làm một. Thật ra thiên định thuộc về định học, còn thiên tông thuộc về tuệ học. Thiên định là điều có chung giữa Phật Pháp và ngoại đạo. Khi Phật còn tại thế, ở Ấn Độ nhiều ngoại đạo cũng tu tập thiên định. Ở Trung Quốc đạo gia lấy khí công để thực hành thiên tu. Định là một sự luyện tập đối với tâm, làm cho tâm chuyên chú vào một cảnh giới chính là chỉ. Chú tâm chuyên nhất như vậy lâu ngày chày tháng sẽ đạt được định. Phương pháp để đạt đến định còn có thể thông qua đọc kinh, niệm chú, niệm Phật hoặc quán sát hơi thở.

[Định trang nghiêm cố, năng sanh niệm, tuệ, tầm, quý, khinh an]. Thiên định là nội dung tu hành quan trọng của đạo Phật. Vì có cơ sở đầy đủ của định mới có thể khởi phát được chánh niệm về giữ vững chánh niệm ấy tương tục không gián đoạn nên mới khai phá được trí tuệ, đoạn trừ được phiền não và sanh tâm sám hối, làm cho thanh tâm được an vui hỉ lạc khinh an.

---o0o---

VI - Bát Nhã

[Tuệ trang nghiêm cố, năng đoạn nhất thiết phân biệt vọng kiến]. Bát Nhã là dịch âm của tiếng Phạn, có nghĩa là trí tuệ. Tuệ học là cốt lõi của Phật Pháp, cũng là điểm khác biệt giữa Phật giáo và các tôn giáo khác. Trên căn bản, thành Phật chính là thành tựu viên mãn về trí tuệ.

Trong tâm kinh đã nói: “Tam thế chư Phật y Bát Nhã ba la mật đa cố, đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề”. Tam thế tức là quá khứ, hiện tại, vị lai. Các đức Phật đều nương nơi Bát Nhã để thành tựu. Nếu rời xa trí tuệ Bát Nhã thì sẽ không thành tựu được Phật quả. Kinh Duy Ma Cật cũng nói: “Trí tuệ Bồ Tát mẫu, phương tiện dĩ vi phụ”. Chúng ta học Phật phải từ nơi việc văn tư kinh giáo bắt đầu, chính là việc xây dựng một nhân sinh quan chính

xác, từ đó khởi phát nên trí tuệ nội tại do trí tuệ mà có thể đoạn trừ được tất cả vọng kiến, đoạn trừ được nhận thức sai lầm và đoạn trừ được hết thảy mọi phiền não.

---o0o---

CHƯƠNG IX: TINH THẦN CỦA BỒ TÁT

[Từ trang nghiêm cố, u chư chúng sanh bất khởi não hại. Bi trang nghiêm cố, mẫn chư chúng sanh thường bất yểm xả. Hỷ trang nghiêm cố, kiến tu thiện giả tâm vô hiềm tặc. Xả trang nghiêm cố, u thuận vi cảnh vô ái nhuế tâm]. Đoạn kinh văn nói về Tứ vô lượng tâm, cũng chính là tinh thần của Bồ Tát giúp chúng ta bồi dưỡng tấm lòng từ bi tế thế, Người học Phật muốn thành tựu nhân cách viên mãn như chư Phật, thành tựu từ bi và trí tuệ như chư Phật đều phải bắt đầu từ con đường hành Bồ Tát đạo. Bắt đầu từ bình đẳng, tùy hỷ, bạc khổ, dữ lạc.

---o0o---

I - Từ vô lượng

[Từ trang nghiêm cố, u chư chúng sanh bất khởi não hại]. Từ vi dữ lạc là cho người niềm vui, bồi dưỡng tâm từ bi, đồng thời cũng giúp xa rời tâm não hại, không bao giờ móng niệm làm tổn hại đến người khác. Đối với tất cả chúng sinh, kể cả những người có thù nghịch với mình hay người đã từng hại mình đều bình đẳng không phân biệt, dùng lòng từ bi để đối đãi với họ. Đó chính là tinh thần “vô duyên đại từ” của Phật giáo. Vô duyên tức là không cần bất cứ điều kiện gì. Người đời khi giúp đỡ người khác thường đặt nhiều điều kiện để suy tính, họ có quan hệ với mình không, có cần đáng giúp đỡ không, có ảnh hưởng đến sự nghiệp của mình không, có đem đến phiền phức không, trong tâm lúc nào cũng khởi lên những tính toán trước khi thực hành việc giúp đỡ. Còn trong mắt của Bồ Tát thì tất cả chúng sinh đều bình đẳng, không phân biệt, chúng sinh với chúng sinh là bình đẳng, chúng sinh với bản thân mình cũng bình đẳng, không ai có tâm hại mình, không ai là chẳng nghĩ đến mình. Nếu chúng ta nhận thức được giữa người và mình không hai, giữa mình và chúng sinh không sai biệt thì tự nhiên sẽ nghĩ vì người khác nhiều hơn, tự nhiên sẽ cho người tất cả. Đó chính thật là từ tâm của Bồ Tát.

---o0o---

II - Bi vô lượng

[Bi trang nghiêm cố, mẫn chư chúng sanh thường bất yểm xả]. Bi vi bạc khổ, tức là giải cứu, bạc trừ những đau khổ cho chúng sinh. Vì tu tập

tâm bi vô lượng nên thường phát khởi tâm lân mẫn với tất cả chúng sinh mà không khởi tâm mệt mỏi. Tinh thần của Phật giáo là đồng thể đại bi. Đồng thể tức là xem chúng sinh và mình như một, biết đau với niềm đau và nỗi khổ của chúng sinh, cái người ta cần cũng chính là cái mà mình cần. Trong kinh Duy Ma Cát, có người hỏi cư sĩ Duy Ma Cát vì sao bị bệnh, Ngài đã trả lời: “Tất cả bệnh của chúng sinh là bệnh của ta. Khi chúng sinh hết bệnh, thời ta hết bệnh”. Cũng giống như người mẹ đối với con, dù cho đau khổ có lớn nhường nào cũng vẫn tình nguyện chịu khổ thay con, thậm chí có thể đem cả mạng sống của mình để đổi lấy mạng sống cho con.

Bồ Tát tu tập phải biết đem tình thương của mẹ đối với con phát triển đến vô lượng hết thảy chúng sinh. Cho nên không những chỉ đối với người thân mà còn mở rộng lòng từ bi của mình đến với tất cả những người dù là oán thù, thậm chí đối với tất cả những loài động vật côn trùng nhỏ nhất cũng vẫn khởi tâm vô duyên đại từ, đồng thể đại bi để thành tựu quá trình tu tập lòng từ bi quảng đại của Phật giáo.

---o0o---

III - Hỷ vô lượng

[Hỷ trang nghiêm cố, kiên tu thiện giả tâm vô hiềm tật]. Hỷ tức tùy hỷ, là sự tương phản với đố kỵ. Con người vì chấp ngã mà thường sanh tâm đố kỵ với sự thành đạt của người khác, do sự chướng ngại bởi lòng đố kỵ nên rất khó phát sinh từ nội tâm lòng tùy hỷ đối với người khác. Nhưng với việc tu tập hỷ vô lượng của Bồ Tát thì trong nội tâm phải phát xuất lòng hoan hỷ trước mọi thiện hạnh và với người thực hiện thiện hạnh ấy. Đó cũng chính là tiêu chí để kiểm định tâm hỷ vô lượng, khi nhìn thấy người khác tu thiện liền sanh tâm hoan hỷ hay khởi tâm ghen ghét đố kỵ. Chỉ cần mong khởi một tâm niệm không tùy hỷ dù là rất nhỏ, điều đó cũng chứng minh được rằng ta chưa thành tựu được tâm hạnh hỷ vô lượng.

Trình tự tu tập hỷ vô lượng cũng giống như trình tự tu tập bi vô lượng. Đầu tiên cũng phải bắt đầu với người thân của mình, sanh tâm hoan hỷ trước thành tựu của họ, chân thành tán thán cũng ví như cha mẹ hoan hỷ, tự hào trước thành tựu của con cái, rồi nhân rộng tâm tùy hỷ đó với nhiều người, kể cả người xa lạ với mình. Và cuối cùng là đến với người ghen ghét với mình cũng vẫn tán thán tùy hỷ trước thiện hạnh và thành tựu của họ, không chỉ bằng lời nói mà phải bằng cả nội tâm.

---o0o---

IV - Xả vô lượng

[Xả trang nghiêm cố, ư thuận vi cảnh vô ái nhuế tâm]. Xả tức bình đẳng, đối nghịch với sự phân biệt. Tu tập xả vô lượng phải có tâm bình đẳng giữa kẻ oán và người thân, không lấy tâm oán ghét mà dùng tâm bình đẳng để đối đãi với người thân kẻ sơ cùng thuận duyên và nghịch cảnh, rồi phát triển tâm thái đó đến tất cả mọi chúng sinh, tất cả mọi hoàn cảnh. Trong bốn vô lượng tâm, bình đẳng xả tâm rất quan trọng. Nếu đạt được xả tâm bình đẳng thì từ bi và hỷ vô lượng nhất định sẽ đạt được bởi vì chỉ cần chúng ta còn có sự phân biệt tốt xấu thì rất dễ từ bi với người này mà lại không từ bi được với kẻ khác, dễ tùy hỷ với một số đối tượng nào đó nhưng không thể tùy hỷ với một số người mà mình không muốn. Chỉ cần chúng ta từ bi với rất nhiều chúng sinh nhưng vẫn có một người không nằm trong phạm vi mà mình yêu thương thì hiển nhiên chúng ta sẽ không có được tâm hạnh vô lượng của chư Phật và Bồ Tát.

---o0o---

CHƯƠNG X: PHƯƠNG TIỆN ĐỂ NHIẾP HÓA CHÚNG SINH

[Tứ Nhiếp trang nghiêm cố, thường cần nhiếp hóa nhất thiết chúng sanh]. Đây là nói về mối quan hệ giữa thập thiện và Tứ Nhiếp. Tứ Nhiếp là bốn phương pháp để nhiếp hóa chúng sinh, gồm: bố thí, ái ngữ, đồng sự, lợi hành. Cũng giống như Lục Độ là các pháp môn phương tiện mà chư Bồ Tát thường dùng để độ hóa chúng sinh. Là người hành giả tu tập Bồ Tát đạo cần phải xây dựng uy tín tốt đẹp trong xã hội thì mới có thể có được một năng lực nhiếp thọ tương ứng, mới có thể độ hóa được càng nhiều chúng sinh.

Cho nên Đức Phật từ bi đã chỉ dạy bốn pháp môn nhiếp hóa làm chuẩn tắc xử lý công việc của người con Phật. Chỉ cần biết tuân thủ pháp môn Tứ Nhiếp thì bất luận là đối nhân xử thế hay kinh doanh hoặc làm chính trị nhất định càng nhiều thiện duyên, mọi việc càng thuận lợi. Bất kể đi đến chỗ nào, mọi người đều sanh tâm hoan hỷ thương mến. Có được cơ sở quần chúng tốt đẹp như vậy, đem Phật Pháp giới thiệu cho họ, tự nhiên sẽ đạt được hiệu quả bỏ được việc mà ít tốn công.

---o0o---

I - Bố thí

Cũng như Lục Độ, pháp môn Tứ Nhiếp lấy bố thí làm đầu. Từ đó thấy được, bố thí là một trong những phương pháp kết duyên với chúng sinh tốt nhất. Bố thí cũng giúp chúng ta bồi dưỡng tâm thích giúp người, tăng trưởng nên thói quen tốt đẹp là thích làm việc thí xả. Chỉ cần chúng ta dùng tâm thương xót thế gian thì sẽ dễ dàng phát hiện ra rằng ai ai cũng cần sự giúp

đỡ. Người nghèo cần sự giúp đỡ về vật chất, người cô đơn cần sự giúp đỡ về an ủi, người mất phương hướng cần sự giúp đỡ chỉ đạo tinh thần, người thất bại cần sự giúp đỡ động viên. Tất cả đều thuộc về phạm trù bố thí. Kì thực, trong xã hội ngày nay, mối quan hệ giữa người với người vì thiếu sót sự giao lưu nên ngày trở nên lạnh nhạt, bởi vậy ngoài nhu cầu về vật chất ra phần lớn con người trong xã hội hiện nay cần sự an ủi về tinh thần, cần sự tưới mát về tâm linh. Là người Phật tử, chúng ta phải lấy tình thương để quán sát và phát hiện ra những nhu cầu của người khác để tận sức giúp đỡ.

---o0o---

II - Ái ngữ

Ái ngữ là lời nói xuất phát từ tình thương, nó phải là chân thật, thanh tịnh, còn những lời nói xu nịnh hoặc lấy lòng người khác dù có là đường ngôn mật ngữ đi chăng nữa cũng không phải là ái ngữ bởi vì những lời nói đó xuất phát từ tâm ô nhiễm, không phải là sự chân thật. Càng quan trọng hơn, ái ngữ phải là lời nói đem đến lợi ích chân thật cho người khác, còn những lời nói làm cho đối phương dễ chịu hay ngọt bùi lổ tai nhưng không có lợi ích nào thì cũng không thuộc về ái ngữ.

---o0o---

III - Đồng sự

Đồng sự có hai tầng thứ nội hàm. Một là tích cực tham dự, khi người khác làm việc lợi ích nhân quần xã hội thì chúng ta phải chủ động tích cực tham dự, giúp đỡ hoặc ủng hộ. Hai là quan tâm, tức là phải lấy mình để nghĩ đến người khác chứ không phải áp đặt suy nghĩ hoặc quan điểm của mình cho người khác. Đặc biệt là những người làm cha làm mẹ cần phải hiểu được nghĩa lý này. Cũng vậy, có người mới học Phật cảm nhận được lợi ích của Phật Pháp rồi vội vã làm việc khắp nơi “hoằng pháp” mà không hề suy nghĩ đến trình độ hay tập quán tiếp thọ của đối phương, nhiều khi lại là phản tác dụng, thậm chí làm ảnh hưởng đến tâm hoan hỷ của người khác đối với Phật Pháp.

---o0o---

IV - Lợi hành

Lợi hành tức là làm bất cứ việc gì đều vì lợi ích của tha nhân. Thực hiện lợi hành cũng giống như pháp môn đồng sự, một mặt phải phát tâm vì lợi ích của người khác, mặt khác cũng phải có phương tiện thiện xảo vì lợi ích của người khác. Nếu như không có phát tâm vì lợi ích cho người thì dù có làm việc gì mà vô tình đem lại lợi ích cho người thì cũng không thuộc về

lợi hành. Còn nếu có sự phát tâm mà không có được phương tiện thiện xảo tương ứng thì cũng không thể đạt được hiệu quả lợi ích như mong muốn.

Pháp môn Tứ Nhiếp là thái độ xử thế cần phải có của Bồ Tát. Là người thực hành Bồ Tát đạo thì trong cuộc sống và công việc hằng ngày phải biết dùng pháp môn Tứ Nhiếp để rộng kết thiện duyên với chúng sinh, khiến cho mọi người đều sanh tâm hoan hỷ với mình, cam tâm tình nguyện nghe theo mình, tiếp nhận sự giáo hóa của mình, như vậy sẽ từ từ bồi dưỡng được năng lực độ hóa chúng sinh.

---o0o---

CHƯƠNG XI: PHÁP MÔN HƯỚNG ĐẾN GIẢI THOÁT

[Niệm xứ trang nghiêm cố, thiện năng tu tập Tứ niệm xứ quán. Chánh căn trang nghiêm cố, tất năng đoạn trừ nhất thiết bất thiện pháp, thành nhất thiết thiện pháp. Thần túc trang nghiêm cố, hằng linh thân tâm khinh an khoái lạc. Ngũ căn trang nghiêm cố, thâm tín kiên cố, tinh cần phỉ giải, thường vô mê vọng, tịch nhiên điều thuận đoạn chư phiền não. Lực trang nghiêm cố, chúng oán tận diệt, vô năng hoại giả. Giác chi trang nghiêm cố, thường thiện giác ngộ nhất thiết chư pháp. Chánh đạo trang nghiêm cố, đắc chánh trí tuệ, thường hiện tại tiền. Chỉ trang nghiêm cố, tất năng địch trừ nhất thiết kiết sử. Quán trang nghiêm cố, năng như thật chi chư pháp tự tánh. Phương tiện trang nghiêm cố, tốc đắc thành mãn vi vô vi lạc].

Đoạn kinh văn trên giới thiệu trên cơ sở của thập thiện tu tập ba mươi bảy phẩm trợ đạo, đồng thời cũng giới thiệu về chỉ quán và phương tiện. Ba mươi bảy phẩm trợ đạo còn gọi là ba mươi bảy Bồ Đề phần. Đạo mang ý nghĩa là năng thông, tức là ba mươi bảy loại tư lương có thể thông đạt đến Niết Bàn, thành tựu chánh nhân giải thoát. Gồm: Tứ Niệm Xứ, Tứ Chánh Cần, Tứ Như Ý Túc, Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Giác Tri và Bát Chánh Đạo. Cũng như Lục Độ và pháp môn Tứ Nhiếp, tu tập ba mươi bảy phẩm trợ đạo phải được thực hành trên cơ sở của thập thiện.

---o0o---

I - Tứ Niệm Xứ

[Niệm xứ trang nghiêm cố, thiện năng tu tập Tứ niệm xứ quán]. Niệm Xứ tức Tứ Niệm Xứ, còn gọi là Tứ Niệm Chú gồm Thân Niệm Xứ, Thọ Niệm Xứ, Tâm Niệm Xứ, Pháp Niệm Xứ. Là người hành giả thực hành con đường giải thoát phải nghĩ đến việc xuất ly tam giới, liễu thoát sinh tử. Đức Phật trước khi nhập Niết Bàn dạy chúng đệ tử phải an trú trong Tứ Niệm Xứ.

1. Quán thân bất tịnh. Phạm phu tuy có nhiều chấp trước, nhưng cái chấp trước nhiều nhất đó chính là thân thể. Nhiều người quần quật suốt đời cũng chỉ vì cái ăn cái mặc, nơi ở của sắc thân này, bận rộn cho việc bồi đắp sức khỏe và chỉnh sửa tấm thân. Người trẻ thì quan tâm đến việc mình phải đẹp hơn người, dùng hết tâm tưởng để tô điểm bản thân, người già thì quan tâm đến việc bình an mạnh khỏe, toàn tâm toàn lực để bảo hộ tấm thân. Nhưng ít người nghĩ đến tấm thân này tự chung là cái gì. Kì thực nó có đáng cho chúng ta phải lao tâm khổ trí cả đời để bồi dưỡng chăm chút và tham trước như vậy? Trong kinh nói “Cửu không thường lưu bất tịnh”. Trên thân thể chúng ta, chín lỗ thường bài tiết ra những chất dư thừa bất tịnh như các lỗ chân lông thường bài tiết mồ hôi, nếu không kịp thời tắm rửa thì khó có người chịu nổi. Một khi chết đi thì thân thể nhanh chóng mục rã bốc mùi hôi ứ, chỉ còn lại đồng xương khô nằm trong lòng đất. Nhưng người đời thường ít nghĩ đến sắc thân đã tương nên mới tham trước. Nếu nhìn thấu được bản chất của nó, hiểu rõ được “sắc thân bất tịnh bất khả ái lạc” thì tự nhiên sẽ bớt đi lòng tham trước.

2. Quán thọ thị khổ. Thọ tức là sự cảm thọ đối với hoàn cảnh. Nhiều người cho rằng sự cảm thọ của con người là có khổ có lạc. Khi chúng ta bị bệnh hoặc là tâm lí suy sụp thì tự nhiên sẽ là khổ thọ. Nhưng khi kim bång đề danh thì có phải là khổ thọ hay không? Nhìn bằng trí tuệ thấu triệt của Phật Pháp, bản chất của sự cảm thọ vốn là khổ. Khổ thọ vốn là khổ, nhưng lạc thọ Phật Pháp gọi là hoại khổ. Bởi vì không có niềm vui nào là vĩnh hằng bất biến, sự thật, khi bắt đầu của khoái lạc cũng là sự bắt đầu của thống khổ, vì khi khoái lạc mất đi, niềm thống khổ sẽ lập tức xuất hiện. Ví như khi đói được ăn cảm thấy vô cùng khoái lạc, nhưng khi ăn quá no thì niềm khoái lạc ấy lập tức sẽ chuyển thành thống khổ. Còn nếu bản chất của sự ăn uống vốn là khoái lạc thì đương nhiên phải càng ăn càng sung sướng mới đúng. Kì thật không phải như vậy. Cho nên bản chất của lạc thọ vốn không phải hoàn toàn là khoái lạc. Khoái lạc chỉ là tâm lí cân bằng khi đáp ứng đầy đủ được dục vọng nào đó, vốn không phải là một thực tại khoái lạc bất biến. Còn một loại cảm thọ phi khổ phi lạc chính là xả thọ. “Y xả thọ kiến lập hành khổ”, tức nỗi khổ của các pháp hữu vi biến dịch vô thường. Tóm lại, tất cả mọi cảm thọ đều là thống khổ, cũng vĩ như tất cả mọi sinh mạng đều đi đến điểm cuối cùng là sự tử vong.

3. Quán tâm vô thường. Tâm niệm của chúng ta là vô thường biến hóa khi niềm vui đến không phải vĩnh viễn khoái lạc. Khi đau khổ đến cũng không phải là đau khổ mãi mãi. Khi cảm xúc dâng trào, chưa chắc

sẽ được giữ mãi như vậy, khi tâm lí đau thương đến cũng chưa chắc sẽ duy trì bất biến mà tâm niệm luôn thay đổi bất định. Niệm niệm đều là vô thường, thời thời đều là biến huyễn. Nhận thức được bản chất vô thường của tâm niệm thì sẽ không chấp trước ở bất kì một cảm giác nào, sẽ không đặc ý với bất kì thuận cảnh nào và cũng không đau khổ tột cùng bởi vì một nghịch cảnh nào.

4. Quán pháp vô ngã. Pháp là chỉ cho hết thảy chư pháp của vũ trụ nhân sanh, ngã là chỉ cho một chủ thể bất biến độc tồn. Hết thảy chư pháp của vũ trụ, bao gồm cả tự thân chúng ta đều là do sự hòa hợp của các duyên mà thành, trong đó không có tồn tại một thực thể bất biến. Nhưng bởi vì chúng sinh điên đảo vô minh, vọng chấp có ngã, do vậy Đức Phật dạy các đệ tử phải quán sát vạn pháp vô ngã, từ đó có thể thoát khỏi sự tham trước vạn pháp thế gian.

Người đời vì thiếu sự hiểu biết chân chánh về nhân sanh vũ trụ dẫn đến quan điểm điên đảo về thường, lạc, ngã, tịnh. Đức Phật dạy về Tứ Niệm Xứ chính là giúp cho chúng ta đối trị với bốn quan điểm sai lạc, thông qua sự tu tập về quán thân bất tịnh, quán thọ thị khổ, quán tâm vô thường và quán pháp vô ngã mà giải thoát khỏi bốn nhận thức sai lầm về thường, lạc, ngã, tịnh mà phiền não khổ đau.

---o0o---

II - Tứ Chánh Cần

Cần là siêng năng, cần cù, tinh tấn. Chánh cần chính là sự tinh tấn, siêng năng, cần cù một cách chính đáng, có thể đối trị với lười biếng, giải đãi. Đối với người học Phật, siêng năng cần cù có nội hàm nhất định, đó chính là bỏ ác làm thiện. Tứ Chánh Cần còn gọi là Tứ Chánh Đoạn, hay Tứ Chánh Thắng.

1. Nỗ lực đoạn trừ điều ác đã phát sinh. Con người không phải là thánh hiền nên nhất định phải có lỗi lầm, nên phải biết tinh tấn sám hối, tích cực sửa đổi và nỗ lực không tái phát.

2. Điều ác chưa sanh, tích cực làm cho nó không phát sinh. Nghiêm trì giới luật, cẩn thủ uy nghi để xây dựng một hoàn cảnh sống tốt đẹp và hoàn cảnh tâm linh tốt đẹp, khiến cho các điều ác chưa sanh sẽ không phát sinh.

3. Nỗ lực làm cho các điều thiện chưa sanh được phát sinh. Thông qua văn tư kinh giáo, tùy giáo nhập quán, y theo giáo lý để thực hành làm cho các điều thiện pháp lần lần được sanh khởi.

4. Tinh tấn nỗ lực làm tăng trưởng các điều thiện đã phát sanh. Học Phật không những phải phát tâm mà còn phải biết phát tâm trường cửu, khiến cho các thiện pháp đã sinh càng thêm tăng trưởng và rộng lớn, kiên cố không thối chuyển.

[Chánh cần trang nghiêm cố, tất năng đoạn trừ nhất thiết bất thiện pháp, thành nhất thiết thiện pháp]. Thường tu Tứ Chánh Cần sẽ làm cho các điều ác được đoạn trừ và thành tựu tất cả các thiện pháp.

---o0o---

III - Tứ Thần Túc

Tứ Thần Túc còn gọi là Tứ Như Ý Túc, là dùng bốn loại định lực nhiếp tâm từ đó khởi phát thần thông khiến cho định tuệ được đầy đủ, sở nguyện được viên thành nên gọi là Như Ý. Tứ Thần Túc còn gọi là bốn nhân duyên thành tựu thiền định, bởi vì tu tập Tứ Thần Túc nên làm cho thân tâm luôn ở trong trạng thái khinh an khoái lạc.

1. Dục Như Ý Túc. Trong Phật Pháp, dục vọng có thiện, ác và vô kí, phát tâm hành thiện lợi tha là thiện pháp dục, chuẩn bị hành hung làm ác gọi là ác pháp dục, ý nghĩ không thiện không ác là vô kí dục. Tất cả mọi hành động đều do sự dẫn phát bởi nhu cầu tương ứng. Cũng vậy, tu tập thiền định cũng cần phải có những ý nguyện mãnh liệt về tu tập thiền định. Nếu trong tự tâm không phát sinh những nhu cầu ấy thì sẽ không tinh tấn tu thiền.

2. Cần Như Ý Túc. Cần Như Ý Túc tức tinh tấn không lười. Tu tập thiền định không phải tức khắc mà thành. Điều đầu tiên phải từ trong kinh giáo và thiện tri thức chỉ dẫn tìm ra điểm mâu chốt thực hành rồi từ đó kiên trì nỗ lực không ngừng.

3. Tâm Như Ý Túc. Tu tập thiền định tức là đào luyện sự chuyên chú của tâm, thông qua tu tập chỉ cột tâm một chỗ, đạt đến trạng thái tâm cảnh làm một.

4. Quán Như Ý Túc. Thông qua văn tự kinh giáo kiến lập chánh kiến trên cơ sở của chỉ để tư duy như lý như thực quán chiếu duyên cảnh, từ đó đạt đến tâm nhất cảnh tánh.

[Thần túc trang nghiêm cố, hằng linh thân tâm khinh an khoái lạc]. Trên cơ sở của thập thiện để tu tập Tứ Như Ý Túc sẽ giúp cho chúng ta luôn giữ được trạng thái nhẹ nhàng của thân tâm.

---o0o---

IV - Ngũ Căn

Căn là căn bản, gốc sâu thì cành lá mới sum suê. Tu tập cũng vậy. Tu tập Tứ Niệm Xứ làm cho chúng tử thiện được nảy mầm, nhưng nếu không có gốc rễ tốt để cung cấp nguồn dinh dưỡng thì hạt giống thiện không thể được nuôi lớn. Ngũ Căn tức là năm con đường khiến cho thiện pháp được phát triển. Đó cũng chính là năm sức mạnh hướng đến giải thoát.

1. Tín căn. Niềm tin không dao động, luôn kiên định đối với Tam Bảo, không hề hoài nghi. Niềm tin chính là mẹ của hết thảy công đức. Vì có tín ngưỡng nên mới có thể làm trưởng dưỡng tất cả mọi công đức.

2. Tinh tấn căn. Dưới sự chỉ đạo của chánh kiến và thiện tri thức, tìm ra được phương hướng tu tập chính xác, từ đó nỗ lực cần cầu không ngừng nghỉ.

3. Niệm căn. Dựa vào chánh kiến để xây dựng nên chánh niệm, giữ vững chánh niệm, làm cho nó trở thành sức mạnh chủ đạo của tâm linh, khiến cho vọng niệm không còn cơ hội, từ đó không bị sự chi phối của các tập khí và phiền não.

4. Định căn. Tức từ nơi chánh niệm mà phát sanh lên chánh định, khiến cho nội tâm được thanh tịnh, không ảnh hưởng bởi ngoại lực.

5. Tuệ căn. Trên cơ sở của định, y theo chánh kiến mà tư duy như lý và như thật chọn lựa các pháp.

[Ngũ căn trang nghiêm cố, thâm tín kiên cố, tinh cần phi giải, thường vô mê vọng, tịch nhiên điều thuận đoạn chur phiền não]. Trên cơ sở thập thiện tu tập Ngũ Căn giúp chúng ta kiên định niềm tin với Tam Bảo, trên con đường học Phật tinh cần không lười biếng, từ đó xa rời mê vọng, vọng tưởng, làm cho thân tâm được điều nhu, tịch tĩnh, cuối cùng đoạn trừ các loại phiền não.

---o0o---

V - Ngũ lực

Ngũ lực tức là năm loại sức mạnh, nội dung giống như Ngũ Căn, gồm Tín lực, Tinh tấn lực, Niệm lực, Định lực, Tuệ lực. Khi Ngũ Căn kiên cố bất thối sẽ sanh ra sức mạnh rất lớn. Cũng có thể nói khi Ngũ Căn tu tập đến một trình độ nhất định thì có thể chuyển hóa thành năm loại động lực để hàng phục phiền não vọng tưởng. Tín lực là do Tín căn tăng trưởng mà thành, có thể bạt trừ mọi tà kiến mê tín. Tinh tấn lực là do Tinh tấn căn tăng trưởng mà thành, có thể bạt trừ giải đãi thối chuyển. Niệm lực là do Niệm căn tăng trưởng mà thành, có thể bạt trừ tà niệm và vọng tưởng. Định lực là do Định

căn tăng trưởng mà thành, có thể bậc trừ hôn trầm và trạo cử. Tuệ lực là do Tuệ căn tăng trưởng mà thành, có thể bậc trừ vô minh và mê hoặc.

[Lực trang nghiêm cố, chúng oán tận diệt, vô năng hoại giả]. Trên cơ sở thập thiện để tu tập Ngũ Lực có thể bậc trừ những chướng ngại và sự cản trở trong quá trình tu tập.

---o0o---

VI - Thất Giác Tri

Thất Giác Tri còn gọi là Thất Bồ Đề Phạt.

- 1.** Niệm Giác Tri. Nương theo chánh kiến mà tu tập chánh niệm là chỗ y cứ sanh khởi giác ngộ.
- 2.** Trạch Pháp Giác Tri. Như lý tư duy các pháp, như thực quán chiếu thực tướng các pháp là tự thể của Giác.
- 3.** Tinh Tấn Giác Tri. Nương theo Giác Tri thực tướng của các pháp mà kiến lập tinh tấn. Trong tinh tấn niệm niệm tương ưng với Giác, niệm niệm giải trừ phàm phu tâm.
- 4.** Hỷ Giác Tri. Do nơi tâm tương ưng với thực tướng của pháp mà sanh khởi hỷ duyệt.
- 5.** Khinh An Giác Tri. Thân tâm xa rời sự ô nhiễm để tiến đến trạng thái thanh tịnh an tường.
- 6.** Định Giác Tri. Viễn ly hôn trầm trạo cử và giữ tâm một chỗ.
- 7.** Niệm Giác Tri. Tâm không thiên vị, bất thủ bất xả, duy trì sự căn bản.

[Giác chi trang nghiêm cố, thường thiện giác ngộ nhất thiết chư pháp]. Trên cơ sở thập thiện để tu tập Thất Giác Tri có thể phát khởi được trí tuệ vô lậu, khế nhập không tánh.

---o0o---

VII - Bát chánh đạo

Bát Chánh Đạo là con đường trung đạo bất nhị hướng đến giải thoát.

- 1.** Chánh kiến. Như thật quán chiếu chân thật của vũ trụ nhân sanh.
- 2.** Chánh tư duy. Nương theo chánh kiến như lý tư duy các pháp để xây dựng nên chí hướng chính xác của nhân sanh.

3. Chánh ngữ. Nói chân thật ngữ, lợi tha ngữ, không nói hư vọng ngữ.

4. Chánh nghiệp. Giữ gìn thân, khẩu, ý ba nghiệp thanh tịnh, làm cho ngôn hạnh như pháp như luật.

5. Chánh mạng. Chọn lựa những nghề nghiệp phù hợp với pháp luật và giới luật không làm điều phạm pháp và trái với giới luật.

6. Chánh tinh tấn. Theo sự dẫn dắt của chánh kiến mà tinh tấn đoạn trừ hành vi ác, tu tập điều thiện.

7. Chánh niệm. Theo chánh kiến của Phật Pháp như lý tư duy đem tâm an trú nơi thiện duyên thiện cảnh.

8. Chánh định. Trong thiện duyên thiện cảnh tiếp tục an trú, không trầm không trạo, tâm nhất cảnh tánh.

[Chánh đạo trang nghiêm cố, đắc chánh trí tuệ, thường hiện tại tiền]. Trên cơ sở thập thiện mà tu tập Bát Chánh Đạo sẽ làm cho chúng ta thành tựu viên mãn Bát Nhã trí tuệ.

---o0o---

VIII - Chỉ quán

[Chỉ trang nghiêm cố, tất năng dịch trừ nhất thiết kiết sử]. Chỉ là tên gọi khác của thiền định, tức là chỉ tức vọng niệm, làm cho tâm chuyên chú vào một cảnh. Kiết sử là tên khác của phiền não, phiền não có thể ràng buộc thân tâm, kết thành khổ quả, nên gọi là kiết, cũng có thể làm cho chúng sinh trầm溺 trong biển khổ sanh tử, nên gọi là sử. Trên cơ sở thập thiện nghiệp mà tu chỉ có thể chấm dứt được vọng tưởng, hàng phục được phiền não, nhưng nếu giải quyết vấn đề một cách triệt để không thể chỉ dựa vào “chỉ” là đủ, mà còn cần sự trợ giúp từ sức mạnh của “quán”.

[Quán trang nghiêm cố, năng như thật chi chư pháp tự tánh]. Quán tức như thực quán chiếu chư pháp. Trên cơ sở thập thiện nghiệp để tu tập chánh quán sẽ làm cho phát khởi trí tuệ Bát Nhã, thông đạt được thực tướng vũ trụ nhân sanh.

---o0o---

IX - Phương tiện

Phương tiện là căn cứ vào căn cơ và phương thức tiếp thọ không đồng của chúng sinh mà diễn hóa ra các phương pháp.

[Phương tiện trang nghiêm cố, tốc đắc thành mãn vi vô vi lạc]. Vi tức là các pháp hữu vi của thế gian. Vô vi là chỉ cho các pháp vô vi của xuất thế gian. Trên cơ sở của thập thiện nghiệp tu tập pháp môn phương tiện thì có thể nhanh chóng thành tựu hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian. Phương tiện tức là căn cứ vào căn cơ và phương thức tiếp thọ không đồng của chúng sinh mà diễn hóa ra các loại phương pháp, là phương tiện để tiếp dẫn chúng sinh của Bồ Tát. trong quá trình tu tập Phật Pháp ngoài việc chứng đắc căn bản trí ra còn phải thành tựu phương tiện trí. Phương tiện trí còn gọi là quyền trí, tức là hiểu rõ căn cơ của chúng sinh. Nếu không có thiện xảo thì rất khó hòa nhập với chúng sinh. Nếu như pháp không đối cơ thì rất khó thực hành sự nghiệp lợi ích hết thảy hữu tình.

---o0o---

CHƯƠNG XII: TỔNG KẾT

[Long vương đương tri; thử thập thiện nghiệp, nãi chí năng linh thập lục, vô úy, thập bát bát cộng, nhất thiết Phật Pháp, giai đắc viên mãn, thị cố nữ đẳng ưng cầu tu học.

Long Vương, thí như nhất thiết thành ấp tu lạc, giai y đại địa nhi đắc an trụ, Nhất thiết dược thảo hủy mộc tùng lâm, diệc giai y địa, nhi đắc sanh trưởng. thử thập thiện đạo, diệc phục như thị. Nhất thiết nhân thiên, y chi nhi lập, nhất thiết Thanh Văn, Độc giác, Bồ Đề chư Bồ Tát hạnh, nhất thiết Phật Pháp hàm cộng y thử thập thiện đại địa, nhi đắc thành tựu.

Phật thuyết thử kinh dĩ, Ta Kiệt La Long Vương cập chư đại chúng, nhất thiết thế gian thiên như A Tu La đẳng, giai đại hoan hỷ tín thọ phụng hành]

Đoạn kinh đã tổng kết lợi ích thù thắng của việc tu tập thiện nghiệp đạo.

[Long Vương đương tri: thử thập thiện nghiệp, nãi chí năng linh thập lục, vô úy, thập bát bát cộng, nhất thiết Phật Pháp, giai đắc viên mãn, thị cố nữ đẳng, ưng cầu tu học]

Thập lục: chỉ mười năng lực hiểu biết siêu nhiên mười trí đặc biệt của một vị Phật, thập lục gồm:

1. 知是處非處智力 [Tri thị xứ phi xứ trí lục] Biết rõ tính khả thi và tính bất khả thi trong mọi trường hợp.
2. 知三世業報智力 [Tri tam thế nghiệp báo trí lục] Biết rõ luật nhân quả, quả báo, nghiệp nào tạo quả nào.

3. 知一切所道智力 [Tri nhất thiết sở đạo trí lực] Biết rõ nguyên nhân nào dẫn đến con đường tái sinh nào.

4. 知種種界智力 [Tri chủng chủng giới trí lực] Biết rõ các thế giới với những yếu tố thành lập của chúng.

5. 知種種解智力 [Tri chủng chủng giải trí lực] Biết rõ cá tính của chúng sanh.

6. 知一切衆生心性智力 [Tri nhất thiết chúng sanh tâm tính trí lực] Biết rõ căn cơ học đạo cao thấp của mọi chúng sanh.

7. 知諸禪解脫三昧智力 [Tri chư thiền giải thoát tam muội trí lực] Biết rõ tất cả các cảnh thiền định.

8. 知宿命無漏智力 [Tri túc mạng vô lậu trí lực] Biết rõ các tiền kiếp của chính mình

9. 知天眼無礙智力 [Tri thiên nhãn vô ngại trí lực] Biết rõ sự tiêu hủy và tái xuất của chúng sanh.

10. 知永斷習氣智力 [Tri vĩnh đoạn tập khí trí lực] Biết các lậu hoặc sẽ chấm dứt như thế nào.

Vô úy. Bốn điều tự tín không sợ hãi của Phật thể hiện lúc thuyết pháp gồm:

1. Chư pháp hiện đẳng giải vô úy: Đối với tất cả các pháp, Phật đều rõ biết một cách tường tận, còn gọi là nhất thiết trí vô úy.

2. Lâu vĩnh tận vô úy: còn gọi là lậu tận vô úy. Phật đã dứt sạch hết tất cả mọi phiền não, không có sự sợ hãi từ các nạn bên ngoài.

3. Thuyết chướng pháp vô úy: còn gọi là thuyết chướng đạo vô úy, không sợ hại khi nói những pháp chướng ngại sự tu tập

4. Thuyết xuất đạo vô úy: Phật chỉ bày con đường giải thoát ly sanh tử, chỉ bày phương pháp tu tập để thoát ly khổ đau còn gọi là thuyết tận khổ đạo vô úy.

Thập bát bất cộng pháp là 18 công đức chỉ riêng Phật mới có (Thịnh văn, duyên giác, Bồ tát không có nên gọi bất cộng)

1. Thân vô thất (Thân không lỗi)

2. Khẩu vô thất (Miệng không lỗi)

3. Niệm vô thất (Ý không lỗi)
4. Vô dị tướng (Không có tướng khác)
5. Vô bất định tâm (Không có tâm không định)
6. Vô bất tri dĩ xả (Không phải không biết chuyện đã bỏ)
7. Dục vô diệt (Sự dục không diệt)
8. Tinh tấn vô diệt (Sự tinh tấn không diệt)
9. Niệm vô diệt (Ý tưởng không diệt)
10. Huệ vô diệt (Trí tuệ không diệt)
11. Giải thoát vô diệt (Giải thoát không diệt)
12. Giải thoát tri kiến vô diệt (Giải thoát tri kiến không diệt)
13. Nhất thiết thân nghiệp tùy trí tuệ hành hết thủy nghiệp của thân tùy theo trí tuệ mà thi hạnh
14. Nhất thiết khẩu nghiệp tùy trí tuệ hành
15. Nhất thiết ý nghiệp tùy trí tuệ hành
16. Trí tuệ tri quá khứ thế vô ngại: Trí tuệ biết đời quá khứ không ngại
17. Trí tuệ tri vị lai thế vô ngại
18. Trí tuệ tri hiện tại thế vô ngại

Đức Phật bảo Long Vương không được xem thường thập thiện nghiệp đạo, lấy đó làm cơ sở có thể làm cho thập lực, tứ vô úy, thập bát bất cộng tất cả chư Phật đều được thành tựu. Do vậy người học Phật càng phải biết xem trọng, cẩn thận tu học, tinh cần thực hiện.

[Long Vương! Thí như nhất thiết thành ấp tu lạc, giai y đại địa nhi đắc an trụ, Nhất thiết dục thảo hủy mộc tùng lâm, diệt giai y địa nhi đắc sanh trưởng. Thử thập thiện đạo, diệt phục như thị]. Tiếp theo, đức Phật dùng ví dụ để chứng minh cho Long Vương thấy tính quan trọng của thập thiện nghiệp đạo giống như thành thị, hương thôn phải được an lập nơi đại địa, cũng như tất cả cây cỏ đều nhờ thổ nhưỡng mới được sanh trưởng, tất cả mọi công đức mà chư Phật, Thành hiền thành tựu được đều không thể rời căn bản nơi thập thiện nghiệp mà có được.

[Nhất thiết nhân thiên y chi nhi lập, nhất thiết thanh văn, độc giác, Bồ đề, chư Bồ tát hạnh, nhất thiết Phật Pháp, hàm cộng y thử thập thiện đại địa, nhi

đắc thành tựu]. Như trước đã nói, tu ngũ giới thập thiện, vị lai mới có thể được sanh thiên như. Ngoài ra quả vị chứng đắc của tam thừa hiền thánh Thanh Văn, Độc Giác, Bồ Tát cho đến thành tựu Phật quả đều không rời cơ sở thập thiện nghiệp cũng như vạn vật sanh trưởng đều không thể rời khỏi đất. Thập thiện nghiệp chính là thổ nhượng để nhất thiết Phật Pháp nảy mầm, sanh trưởng, kết quả trở hoa.

Nếu xa lìa thập thiện nghiệp để tu hành được thành tựu thì như xây lâu các trong hư không không hợp thực tế. Cũng như trồng cây, dục tốc bất đạt, Thập Thiện nghiệp là lộ trình phải đi của người tu học Phật Pháp cũng là tư tưởng không thể thiếu để thành tựu tam thừa thánh quả, tác dụng không thể tính kể được.

[Phật thuyết thứ kinh dĩ, Ta Kiệt La Long Vương cập chủ đại chúng, nhất thiết thế gian thiên, như, A Tu La đấng, giai đại hoan hỷ, tín thọ phụng hành]. Phật thuyết kinh này xong tham dự pháp hội gồm Long Vương, chư Bồ tát, chư đại tỷ kheo, thiên, như, A Tu La đều theo căn cơ của mình mà được lợi ích từ đó có được pháp hỷ xung mãn và biểu lộ tâm nguyện Y giáo phụng hành, nỗ lực thực hiện thập thiện nghiệp đạo.

---o0o---

PHẦN CHÁNH VĂN

佛說十善業道經

唐于闐三藏法師實叉難陀譯

如是我聞。一時，佛在娑竭羅龍宮，與八千大比丘眾、三萬二千菩薩摩訶薩俱。爾時，世尊告龍王言。一切眾生，心想異故，造業亦異，由是故有諸趣輪轉。龍王，汝見此會及大海中，形色種類，各別不耶？如是一切，靡不由心，造善不善，身業語業意業所致。而心無色，不可見取，但是虛妄，諸法集起，畢竟無主，無我我所。雖各隨業，所現不同，而實於中，無有作者，故一切法皆不思議。自性如幻，智者知已，應修善業，以是所生蘊處界等，皆悉端正，見者無厭。

龍王，汝觀佛身，從百千億福德所生，諸相莊嚴，光明顯曜，蔽諸大眾，設無量億自在梵王，悉不復現，其有瞻仰如來身者，莫不目眩。汝又觀此諸大菩薩，妙色嚴淨，一切皆由修習善業福德而生。又諸天

龍八部眾等大威勢者，亦因善業福德所生。今大海中所有眾生，形色麤鄙，或大或小，皆由自心種種想念，作身語意諸不善業，是故隨業，各自受報。汝今當應如是修學，亦令眾生了達因果，修習善業。汝當於此，正見不動，勿復墮在斷常見中，於諸福田，歡喜敬養，是故汝等，亦得人天尊敬供養。龍王，當知菩薩有一法，能斷一切諸惡道苦。何等為一？謂於晝夜，常念思惟觀察善法，令諸善法念念增長，不容毫分不善間雜，是即能令諸惡永斷，善法圓滿，常得親近諸佛菩薩及餘聖眾。言善法者，謂人天身、聲聞菩提、獨覺菩提、無上菩提，皆依此法，以為根本，而得成就，故名善法。此法即是十善業道。何等為十？謂能永離殺生、偷盜、邪行、妄語、兩舌、惡口、綺語、貪欲、瞋恚、邪見。

龍王，若離殺生，即得成就十離惱法。何等為十？一、於諸眾生，普施無畏。二、常於眾生，起大慈心。三、永斷一切瞋恚習氣。四、身常無病。五、壽命長遠。六、恒為非人之所守護。七、常無惡夢，寢覺快樂。八、滅除怨結，眾怨自解。九、無惡道怖。十、命終生天。是為十。若能迴向阿耨多羅三藐三菩提者，後成佛時，得佛隨心自在壽命。

復次龍王。若離偷盜，即得十種可保信法。何等為十？一者、資財盈積，王賊水火及非愛子，不能散滅。二、多人愛念。三、人不欺負。四、十方讚美。五、不憂損害。六、善名流布。七、處眾無畏。八、財命色力安樂，辯才具足無缺。九、常懷施意。十、命終生天。是為十。若能迴向阿耨多羅三藐三菩提者，後成佛時，得證清淨大菩提智。

復次龍王。若離邪行，即得四種智所讚法。何等為四？一、諸根調順

。二、永離諠掉。三、世所稱歎。四、妻莫能侵。是為四。若能迴向阿耨多羅三藐三菩提者，後成佛時，得佛丈夫隱密藏相。

復次龍王。若離妄語，即得八種天所讚法。何等為八？一、口常清淨，優鉢華香。二、為諸世間之所信伏。三、發言成證，人天敬愛。四、常以愛語，安慰眾生。五、得勝意樂，三業清淨。六、言無誤失，心常歡喜。七、發言尊重，人天奉行。八、智慧殊勝，無能制伏。是為八。若能迴向阿耨多羅三藐三菩提者，後成佛時，即得如來真實語。

復次龍王。若離兩舌，即得五種不可壞法。何等為五？一、得不壞身，無能害故。二、得不壞眷屬，無能破故。三、得不壞信，順本業故。四、得不壞法行，所修堅固故。五、得不壞善知識，不誑惑故。是為五。若能迴向阿耨多羅三藐三菩提者，後成佛時，得正眷屬，諸魔外道不能沮壞。

復次龍王。若離惡口，即得成就八種淨業。何等為八？一、言不乖度。二、言皆利益。三、言必契理。四、言詞美妙。五、言可承領。六、言則信用。七、言無可譏。八、言盡愛樂。是為八。若能迴向阿耨多羅三藐三菩提者，後成佛時，具足如來梵音聲相。

復次龍王。若離綺語，即得成就三種決定。何等為三？一、定為智人所愛。二、定能以智，如實答問。三、定於人天，威德最勝，無有虛妄。是為三。若能迴向阿耨多羅三藐三菩提者，後成佛時，即得如來諸所授記，皆不唐捐。

復次龍王。若離貪欲，即得成就五種自在。何等為五？一、三業自在

，諸根具足故。二、財物自在，一切怨賊不能奪故。三、福德自在，隨心所欲，物皆備故。四、王位自在，珍奇妙物，皆奉獻故。五、所獲之物，過本所求百倍殊勝，由於昔時不慳嫉故。是為五。若能迴向阿耨多羅三藐三菩提者，後成佛時，三界特尊，皆共敬養。

復次龍王。若離瞋恚，即得八種喜悅心法。何等為八？一、無損惱心。二、無瞋恚心。三、無諍訟心。四、柔和質直心。五、得聖者慈心。六、常作利益，安眾生心。七、身相端嚴，眾共尊敬。八、以和忍故，速生梵世。是為八。若能迴向阿耨多羅三藐三菩提者，後成佛時，得無礙心，觀者無厭。

復次龍王。若離邪見，即得成就十功德法。何等為十？一、得真善意樂、真善等侶。二、深信因果，寧殞身命，終不作惡。三、惟歸依佛，非餘天等。四、直心正見，永離一切吉凶疑網。五、常生人天，不更惡道。六、無量福慧，轉轉增勝。七、永離邪道，行於聖道。八、不起身見，捨諸惡業。九、住無礙見。十、不墮諸難。是為十。若能迴向阿耨多羅三藐三菩提者，後成佛時，速證一切佛法，成就自在神通。

爾時，世尊復告龍王言。若有菩薩，依此善業，於修道時，能離殺害，而行施故，常富財寶，無能侵奪，長壽無夭，不為一切怨賊損害。離不與取，而行施故，常富財寶，無能侵奪，最勝無比，悉能備集諸佛法藏。離非梵行，而行施故，常富財寶，無能侵奪，其家直順，母及妻子，無有能以欲心視者。離虛誑語，而行施故，常富財寶，無能侵奪，離眾毀謗，攝持正法，如其誓願，所作必果。離離間語，而行施故，常富財寶，無能侵奪，眷屬和睦，同一志樂，恒無乖諍。離麤惡語，而行施故，常富財寶，無能侵奪，一切眾會，歡喜歸依，言皆

信受，無違拒者。離無義語，而行施故，常富財寶，無能侵奪，言不虛設，人皆敬受，能善方便，斷諸疑惑。

離貪求心，而行施故，常富財寶，無能侵奪，一切所有，悉以慧捨，信解堅固，具大威力。離忿怒心，而行施故，常富財寶，無能侵奪，速自成就，無礙心智，諸根嚴好，見皆敬愛。離邪倒心，而行施故，常富財寶，無能侵奪，恒生正見敬信之家，見佛聞法，供養眾僧，常不忘失大菩提心。是為大士修菩薩道時，行十善業，以施莊嚴，所獲大利如是。

龍王，舉要言之，行十善道，以戒莊嚴故，能生一切佛法義利，滿足大願。忍辱莊嚴故，得佛圓音，具眾相好。精進莊嚴故，能破魔怨，入佛法藏。定莊嚴故，能生念慧慚愧輕安。慧莊嚴故，能斷一切分別妄見。

慈莊嚴故，於諸眾生，不起惱害。悲莊嚴故，愍諸眾生，常不厭捨。喜莊嚴故，見修善者，心無嫌嫉。捨莊嚴故，於順違境，無愛恚心。

四攝莊嚴故，常勤攝化一切眾生。

念處莊嚴故，善能修習四念處觀。正勤莊嚴故，悉能斷除一切不善法，成一切善法。神足莊嚴故，恒令身心輕安快樂。五根莊嚴故，深信堅固，精勤匪懈，常無迷忘，寂然調順，斷諸煩惱。力莊嚴故，眾怨盡滅，無能壞者。覺支莊嚴故，常善覺悟一切諸法。正道莊嚴故，得正智慧常現在前。

正(止)莊嚴故，悉能滌除一切結使。觀莊嚴故，能如實知，諸法自性。

方便莊嚴故，速得成滿，為無為樂。

龍王，當知此十善業，乃至能令十力、無畏、十八不共、一切佛法，皆得圓滿，是故汝等應勤修學。

龍王，譬如一切城邑聚落，皆依大地而得安住，一切藥草卉木叢林，亦皆依地而得生長。此十善道，亦復如是。一切人天，依之而立，一切聲聞獨覺菩提、諸菩薩行、一切佛法，咸共依此十善大地，而得成就。佛說此經已，娑竭羅龍王及諸大眾、一切世間天人阿修羅等，皆大歡喜，信受奉行。

(佛說十善業道經

經文摘自《乾隆大藏經》第六十七冊、七九五頁。)

---o0o---

PHẢN DỊCH ÂM

Như thị ngã văn: Nhất thời Phật tại Ta-Kiệt-La Long cung, dữ bát thiên đại Tỳ-Kheo chúng, tam vạn nhị thiên Bồ-Tát Ma-HaTát câu.

Nhĩ thời Thế Tôn cáo Long vương ngôn: Nhất thiết chúng sanh tâm tưởng dị cố, tạo nghiệp diệc dị, do thị cố hữu chư thú luân chuyển.

Long vương! Nhữ kiến thử hội cập đại hải trung, hình sắc chủng loại các biệt phủ da? Như thị nhất thiết mị bất do tâm, tạo thiện bất thiện, thân nghiệp, ngữ nghiệp, ý nghiệp sở trí.

Nhi tâm vô sắc, bất khả kiến thử, đản thị hư vọng, chư pháp tập khởi, tất cánh vô chủ, vô ngã ngã sở. Tuy các tùy nghiệp sở hiện bất đồng, nhi thật ư trung vô hữu tác giả. Cố nhất thiết pháp giai bất tư nghi, tự tánh như huyễn. Trí giả tri dĩ, ưng tu thiện nghiệp, dĩ thị sở sanh, uân, xứ, giới đẳng, giai tất đoan chánh, kiến giả vô yểm.

Long vương! Nhữ quán Phật thân, từng bá thiên ức phước đức sở sanh, chư tướng trang nghiêm, quang minh hiển diệu, tế chư đại chúng, thiết vô lượng ức tự tại Phạm vương, tất bất phục hiện, kỳ hữu chiêm ngưỡng Như Lai thân giả, khởi bất mục huyễn.

Nhữ hựu quán thử chư đại Bồ-Tát, diệp sắc nghiêm tịnh, nhất thiết giai do tu tập thiện nghiệp phước đức nhi sanh. Hựu chư thiên long bát bộ chúng đấng, đại oai thế giả, diệp nhân thiện nghiệp phước đức sở sanh.

Kim đại hải trung, sở hữu chúng sanh, hình sắc thô bỉ, hoặc đại hoặc tiểu, giai do tự tâm chủng chủng tướng niệm tác thân ngữ ý chư bất thiện nghiệp, thị cố tùy nghiệp, các tự thọ báo.

Nhữ kim thường ưng như thị tu học, diệp linh chúng sanh liễu đạt nhân quả, tu tập thiện nghiệp. Nhữ đương nhân thử chánh kiên bất động, vật phục đọa tại đoạn thường kiến trung! Ư chư phước điền hoan hỷ kính dưỡng, thị cố nhữ đấng diệp đắc nhân thiên tôn kính cúng dường.

Long vương đương tri: Bồ-Tát hữu nhất pháp, năng đoạn nhất thiết chư ác đạo khổ. Hà đấng vi nhất? Vị ư trú dạ thường niệm tư duy quán sát thiện pháp, linh chư thiện pháp niệm niệm tăng trưởng, bất dung hào phân bất thiện gián tạp, thị tức năng linh chư ác vĩnh đoạn, thiện pháp viên mãn, thường đắc thân cận chư Phật, Bồ-Tát cập dư Thánh chúng.

Ngôn thiện pháp giả, vị nhân thiên thân, Thanh văn Bồ-đề, Độc giác Bồ-đề, Vô thượng Bồ-đề, giai y thử pháp, dĩ vi căn bản, nhi đắc thành tựu, cố danh thiện pháp.

Thử pháp tức thị Thập thiện nghiệp đạo. Hà đấng vi thập? Vị năng vĩnh ly sát sanh, thù đạo, tà hạnh, vọng ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu, y ngữ, tham dục, sân nhuế, tà kiến.

Long vương! Nhược ly sát sanh, tức đắc thành tựu thập ly não pháp. Hà đấng vi thập?

Nhất : Ư chư chúng sanh phổ thí vô úy.

Nhị : Thường ư chúng sanh khởi đại từ tâm.

Tam : Vĩnh đoạn nhất thiết sân nhuế tập khí.

Tứ : Thân thường vô bệnh.

Ngũ : Thọ mạng trường viên.

Lục : Hằng vi phi nhân chi sở thủ hộ.

Thất : Thường vô ác mộng, tâm giác khoái lạc.

Bát : Diệt trừ oán kết, chúng oán tự giải.

Cửu : Vô ác đạo bố.

Thập : Mạng chung sanh thiên.

Thị vi thập. Nhược năng hồi hương A-nậu đa-la Tam- miệu Tam-bồ-đề giả, hậu thành Phật thời, đắc Phật tùy tâm tự tại thọ mạng.

Phục thứ Long vương, nhược ly thân đạo, tức đắc thập chủng khả bảo tín pháp. Hà đẳng vi thập?

Nhất : Tư tài doanh tích, vương tặc, thủy hỏa, cập phi ái tư, bất năng tán diệt.

Nhị : Đa nhân ái niệm.

Tam : Nhân bất khi phụ.

Tứ : Thập phương tán mỹ.

Ngũ : Bất ưu tổn hại.

Lục : Thiện danh lưu bố.

Thất : Xử chúng vô úy.

Bát : Tài, mạng, sắc, lực an lạc, biện tài cụ túc vô khuyết.

Cửu : Thường hoài thí ý.

Thập : Mạng chung sanh thiên.

Thị vi thập. Nhược năng hồi hương A-nậu đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề giả, hậu thành Phật thời, đắc chứng thanh tịnh đại bồ-đề trí.

Phục thứ Long-vương, nhược ly tà hạnh, tức đắc tứ chủng trí sở tán pháp. Hà đẳng vi tứ?

Nhất : Chư căn điều thuận.

Nhị : Vĩnh ly huyên tạp.

Tam : Thế sở xung tán.

Tứ : Thê mạc năng xâm.

Thị vi tứ. Nhược năng hồi hương A-nậu đa-la Tammiệu Tam bồ-đề giả, hậu thành Phật thời, đắc Phật trọng phước mật tạng tướng.

Phục thứ Long vương, nhược ly vọng ngữ, tức đắc bát chủng thiên sở tán pháp. Hà đẳng vi bát?

Nhất : Khâu thường thanh tịnh Ưu-bát hoa hương.

Nhị : Vi chư thế gian chi sở tín phục.

Tam : Phát ngôn thành chứng, nhân thiên kính ái.

Tứ : Thường dĩ ái ngữ an ủi chúng sanh.

Ngũ : Đắc thắng ý lạc, tam nghiệp thanh tịnh.

Lục : Ngôn vô ngộ thất, tâm thường hoan hỷ.

Thất : Phát ngôn tôn trọng, nhân thiên phụng hành.

Bát : Trí tuệ thù thắng vô năng chế phục.

Thị vi bát. Nhược năng hồi hướng A-nậu đa-la Tam-miệu Tam bồ-đề giả, hậu thành Phật thời, tức đắc Như Lai chân thật ngữ.

Phục thứ Long vương, nhược ly lưỡng thiệt, tức đắc ngũ chủng bát khả hoại pháp. Hà đẳng vi ngũ?

Nhất : Đắc bất hoại thân, vô năng hại cố. Nhị : Đắc bất hoại quyền thuộc, vô năng phá cố. Tam : Đắc bất hoại tín, thuận bốn nghiệp cố. Tứ : Đắc bất hoại pháp hạnh, sở tu kiên cố cố. Ngũ : Đắc bất hoại thiện tri thức, bất cưỡng hoặc cố.

Thị vi ngũ. Nhược năng hồi hướng A-nậu đa-la Tam-miệu Tam bồ-đề giả, hậu thành Phật thời, đắc chánh quyền thuộc, chư ma ngoại đạo, bất năng trở hoại.

Phục thứ Long vương, nhược ly ác khẩu, tức đắc thành tựu bát chủng tịnh nghiệp. Hà đẳng vi bát?

Nhất : Ngôn bất quai độ.

Nhị : Ngôn giai lợi ích.

Tam : Ngôn tất khế lý.

Tứ : Ngôn từ mỹ diệu.

Ngũ : Ngôn khả thừa lãnh.

Lục : Ngôn tắc tín dụng.

Thất : Ngôn vô khả cơ.

Bát : Ngôn tận ái lạc.

Thị vi bát. Nhược năng hồi hướng A-nậu đa-la Tam-miệu Tam bồ-đề giả, hậu thành Phật thời, cụ túc Như Lai Phạm âm thanh tướng.

Phục thứ Long vương, nhược ly ngữ tức đắc thành tựu tam chủng quyết định. Hà đẳng vi tam?

Nhất : Định vi trí nhân sở ái.

Nhị : Định năng dĩ trí như thật đáp vấn.

Tam : Định ư nhân thiên oai đức tối thắng, vô hữu hư vọng.

Thị vi tam. Nhược năng hồi hướng A-nậu đa-la Tam-miệu Tam bồ-đề giả, hậu thành Phật thời, đắc Như Lai sở thọ ký giai bất đường quyên.

Phục thứ Long vương, nhược ly tham dục, tức đắc thành tựu ngũ chủng tự tại. Hà đẳng vi ngũ?

Nhất : Tam nghiệp tự tại, chư căn cụ túc cố.

Nhị : Tài vật tự tại, nhất thiết oán tặc bất đoạt cố.

Tam : Phước đức tự tại, tùy tâm sở dục vật giai bị cố.

Tứ : Vương vị tự tại, trần kỳ diệu vật giai phụng hiến cố.

Ngũ : Sở hoạch chi vật, quá bốn sở cầu, bá bội thù thắng, do ư tích thời, bất xan tật cố.

Thị vi ngũ. Nhược năng hồi hướng A-nậu đa-la Tam-miệu Tam bồ-đề giả, hậu thành Phật thời, tam giới đặc tôn, giai cộng kính dưỡng.

Phục thứ Long vương, nhược ly sân nhuế, tức đắc bát chủng hỷ duyệt tâm pháp. Hà đẳng vi bát?

Nhất : Vô tổn não tâm.

Nhị : Vô sân nhuế tâm.

Tam : Vô tranh tụng tâm.

Tứ : Nhu hòa chất trực tâm.

Ngũ : Đắc Thánh giả từ tâm.

Lục : Thường tác lợi ích an chúng sanh tâm.

Thất : Thân tướng đoan nghiêm chúng cộng tôn kính.

Bát : Dĩ hòa nhẫn cố, tốc sanh Phạm thế.

Thị vi bát. Nhược năng hồi hướng A-nậu đa-la Tam-miệu Tam bồ-đề giả, hậu thành Phật thời, đắc Phật vô ngại tâm, quán giả vô yểm.

Phục thứ Long vương, nhược ly tà kiến, tức đắc thành tựu thập công đức pháp. Hà đẳng vi thập?

Nhất : Đắc chân thiện ý lạc, chân thiện đẳng lữ.

Nhị : Thâm tín nhân quả, ninh quyên thân mạng, chung bất tác ác.

Tam : Duy quy y Phật, phi dư thiên đẳng.

Tứ : Trực tâm chánh kiến, vĩnh ly nhất thiết kiết hung nghi võng.

Ngũ : Thường sanh nhân thiên bất cánh ác đạo.

Lục : Vô lượng phước tuệ, chuyển chuyển tăng thắng.

Thất : Vĩnh ly tà đạo, hành ư Thánh đạo.

Bát : Bất khởi thân kiến, xả chư ác nghiệp.

Cửu : Trú vô ngại kiến.

Thập : Bất đọa chư nạn.

Thị vi thập. Nhược năng hồi hướng A-nậu đa-la Tam-miệu Tam bồ-đề giả, hậu thành Phật thời, tốc chứng nhất thiết Phật Pháp, thành tựu tự tại thần thông.

Nhĩ thời Thế Tôn phục cáo Long vương ngôn:

Nhược hữu Bồ-Tát y thủ thiện nghiệp, ư tu đạo thời, năng ly sát hại nhi hành bố thí cố. Thường phú tài bảo, vô năng xâm đoạt, trường thọ vô yếu, bất vi nhất thiết oán tặc tổn hại.

Ly bất dữ thủ nhi hành thí cố, thường phú tài bảo, vô năng xâm đoạt, tối thắng vô tỷ, tất năng bị tập chư Phật Pháp tạng.

Ly phi phạm hạnh nhi hành thí cố, thường phú tài bảo, vô năng xâm đoạt, kỳ gia trình thuận, mẫu cập thê tử, vô hữu năng dĩ dục tâm thị giả

Ly hư cuống ngữ nhi hành thí cố, thường phú tài bảo, vô năng xâm đoạt, ly chúng hủy báng, nhiếp trì chánh pháp, như kỳ thế nguyện, sở tác tất quả.

Ly ly gián ngữ nhi hành thí cố, thường phú tài bảo, vô năng xâm đoạt, quyền thuộc hòa mục, đồng nhất chí lạc, hằng vô quai tránh.

Ly thô ác ngữ nhi hành thí cố, thường phú tài bảo, vô năng xâm đoạt, nhất thiết chúng hội hoan hỷ quy y, ngôn giai tín thọ, vô vi cự giả.

Ly vô nghĩa ngữ nhi hành thí cố, thường phú tài bảo, vô năng xâm đoạt, ngôn bất hư thiết, nhân giai kính thọ, năng thiện phương tiện, đoạn chư nghi hoặc.

Ly tham cầu tâm nhi hành thí cố, thường phú tài bảo, vô năng xâm đoạt, nhất thiết sở hữu, tất dĩ huệ xả, tín giải kiên cố, cụ đại oai lực.

Ly phần nộ tâm nhi hành thí cố, thường phú tài bảo, vô năng xâm đoạt, tốc tự thành tựu vô ngại tâm trí, chư căn nghiêm hảo kiến giai kính ái.

Ly tà đảo tâm nhi hành thí cố, thường phú tài bảo, vô năng xâm đoạt, hằng sanh chánh kiến, kính tín chi gia, kiên Phật, văn pháp, cúng dường chúng tăng, thường bất vong thất đại Bồ-đề tâm.

Thị vi đại sĩ tu Bồ-Tát đạo thời, hành Thập thiện nghiệp, dĩ thí trang nghiêm sở hoạch đại lợi.

Như thị Long vương, cử yếu ngôn chi, hành Thập thiện đạo, dĩ giới trang nghiêm cố, năng sanh nhất thiết Phật Pháp nghĩa lợi, mãn túc đại nguyện.

Nhẫn nhục trang nghiêm cố, đắc Phật viên âm, cụ chúng tướng hảo.

Tinh tấn trang nghiêm cố, năng phá ma oán, nhập Phật pháp tạng. Định trang nghiêm cố, năng sanh niệm, tuệ, tầm, quý, khinh an. Tuệ trang nghiêm cố, năng đoạn nhất thiết phân biệt vọng kiến. Từ trang nghiêm cố, u chư chúng sanh bất khởi não hại. Bi trang nghiêm cố, mãn chư chúng sanh thường bất yếm xả. Hỷ trang nghiêm cố, kiến tu thiện giả tâm vô hiềm tặc. Xả trang nghiêm cố, u thuận vi cảnh vô ái nhuế tâm.

Tứ nhiếp trang nghiêm cố, thường cần nhiếp hóa nhất thiết chúng sanh. Niệm xứ trang nghiêm cố, thiện năng tu tập Tứ niệm xứ quán. Chánh cần trang nghiêm cố, tất năng đoạn trừ nhất thiết bất thiện pháp, thành nhất thiết thiện pháp.

Thần túc trang nghiêm cố, hằng linh thân tâm khinh an khoái lạc. Ngũ căn trang nghiêm cố, thâm tín kiên cố, tinh cần phi giải, thường vô mê vọng, tịch nhiên điều thuận đoạn chư phiền não.

Lực trang nghiêm cố, chúng oán tận diệt, vô năng hoại giả. Giác chi trang nghiêm cố, thường thiện giác ngộ nhất thiết chư pháp.

Chánh đạo trang nghiêm cố, đắc chánh trí tuệ, thường hiện tại tiền. Chỉ trang nghiêm cố, tất năng địch trừ nhất thiết kiết sử. Quán trang nghiêm cố, năng như thật chi chư pháp tự tánh. Phương tiện trang nghiêm cố, tốc đắc thành mãn vi vô vi lạc.

Long vương đương tri, thử Thập thiện nghiệp, nãi chí năng linh Thập lực tứ vô úy, Thập bát bát cộng nhất thiết Phật Pháp, giai đắc viên mãn. Thị cố nữ đẳng ưng cần tu học.

Long vương! Thí như nhất thiết thành ấp tụ lạc giai y đại địa nhi đắc an trụ, nhất thiết được thảo hủy mộc tùng lâm, diệc y địa nhi đắc sanh trưởng. Thử Thập thiện đạo, diệc phục như thị. Nhất thiết nhân thiên y chi nhi lập, nhất thiết Thanh văn, Độc giác bồ-đề, chư Bồ-Tát hạnh, nhất thiết Phật Pháp, hàm cộng y thử Thập thiện đại địa nhi đắc thành tựu.

Phật thuyết thử kinh dĩ, Ta-Kiệt-La Long vương cập chư đại chúng nhất thiết thế gian, thiên, nhân, a-tu-la đẳng, giai đại hoan hỷ tín thọ phụng hành.

PHẢN DỊCH NGHĨA

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ngụ ở cung điện của Long vương Ta-kiệt-la, cùng với chúng đại Tỳ-kheo tám ngàn vị và ba vạn hai ngàn Đại Bồ-tát đều vân tập đến đông đủ.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Long vương:

- Vì tâm tướng của tất cả chúng sinh sai khác nên tạo nghiệp cũng khác nhau. Do vậy, cho nên có sự lưu chuyển trong các đường.

Này Long vương! Ông có thấy các thứ hình sắc chủng loại đều khác nhau ở trong hội này và trong biển cả chăng? Tất cả như vậy đều do tâm tạo ra nghiệp của thân, nghiệp của miệng, nghiệp của ý hoặc thiện hoặc ác mà thành. Nhưng tâm thì không có hình sắc, chẳng có thể nhận thấy được, chỉ là hư vọng, do các pháp tập hợp lại mà phát sinh, hoàn toàn không có chủ thể, không có ngã và ngã sở đều tùy theo nghiệp nên hiện ra khác nhau, nhưng thật sự trong đó không có chủ thể tạo tác. Do vậy, tất cả các pháp đều chẳng thể nghĩ bàn, tự tánh như huyễn.

Người có trí tuệ biết như vậy phải nên tu tập nghiệp lành. Do vậy, nên sinh ra các uẩn, xứ, giới, thảy đều đẹp đẽ, người nhìn không nhàm chán.

Này Long vương! Ông hãy nhìn sắc thân của Như Lai! Thân này do trăm ngàn ức phước đức sinh ra. Các tướng trang nghiêm, ánh sáng chiếu rọi rõ che khắp các đại chúng. Dù cho vô lượng ức ánh sáng của trời Tự tại và Phạm vương cũng chẳng hiện rõ ra được. Người nào chiêm ngưỡng thân ấy của Như Lai cũng đều chói mắt.

Ông lại nhìn hình sắc vi diệu trang nghiêm thanh tịnh của các Đại Bồ-tát này. Tất cả đều do phước đức tu tập nghiệp thiện mà sinh ra.

Lại nữa, tám bộ chúng trời, rồng... có oai lực lớn cũng do phước đức nghiệp lành sinh ra. Nay có các hình sắc xấu xí, hoặc lớn hoặc nhỏ của các chúng sinh trong biển cả đều do đủ loại tư tưởng của tự tâm, thân miệng ý tạo ra các nghiệp bất thiện. Vì thế, nên tùy theo nghiệp mà đều tự nhận lấy kết quả. Nay ông phải nên tu học như vậy, cũng làm cho chúng sinh thấu tỏ nguyên lý nhân quả, cùng nhau tu tập nghiệp thiện.

Đối với điều ấy, ông nên chánh kiến bất động, chớ để rơi vào nẻo đoạn kiến hay thường kiến. Đối với các ruộng phước nên hoan hỷ cúng dường. Do vậy, các ông cũng được người và trời tôn kính, cúng dường.

Này Long vương! Ông nên biết Bồ-tát có một pháp để có thể cắt đứt sự khổ trong tất cả các đường ác. Pháp ấy là gì? Nghĩa là suốt ngày đêm thường nhớ

ngĩ, tư duy quán xét pháp lành, làm cho các pháp lành tăng lên trong mỗi ý nghĩ, chẳng cho chút nghiệp ác nào xen vào.

Đây có thể làm cho các ác dứt hẳn, pháp thiện tròn đầy, thường được gần gũi chư Phật, Bồ-tát cùng các Thánh chúng khác. Gọi là pháp lành ấy tức các hàng trời, người, Bồ-tát Thanh văn, Bồ-đề Độc giác, Bồ-đề Phật-đà. Tất cả đều nương nơi pháp này làm căn bản mà được thành tựu, cho nên gọi là pháp lành. Pháp này chính là mười nghiệp thiện. Những gì là mười nghiệp thiện? Đó là hoàn toàn xa lìa sát sinh, trộm cắp, tà hạnh, nói dối, nói hai chiều, nói lời thô ác, nói lời thêu dệt, tham dục, giận dữ và tà kiến.

Này Long vương! Nếu xa lìa sát sinh thì liền được thành tựu mười pháp xa lìa phiền não. Những gì là mười pháp?

1. Đối với các chúng sinh ban cho sự không sợ hãi.
2. Thường khởi tâm Từ rộng lớn đối với chúng sinh.
3. Dứt hẳn tập khí giận dữ.
4. Thân thể thường không bệnh tật.
5. Mạng sống lâu dài.
6. Thường được loài phi nhân bảo vệ.
7. Thường không có mộng ác, ngủ hay thức đều yên vui.
8. Diệt trừ thù oán trời buộc, các thù oán tự giải tỏa.
9. Không sợ hãi về đường ác.
10. Khi chết được sinh lên cõi trời.

Đó là mười pháp. Nếu đem hồi hướng lên quả vị Bồ-đề vô thượng thì sau khi thành Phật, sẽ được mạng sống tự tại theo tâm của Phật.

Lại nữa, này Long vương! Nếu xa lìa trộm cắp thì được mười pháp đáng tin cậy. Những gì là mười pháp?

1. Tài sản dồi dào, vua, giặc, nước, lửa, con hư, không thể hủy hoại.
2. Nhiều người thương mến.
3. Không ai lừa gạt.
4. Mười phương tán thán.
5. Chẳng lo sợ tổn hại.

6. Tiếng tốt lan khắp.
7. Ở trong chúng không khiếp sợ.
8. Cửa cải, mạng sống, sắc đẹp, sức khỏe yên vui, đầy đủ biện tài không khiếm khuyết.
9. Thường mang tâm bố thí.
10. Khi chết được sinh lên cõi trời.

Đây là mười pháp. Nếu đem hồi hướng lên quả vị Bồ-đề vô thượng thì sau khi thành Phật tất chúng được Bồ-đề rộng lớn thanh tịnh.

Lại nữa, này Long vương! Nếu xa lìa hạnh tà thì đạt bốn loại pháp được người trí khen ngợi. Những gì là bốn pháp?

1. Các căn điều hòa.
2. Dứt hẳn sự loạn động.
3. Được thể gian khen ngợi.
4. Vợ không thể bị xâm phạm.

Đó là bốn pháp. Nếu có thể đem hồi hướng lên quả vị Bồ-đề vô thượng thì sau khi thành Phật sẽ được tướng trượng phu, tạng bí mật của Phật.

Lại nữa, này Long vương! Nếu xa lìa lời nói dối thì liền đạt tám loại pháp được chư Thiên khen ngợi. Những gì là tám pháp?

1. Miệng thường sạch sẽ với mùi thơm của hoa sen xanh.
2. Được người đời tin phục.
3. Lời nói ra luôn có chứng cứ, được hàng trời, người kính mến.
4. Thường đem lời ái ngữ an ủi mọi người.
5. Được tâm an vui thù thắng, ba nghiệp thanh tịnh.
6. Lời nói không làm lỗi, tâm thường vui vẻ.
7. Nói năng trang trọng, hàng trời, người phụng hành.
8. Trí tuệ thù thắng, không ai chế ngự được.

Đây là tám pháp, nếu đem hồi hướng lên quả vị Bồ-đề vô thượng thì sau khi thành Phật, sẽ được lời nói chân thật của Như Lai.

Lại nữa, này Long vương! Nếu xa lìa lời nói hai chiều thì liền được năm loại pháp chẳng thể hư hoại. Những gì là năm pháp?

1. Được thân bất hoại vì không ai hại được.
2. Được quyền thuộc bất hoại vì không ai phá được.
3. Được tín tâm bất hoại vì thuận theo nghiệp đã có.
4. Được pháp hạnh bất hoại vì sự tu tập kiên cố.
5. Được Thiện tri thức bất hoại vì không hề lừa dối.

Đây là năm pháp, nếu có thể đem hồi hướng lên quả vị Bồ-đề vô thượng thì sau khi thành Phật, được quyền thuộc chân chánh, các ma, ngoại đạo chẳng thể phá hoại.

Lại nữa, này Long vương! Nếu xa lìa lời nói thô ác thì liền thành tựu được tám việc làm trong sáng. Những gì là tám việc?

1. Nói năng luôn chừng mực.
2. Nói ra đều lợi ích.
3. Nói điều chắc chắn hợp lý.
4. Nói lời hay ho.
5. Nói ra người khéo có thể tiếp nhận được.
6. Lời nói luôn được tin theo.
7. Lời nói không ai có thể chê trách.
8. Nói ra người rất ưa thích.

Đây là tám việc, nếu có thể đem hồi hướng lên quả vị Bồ-đề vô thượng thì sau khi thành Phật, sẽ được tướng của tiếng Phạm âm nơi Như Lai.

Lại nữa, này Long vương! Nếu xa lìa lời nói thô dật thì liền thành tựu được ba pháp chắc chắn. Những gì là ba pháp?

1. Chắc chắn được bậc trí thương mến.
2. Chắc chắn có thể dùng trí tuệ giải đáp mọi câu hỏi đúng sự thật.
3. Chắc chắn có được oai đức hơn hết, không hư dối đối với hàng trời, người.

Đây là ba pháp, nếu có thể đem hồi hướng lên quả vị Bồ-đề vô thượng thì sau khi thành Phật, sẽ đạt các chỗ được thọ ký của Như Lai luôn đích thật.

Lại nữa, này Long vương! Nếu xa lìa tham dục thì thành tựu được năm pháp tự tại. Những gì là năm?

1. Ba nghiệp tự tại vì các căn đầy đủ.
2. Cửa cải tự tại vì những kẻ oán tặc không thể chiếm đoạt.
3. Phước đức tự tại vì tùy theo ý muốn của mình mọi của cải đều có đầy đủ.
4. Ngôi vua tự tại vì những vật quý lạ đều được phụng hiến.
5. Cửa cải có được hơn cả năm lần mong ước vì do xưa kia đã không bòn sẻn, ganh ghét.

Đây là năm pháp, nếu có thể đem hồi hướng lên quả vị Bồ-đề vô thượng thì sau khi thành Phật sẽ được ngôi vị đặc biệt tôn quý trong ba cõi, mọi người đều cung kính, cúng dường.

Lại nữa, này Long vương! Nếu xa lìa giận dữ thì tâm liền đạt được tám pháp vui vẻ. Những gì là tám pháp?

1. Tâm không bị phiền não tổn hại.
2. Tâm không giận dữ.
3. Không có tâm tranh chấp.
4. Tâm nhu hòa, ngay thẳng.
5. Đạt được tâm Từ của bậc Thánh.
6. Tâm thường đem lại lợi ích, an vui cho chúng sinh.
7. Thân tướng đẹp đẽ, trang nghiêm, mọi người đều tôn kính.
8. Vì từ hòa, nhẫn nhục nên sớm được sinh lên cõi trời Phạm thiên.

Đây là tám pháp, nếu có thể hồi hướng đến quả vị Bồ-đề vô thượng thì sau khi thành Phật, sẽ được tâm vô ngại, người nhìn thấy không nhầm chán.

Lại nữa, này Long vương! Nếu xa lìa tà kiến thì liền thành tựu được mười pháp công đức. Những gì là mười pháp?

1. Được tâm ý ưa thích chân thật, bạn bè cũng chân thật.
2. Tin tưởng sâu xa vào nhân quả, nên thà chết chứ không làm việc ác.
3. Chỉ quy y Phật, chẳng theo vị trời nào khác.
4. Tâm chánh kiến, ngay thẳng, dứt hẳn tất cả lưới nghi về lý số tốt xấu.

5. Thường được sinh trong hàng trời, người chẳng còn rơi vào đường ác.
6. Vô lượng phước đức và trí tuệ dần dần tăng thêm.
7. Hoàn toàn xa lìa nẻo tà, đi theo con đường của bậc Thánh.
8. Không dấy khởi thân kiến, xả bỏ các nghiệp ác.
9. An trụ trong sự nhận biết không chướng ngại.
10. Chẳng rơi vào các hoạn nạn.

Đây là mười pháp, nếu có thể đem hồi hướng đến quả vị Bồ-đề vô thượng, thì sau khi thành Phật sẽ sớm đạt được pháp của tất cả Phật, thành tựu thân thông tự tại.

- Nếu Bồ-tát nào nương theo nghiệp thiện này thì trong lúc tu đạo, do có thể xa lìa sự sát sinh mà thực hành bố thí nên thường được của báu, giàu sang, không ai có thể chiếm đoạt được, sống lâu không chết yểu, chẳng bị tất cả kẻ oán thù làm tổn hại.

Do xa lìa việc trộm cướp mà thực hành bố thí, nên thường được của báu, giàu sang, không ai có thể chiếm đoạt được, có thể chứa nhóm đầy đủ tạng pháp của chư Phật hơn hết không ai sánh bằng.

Do xa lìa việc làm tà mà thực hành bố thí, nên thường được của báu, giàu sang, không ai có thể chiếm đoạt được, gia đình trinh thuận, mẹ và vợ con, không ai có thể nhìn ngắm họ bằng tâm dâm dục.

Do xa lìa lời nói dối trá mà thực hành bố thí, nên thường được của báu, giàu sang, không ai có thể chiếm đoạt được, xa lìa các sự hủy báng, giữ gìn chánh pháp, làm gì cũng chắc chắn, đạt được kết quả giống như nguyện ước.

Vì xa lìa lời nói ly gián mà thực hành bố thí, nên thường được của báu, giàu sang, không ai có thể chiếm đoạt, quyến thuộc hòa thuận, cùng một chí hướng, thường vui vẻ không chống trái, tranh chấp.

Vì xa lìa lời nói thô ác mà thường thực hành bố thí nên thường được của báu, giàu sang, không ai có thể chiếm đoạt, tất cả chúng hội đều vui vẻ quy ngưỡng, nói ra điều gì cũng được tin tưởng, tiếp nhận, không ai chống cự.

Do xa lìa lời nói vô nghĩa mà thực hành bố thí nên thường được của báu, giàu sang, không ai có thể chiếm đoạt, lời nói luôn không dối gạt, mọi người đều kính trọng, tiếp nhận, có thể dùng phương tiện khéo léo để dứt hẳn các sự nghi ngờ lầm lạc.

Do xa lìa tâm tham muốn mà thực hành bố thí nên thường được của báu, giàu sang, không ai có thể chiếm đoạt, có tất cả vật gì cũng đều đem bố thí, xả bỏ, có sự tin hiểu vững chắc, đầy đủ oai lực lớn.

Vì xa lìa tâm giận dữ mà thực hành bố thí, nên thường được của báu, giàu sang, không ai có thể chiếm đoạt, sớm tự thành tựu tâm trí vô ngại, các căn trang nghiêm, đẹp đẽ, ai thấy cũng kính mến.

Vì xa lìa tâm tà kiến điên đảo mà thực hành bố thí, nên thường có được của báu, giàu sang, không ai có thể chiếm đoạt, luôn được sinh vào trong nhà chánh kiến và chánh tín, gặp Phật, nghe pháp, cúng dường chúng Tăng, thường không quên tâm đại Bồ-đề.

Đó là lúc tu đạo Bồ-tát, Đại sĩ thực hành mười nghiệp thiện, bằng việc bố thí trang nghiêm mà được lợi ích lớn như vậy.

Này Long vương! Lấy phần cốt yếu mà nói, làm mười nghiệp thiện mà dùng giới để trang nghiêm thì có năng lực sinh khởi tất cả lợi ích chân thật trong Phật Pháp, đầy đủ nguyện rộng lớn.

Vì trang nghiêm bằng Nhẫn nhục, nên được âm thanh viên mãn của Phật, đầy đủ các tướng tốt.

Vì trang nghiêm bằng Tinh tấn nên có thể phá trừ ma oán, nhập vào tạng pháp của Phật.

Vì trang nghiêm bằng Thiền định nên có thể sinh khởi niệm, tuệ, hỷ thẹn và khinh an.

Vì trang nghiêm bằng Trí tuệ nên có thể dứt hẳn tất cả vọng kiến phân biệt.

Vì trang nghiêm bằng tâm Từ nên đối với các chúng sinh chẳng khởi phiền não, làm hại.

Vì trang nghiêm bằng tâm Bi nên thương yêu các chúng sinh, thường chẳng nhàm chán xả bỏ.

Vì trang nghiêm bằng tâm Hỷ nên thấy người tu tập nghiệp thiện tâm không ganh ghét.

Vì trang nghiêm bằng tâm xả nên đối với cảnh thuận hay nghịch tâm không yêu thích hoặc bực tức. Vì trang nghiêm bằng bốn Nhiếp pháp nên luôn siêng năng giáo hóa tất cả chúng sinh.

Vì trang nghiêm bằng bốn Niệm xứ nên khéo có thể tu tập pháp quán bốn Niệm xứ.

Vì trang nghiêm bằng bốn Chánh cần nên đều có thể đoạn trừ tất cả pháp bất thiện, thành tựu tất cả pháp thiện.

Vì trang nghiêm bằng bốn Thần túc, nên thường làm cho thân tâm nhẹ nhàng, thư thái.

Vì trang nghiêm bằng năm Căn nên lòng tin vững chắc sâu xa, siêng năng chẳng biếng trễ, thường không mê mờ, vọng động, luôn tĩnh lặng, thuận hòa dứt các phiền não.

Vì trang nghiêm bằng năm Lực nên mọi thứ thù địch đều diệt hết, không ai có thể phá hoại được.

Vì trang nghiêm bằng bảy Giác chi nên thường khéo giác ngộ tất cả các pháp.

Vì trang nghiêm bằng tám Thánh đạo nên đạt được trí tuệ chân chánh, luôn hiện ra ở trước.

Vì trang nghiêm bằng pháp Chỉ nên có năng lực trừ bỏ tất cả kết sử.

Vì trang nghiêm bằng pháp Quán nên có thể nhận biết tự tánh của các pháp đúng như thật.

Vì trang nghiêm bằng Phương tiện nên sớm thành tựu đầy đủ cái vui của hữu vi và cái vui của vô vi.

Này Long vương, ông nên biết mười nghiệp thiện này hoàn toàn có đủ năng lực làm cho mười Trí lực, bốn Vô sở úy, mười tám pháp Bất cộng và tất cả pháp Phật đều được viên mãn. Vì thế, nên các ông phải nên siêng năng tu học.

Này Long vương! Ví như tất cả thành ấp, xóm làng đều nương nơi mặt đất mà được đứng vững. Tất cả cỏ thuốc, cây cối, rừng rậm cũng đều nương vào đất mà được sinh trưởng. Mười nghiệp thiện này cũng như thế, là chỗ nương tựa vững chắc cho hàng trời, người. Tất cả hàng Thanh văn, Bồ-đề Độc giác, hạnh nguyện của các Bồ-tát và tất cả pháp Phật cũng đều nương nơi mặt đất mười nghiệp thiện này mà được thành tựu.

Lúc Đức Phật giảng nói kinh này xong, Long vương Ta-kiệt-la cùng các đại chúng bao gồm tất cả hàng trời, người, A-tu-la... đều rất hoan hỷ, tin tưởng, lãnh thọ làm theo.

---o0o---

HẾT